

TỔNG CỤC GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
VỤ ĐÀO TẠO CHÍNH QUY



CẨM NANG

GẮN KẾT CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI DOANH NGHIỆP



CẨM NANG

GẮN KẾT CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI DOANH NGHIỆP

Chủ biên

TS. Vũ Xuân Hùng

Biên tập

Phạm Thị Minh Hiền

Hà Nội | 2020

Được phát hành theo thỏa thuận hợp tác giữa Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp (DVET) và Chương trình hợp tác Việt Đức “Đổi mới đào tạo nghề tại Việt Nam” do Tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) thay mặt Bộ Kinh tế và hợp tác phát triển Liên bang Đức (BMZ) thực hiện



Implemented by
giz Deutsche Gesellschaft
für Internationale
Zusammenarbeit (GIZ) GmbH



MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU	12
Phần I. HƯỚNG DẪN GẮN KẾT CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI DOANH NGHIỆP	19
I. Những vấn đề chung về gắn kết Giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp	19
1. Chủ trương của Đảng, Nhà nước về thúc đẩy doanh nghiệp tham gia hoạt động Giáo dục nghề nghiệp	19
2. Quy định pháp luật, cơ chế và chính sách gắn kết Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp	22
3. Gắn kết Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp là gì?	28
4. Lợi ích các bên từ gắn kết Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp	30
5. Nguyên tắc gắn kết Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp	32
6. Điều kiện để gắn kết hiệu quả giữa Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	32
7. Các hình thức gắn kết Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	33
8. Rào cản/thách thức	33
II. Hướng dẫn xây dựng, duy trì gắn kết Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp	35
1. Tổ chức hoạt động gắn kết doanh nghiệp	35
2. Xây dựng mối quan hệ với doanh nghiệp	39
3. Xác định nhu cầu kỹ năng từ doanh nghiệp phục vụ xây dựng chương trình đào tạo – Giới thiệu phương pháp DACUM (Developing a Curriculum)	42
4. Triển khai đào tạo tại doanh nghiệp	44
5. Thỏa thuận bốn bên về hỗ trợ đào tạo và tuyển dụng người học sau tốt nghiệp	49
6. Khảo sát doanh nghiệp	49
7. Duy trì gắn kết hiệu quả với doanh nghiệp	50
III. Bộ công cụ thực hiện gắn kết giữa Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp và doanh nghiệp (Xem Phụ lục 2)	52

PHẦN II. GIỚI THIỆU MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐÀO TẠO GẮN KẾT GIỮA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM	53
I. Mô hình thí điểm liên kết đào tạo (co-operative training) trong khuôn khổ Chương trình hợp tác Việt Đức Đổi mới đào tạo nghề ở Việt Nam	55
1. Giới thiệu mô hình	55
2. Kinh nghiệm áp dụng mô hình	56
II. Mô hình thí điểm đào tạo gắn kết với doanh nghiệp trong Dự án hợp tác giữa Việt Nam và Đan Mạch (VDV)	60
1. Giới thiệu mô hình	60
2. Kinh nghiệm áp dụng mô hình	61
III. Mô hình thí điểm đào tạo có sự tham gia của doanh nghiệp trong Chương trình “Úc cùng Việt Nam phát triển nguồn nhân lực” (Aus4Skills)	63
1. Giới thiệu mô hình	63
2. Kinh nghiệm áp dụng mô hình	66
IV. Một số mô hình đào tạo gắn kết với doanh nghiệp đã được triển khai tại các cơ sở Giáo dục nghề nghiệp	68
1. Mô hình đào tạo kép của trường ĐHSPTK Hưng Yên trong đào tạo trình độ CĐ	68
2. Mô hình Ban Tư vấn chất lượng tại trường CĐ nghề Công nghệ cao Đồng Nai	70
3. Mô hình đào tạo kép trình độ CĐ chất lượng cao giữa trường CĐ Lý Tự Trọng và Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh VINFAST (từ tháng 7/2020)	72
4. Mô hình đào tạo kép giữa trường trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu với các doanh nghiệp trong ngành nghề liên quan đến lĩnh vực điện	72
5. Mô hình đào tạo kép giữa giữa trường CĐ Công nghệ Cao Hà Nội và Tập đoàn Hanwha (Hàn Quốc)	73

TÀI LIỆU THAM KHẢO	75
PHỤ LỤC 1 MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA DOANH NGHIỆP TRONG HOẠT ĐỘNG GDNN TẠI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT - GIAI ĐOẠN 2011 - 2020	77
PHỤ LỤC 2 BỘ CÔNG CỤ THỰC HIỆN GẮN KẾT CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI DOANH NGHIỆP	96
Công cụ 1 Kế hoạch tổng thể gắn kết dn của Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp năm ...	96
Công cụ 2 Bảng theo dõi hoạt động gắn kết doanh nghiệp	97
Công cụ 3 Bảng tổng hợp theo dõi gắn kết dn của Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp	98
Công cụ 4 Danh sách doanh nghiệp tham gia gắn kết	99
Công cụ 5 Mẫu biên bản thỏa thuận/biên bản ghi nhớ hợp tác	100
Công cụ 6 Kế hoạch thực tập giữa dn và Cơ sở Giáo dục nghề nghiệp	102
Công cụ 7 Thông tin dành cho HS-SV trước đợt thực tập	103
Công cụ 8 Mẫu hợp đồng liên kết đào tạo	104
Công cụ 9 Hợp đồng đào tạo nghề	108
Công cụ 10 Sổ nhật ký thực tập	112
Công cụ 11 Phiếu đánh giá kết quả thực tập	113
Công cụ 12 Mẫu thỏa thuận bốn bên về hỗ trợ đào tạo và tuyển dụng người học sau tốt nghiệp	115
Công cụ 13 Phiếu khảo sát doanh nghiệp	123
PHỤ LỤC 3 PHỤ LỤC 2 BỘ CÔNG CỤ THỰC HIỆN GẮN KẾT CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI DOANH NGHIỆP	131

DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

VIẾT TẮT	ĐỌC LÀ
ATVSLĐ	An toàn vệ sinh lao động
CĐ	Cao đẳng
CSGDNN	Cơ sở giáo dục nghề nghiệp
DN	Doanh nghiệp
GDNN	Giáo dục nghề nghiệp
GIZ	Tổ chức hợp tác quốc tế Đức
DACUM	Phát triển chương trình đào tạo (Developping a Curriculum)
HĐKNNĐP	Hội đồng kỹ năng nghề địa phương
HS-SV	Học sinh, sinh viên
LĐTBXH	Lao động -Thương binh và Xã hội
SC	Sơ cấp
TTLĐ	Thị trường lao động
TC	Trung cấp

DANH MỤC CÁC HÌNH & HỘP

CÁC HÌNH

Hình 1	CSGDNN và DN đồng giữ vai trò chủ thể quá trình đào tạo
Hình 2	Chu trình quản lý gắn kết CSGDNN với DN theo vòng tròn Deming
Hình 3	Quy trình cập nhật và sử dụng thông tin gắn kết với từng DN theo từng chương trình đào tạo
Hình 4	Quy trình ba bước liên kết đào tạo trong mô hình đào tạo kép

CÁC HỘP

Hộp 1	Điều 51, 52 của Luật GDNN
Hộp 2	Điều 59, 60, 61, 62 của Bộ Luật Lao động (2019)
Hộp 3	Quy trình xây dựng quan hệ gắn kết CSGDNN và DN
Hộp 4	Quy trình phân tích nghề DACUM
Hộp 5	Quy trình triển khai hoạt động thực tập tại DN không trong chương trình liên kết đào tạo với DN
Hộp 6	Quy trình triển khai hoạt động thực tập tại DN trong chương trình liên kết đào tạo với DN
Hộp 7	Quy trình khảo sát DN

LỜI NÓI ĐẦU

Gắn kết giữa đào tạo và việc làm, giữa cơ sở giáo dục nghề nghiệp (CSGDNN) và doanh nghiệp (DN) là chủ trương của Đảng, Nhà nước đã được quy định trong các văn bản pháp luật nhằm giảm khoảng cách giữa “thế giới đào tạo” và “thế giới việc làm”, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, cải thiện năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh của quốc gia. Nghị quyết Đại hội Đảng lần thứ XII (năm 2016) định hướng:

Đẩy mạnh dạy nghề và gắn kết đào tạo với DN; ...Tăng cường quản lý nhà nước về nguồn nhân lực, gắn kết cung - cầu



Quốc gia là con thuyền, DN là tay chèo và trong cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4, DN là “trung tâm của đổi mới sáng tạo”¹. Vì vậy DN luôn là đối tác tiềm năng quan trọng nhất của các CSGDNN. DN tham gia sâu vào toàn bộ quá trình đào tạo: Đầu vào – Quá trình – Đầu ra.

Để hướng dẫn và hỗ trợ các CSGDNN và DN thiết lập và duy trì mối quan hệ gắn kết hiệu quả, bền vững, được sự đồng ý của lãnh đạo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Vụ Đào tạo chính quy, Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp đã chủ trì, phối hợp với Chương trình hợp tác Việt Đức Đổi mới đào tạo nghề tại Việt Nam do Tổ chức hợp tác phát triển Đức (GIZ) thay mặt Bộ Kinh tế và phát triển Liên bang Đức (BMZ) tổ chức biên soạn cuốn “Cẩm nang gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp”. Chương trình hợp tác Việt Đức Đổi mới đào tạo nghề tại Việt Nam đã hỗ trợ và đồng hành với Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp trong các hoạt động tìm kiếm thông tin, tài liệu, tổ chức Hội thảo và khai thác kinh nghiệm về gắn kết CSGDNN với DN.



⁽¹⁾ Việt Nam 2035 Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng, dân chủ (Báo cáo tổng quan của Nhóm Ngân hàng thế giới-Bộ Kế hoạch và Đầu tư



MỤC TIÊU BIÊN SOẠN CUỐN CẨM NANG

Cuốn cẩm nang **"Gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp"** được nghiên cứu và biên soạn nhằm:

- (i) Cung cấp thông tin và kiến thức về gắn kết CSGDNN với DN để CSGDNN và DN hiểu về sự cần thiết của việc gắn kết, hợp tác, nắm được chủ trương của Đảng, Nhà nước, các quy định của pháp luật, cơ chế và chính sách liên quan, trên cơ sở đó, cùng cộng đồng trách nhiệm tham gia phát triển sự nghiệp GDNN;
- (ii) Hướng dẫn CSGDNN và DN quy trình và cách thức tổ chức triển khai quản lý hoạt động gắn kết hiệu quả và bền vững;
- (iii) Cung cấp bộ cung cụ để hỗ trợ CSGDNN và DN trong xây dựng và duy trì mối quan hệ hợp tác.



CẤU TRÚC & NỘI DUNG CUỐN CẨM NANG

Cuốn cẩm nang có 3 phần, cụ thể là:

Phần mở đầu

Phần I: Hướng dẫn gắn kết CSGDNN với DN

Phần II: Giới thiệu một số mô hình đào tạo gắn kết giữa CSGDNN với DN tại Việt Nam



ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG

CUỐN CẨM NANG

Cuốn Cẩm nang **"Gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp"** là tài liệu tham khảo bổ ích và thiết thực cho:

- Cơ quan quản lý các cấp trung ương và địa phương về GDNN và DN để định hướng hoạch định chiến lược, chính sách phát triển nhân lực, đào tạo kỹ năng nghề nghiệp đáp ứng nhu cầu nhân lực của DN và TTLĐ;
- Các cơ quan nghiên cứu, các nhà khoa học, các chuyên gia nghiên cứu về hoạt động gắn kết CSGDNN với DN;
- Các CSGDNN định hướng phát triển, xây dựng kế hoạch, tổ chức thực hiện, quản lý và đánh giá hiệu quả gắn kết đào tạo nhằm đạt được mục tiêu đề ra;
- Các DN lựa chọn các hình thức gắn kết với các CSGDNN, tham gia vào quá trình đào tạo để đáp ứng nhu cầu nhân lực của DN;
- Giảng viên, nhà giáo các CSGDNN, người đào tạo tại DN tham khảo ứng dụng vào hoạt động quản lý và dạy học;
- Người học tại các CSGDNN, người lao động trong các DN tham khảo để vận dụng vào hoạt động học, tự học thích ứng với môi trường học tập tại nhà trường và tại DN;
- Các chương trình, dự án tương đồng về cách tiếp cận, cách thức phối hợp, chia sẻ kinh nghiệm, phát hiện và xây dựng các mô hình "Gắn kết CSGDNN với DN" hiệu quả và sử dụng cho bất kỳ ai có quan tâm đến những vấn đề có liên quan đến gắn kết CSGDNN với DN.

Cẩm nang gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp được phát hành bản điện tử trên trang thông tin điện tử của Vụ Đào tạo chính quy, Tổng cục GDNN, địa chỉ: <https://daotaocq.gdhn.gov.vn/van-ban-tai-lieu/>

Vì điều kiện thời gian và nguồn lực có hạn nên trong quá trình biên soạn Cẩm nang không thể tránh được những khiếm khuyết. Ban Biên tập rất mong nhận được góp ý từ người đọc để Cẩm nang được cập nhật, bổ sung và hoàn thiện cho lần xuất bản sau./.

BAN BIÊN TẬP

LỜI CẢM ƠN

Ban biên tập cuốn Cẩm nang "**Gắn kết cơ sở giáo dục nghề nghiệp với doanh nghiệp**" xin trân trọng gửi lời cảm ơn đến:

- Lãnh đạo Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và cá nhân TS. Trương Anh Dũng, Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp vì sự chỉ đạo, ủng hộ, giúp đỡ trong các hoạt động biên soạn cuốn Cẩm nang;
- Chương trình hợp tác Việt Đức về Đổi mới đào tạo nghề tại Việt Nam do tổ chức Hợp tác Phát triển Đức (GIZ) thay mặt Bộ Kinh tế và hợp tác phát triển Liên bang Đức BMZ thực hiện và cá nhân Tiến sĩ Jürgen Hartwig, Giám đốc Chương trình đổi mới GDNN Việt Nam GIZ và Bà Britta van Erckelen, Phó Giám đốc Chương trình đổi mới GDNN Việt Nam GIZ;
- Nhóm chuyên gia gồm TS. Phan Chính Thức – Chuyên gia đào tạo nghề (Trưởng nhóm), TS. Lê Thanh Nhu – Giảng viên Viện sư phạm kỹ thuật đại học Bách khoa Hà Nội, Thạc sỹ Ngô Hà Thu – Chuyên gia độc lập vì sự nhiệt tâm và kinh nghiệm phong phú cùng đã tham gia nghiên cứu, biên soạn cuốn Cẩm nang;
- Các CSGDNN, DN, các chuyên gia đã cung cấp thông tin, tài liệu phục vụ biên soạn cuốn Cẩm nang này cũng như tham gia, đóng góp trực tiếp vào việc biên soạn cuốn Cẩm nang;

Ban Biên tập xin cảm ơn tất cả những ai đã tham gia, đóng góp vào việc biên soạn cuốn Cẩm nang. Nếu trong Cẩm nang này, Ban Biên tập lỡ quên ghi tên ai đó về những ý tưởng và đóng góp công sức của họ, chúng tôi thành thật xin cáo lỗi./.

TM. BAN BIÊN TẬP



TS. Vũ Xuân Hùng

PHẦN I

HƯỚNG DẪN GẮN KẾT CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI DOANH NGHIỆP

I NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ GẮN KẾT CSGDNN VỚI DN

1. Chủ trương của Đảng, Nhà nước về thúc đẩy DN tham gia hoạt động GDNN

Xác định tầm quan trọng của việc gắn kết DN trong GDNN, trong những năm qua, Đảng, Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách về tăng cường hoạt động đào tạo gắn kết với DN.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XI (năm 2011) của Đảng đã xác định: **“Đẩy mạnh đào tạo nghề theo nhu cầu phát triển của xã hội; có cơ chế và chính sách thiết lập mối liên kết chặt chẽ giữa các DN với cơ sở đào tạo”**.

Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII (năm 2016) của Đảng tiếp tục nhấn mạnh: **“...Đẩy mạnh dạy nghề và gắn kết đào tạo với DN... Tăng cường quản lý nhà nước về nguồn nhân lực, gắn kết cung-cầu”**.

Trong những năm gần đây, sự đồng hành của DN với GDNN được Chính phủ xác định là giải pháp đột phá để tăng quy mô và nâng cao chất lượng GDNN, qua đó Chính phủ và Bộ LĐTBXH đã tập trung triển khai nhiều giải pháp để thúc đẩy DN tham gia hoạt động GDNN nói chung cũng như gắn kết DN và CSGDNN nói riêng như:

- Hoàn thiện hệ thống văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến DN tham gia GDNN;
- Bộ LĐTBXH ban hành Kế hoạch tổng thể tổ chức các hoạt động gắn kết DN hàng năm (từ năm 2018 – 2020), phối hợp với Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) thành lập Tổ công tác gắn kết GDNN với TTLĐ và việc làm bền vững thực hiện nhiệm vụ tham mưu và thúc đẩy các hoạt động gắn kết GDNN với DN, gắn đào tạo với việc làm.
- Tổ chức thành công Diễn đàn Quốc gia “Nâng tầm kỹ năng lao động Việt Nam” (tháng 11/2019) do Thủ tướng Chính phủ chủ trì với sự tham dự của 1.500 đại biểu. Đây là diễn đàn lớn nhất từ trước tới nay trong hoạt động GDNN với chủ đề: “DN đồng hành đổi mới và nâng cao chất lượng GDNN”. Kết thúc Diễn đàn, Bộ LĐTBXH đã trình và Thủ tướng ban hành Chỉ thị số 24/CT-Ttg ngày 28/5/2020 “Về đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực có kỹ năng nghề góp phần nâng cao năng suất lao động và năng lực cạnh tranh quốc gia trong tình hình mới”, trong đó Thủ tướng chỉ đạo các Bộ, ngành, địa phương tập trung thực hiện gắn kết chặt chẽ 3 “Nhà”: Nhà nước – Nhà trường – Nhà DN trong các hoạt động GDNN; khuyến khích các DN công nhận, tuyển dụng, sử dụng, trả tiền lương, tiền công cho người lao động dựa trên kỹ năng và năng lực hành nghề; tuyển dụng, sử dụng người lao động đã qua đào tạo hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia theo quy định của pháp luật;



- Giai đoạn từ 2016 đến nay, gần 1.000 cán bộ, kỹ sư, kỹ thuật viên, chuyên gia đến từ DN đã được huy động tham gia quá trình đánh giá, phân tích nghề khi xây dựng chuẩn đầu ra cho 300 ngành, nghề trình độ TC, CĐ, tham gia xây dựng và thẩm định chuẩn đầu ra; cập nhật, chỉnh sửa tiêu chuẩn kỹ năng nghề quốc gia... Nhiều hội thảo với chủ đề về tăng cường gắn kết với DN đã được tổ chức.
- Bộ LĐTBXH tổ chức ký kết hợp tác với các DN, tập đoàn lớn để tăng cường gắn kết giữa DN với CSGDNN. Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp ký kết các chương trình hợp tác với các Hiệp hội nghề nghiệp: Hiệp hội GDNN và Nghề Công tác xã hội Việt Nam, Hiệp hội DN nhỏ và vừa Việt Nam, Hiệp hội du lịch Việt Nam, Hiệp hội bán lẻ Việt Nam, Hội Mỹ nghệ và Chế biến gỗ Tp. Hồ Chí Minh, Hội doanh nhân trẻ Việt Nam, Hiệp hội DN Logistics Việt Nam v.v...; với các DN lớn; các tổ chức và đối tác quốc tế để phối hợp hoạt động gắn kết có hiệu quả và bền vững.
- Điều phối, thúc đẩy các dự án nước ngoài tư vấn, hỗ trợ các hoạt động có liên quan đến gắn kết DN, đặc biệt là tập trung thí điểm xây dựng cơ chế đào tạo kép trong GDNN như chương trình Đổi mới đào tạo nghề Việt Nam (GIZ TVET Việt Nam), dự án phát triển GDNN Việt Nam – Hợp tác Việt Nam – Đan Mạch, dự án Aus4skills...
- Đẩy mạnh gắn kết CSGDNN với DN tại địa phương; nhiều tỉnh đã ban hành cơ chế, chính sách, đồng thời chỉ đạo, hướng dẫn các doanh nghiệp và CSGDNN trên địa bàn thúc đẩy hoạt động gắn kết trong đào tạo
- Tăng cường hiệu quả hoạt động của các sàn giao dịch việc làm nhằm giới thiệu việc làm, cung ứng, tuyển lao động nói chung, HS-SV sau tốt nghiệp của các CSGDNN nói riêng.

2. Quy định pháp luật, cơ chế và chính sách gắn kết CSGDNN với DN

2.1. Về quy định pháp luật

Luật GDNN năm 2014 có một chương quy định về quyền và trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN (Điều 51 và 52) và Bộ Luật lao động 2019 (sửa đổi) cũng có một chương riêng quy định về học nghề, đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ kỹ năng nghề.

HỘP 1 ĐIỀU 51, 52 CỦA LUẬT GDNN NĂM 2014

Điều 51. Quyền của DN trong hoạt động GDNN

1. Được thành lập CSGDNN để đào tạo nhân lực trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong DN và cho xã hội.
2. Được đăng ký hoạt động GDNN để tổ chức đào tạo trình độ SC và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật này cho người lao động làm việc tại DN và lao động khác; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo cho người khuyết tật vào học tập và làm việc cho DN.
3. Được phối hợp với các cơ sở hoạt động GDNN khác để tổ chức đào tạo các trình độ SC, TC, CEĐ và các chương trình đào tạo thường xuyên.
4. Được tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực tập và đánh giá kết quả học tập của HS-SV tại CSGDNN.
5. Các khoản chi cho hoạt động đào tạo nghề nghiệp của DN được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế.



Điều 52. Trách nhiệm của doanh nghiệp trong hoạt động giáo dục nghề nghiệp

1. Cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, sử dụng lao động của doanh nghiệp theo ngành, nghề và nhu cầu tuyển dụng lao động hàng năm cho cơ quan quản lý nhà nước về giáo dục nghề nghiệp
2. Tổ chức đào tạo hoặc đặt hàng với cơ sở giáo dục nghề nghiệp để đào tạo người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại doanh nghiệp.
3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm đã thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đào tạo với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
4. Tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực tập, đánh giá kết quả học tập của người học tại cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp; tiếp nhận người học, nhà giáo đến tham quan, thực hành, thực tập nâng cao kỹ năng nghề thông qua hợp đồng với cơ sở hoạt động giáo dục nghề nghiệp.
5. Trả tiền lương, tiền công cho người học, nhà giáo trực tiếp hoặc tham gia lao động làm ra sản phẩm hợp quy cách trong thời gian đào tạo, thực hành, thực tập tại doanh nghiệp theo mức do các bên thỏa thuận.
6. Phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề và đào tạo lại nghề cho người lao động của doanh nghiệp.
7. Tạo điều kiện cho người lao động của doanh nghiệp vừa làm vừa học để nâng cao trình độ kỹ năng nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động.
8. Chỉ được sử dụng lao động đã qua đào tạo hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với những nghề trong danh mục do Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định.



HỘP 2

**ĐIỀU 59 – 62 CHƯƠNG IV GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP
VÀ PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG NGHỀ TRONG BỘ LUẬT LAO ĐỘNG 2019**

Điều 59. Đào tạo nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề

1. Người lao động được tự do lựa chọn đào tạo nghề nghiệp, tham gia đánh giá, công nhận kỹ năng nghề quốc gia, phát triển năng lực nghề nghiệp phù hợp với nhu cầu việc làm và khả năng của mình.
2. Nhà nước có chính sách khuyến khích người sử dụng lao động có đủ điều kiện đào tạo nghề nghiệp và phát triển kỹ năng nghề cho người lao động đang làm việc cho mình và người lao động khác trong xã hội thông qua hoạt động sau đây:
 - a) Thành lập cơ sở giáo dục nghề nghiệp hoặc mở lớp đào tạo nghề tại nơi làm việc để đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động; phối hợp với cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo các trình độ sơ cấp, trung cấp, cao đẳng và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác theo quy định;
 - b) Tổ chức thi kỹ năng nghề cho người lao động; tham gia hội đồng kỹ năng nghề; dự báo nhu cầu và xây dựng tiêu chuẩn kỹ năng nghề; tổ chức đánh giá và công nhận kỹ năng nghề; phát triển năng lực nghề nghiệp cho người lao động.

Điều 60. Trách nhiệm của người sử dụng lao động về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề

1. Người sử dụng lao động xây dựng kế hoạch hằng năm và dành kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động đang làm việc cho mình; đào tạo cho người lao động trước khi chuyển làm nghề khác cho mình.
2. Hằng năm, người sử dụng lao động thông báo kết quả đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

Điều 61. Học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động

1. Học nghề để làm việc cho người sử dụng lao động là việc người sử dụng lao động tuyển người vào để đào tạo nghề nghiệp tại nơi làm việc. Thời gian học nghề theo chương trình đào tạo của từng trình độ theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.
2. Tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động là việc người sử dụng lao động tuyển người vào để hướng dẫn thực hành công việc, tập làm nghề theo vị trí việc làm tại nơi làm việc. Thời hạn tập nghề không quá 03 tháng.

2. Người sử dụng lao động tuyển người vào học nghề, tập nghề để làm việc cho mình thì không phải đăng ký hoạt động giáo dục nghề nghiệp; không được thu học phí; phải ký hợp đồng đào tạo theo quy định của Luật Giáo dục nghề nghiệp.
3. Người học nghề, người tập nghề phải đủ 14 tuổi trở lên và phải có đủ sức khỏe phù hợp với yêu cầu học nghề, tập nghề. Người học nghề, người tập nghề thuộc danh mục nghề, công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm do Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội ban hành phải từ đủ 18 tuổi trở lên, trừ lĩnh vực nghệ thuật, thể dục, thể thao.
4. Trong thời gian học nghề, tập nghề, nếu người học nghề, người tập nghề trực tiếp hoặc tham gia lao động thì được người sử dụng lao động trả lương theo mức do hai bên thỏa thuận.
5. Hết thời hạn học nghề, tập nghề, hai bên phải ký kết hợp đồng lao động khi đủ các điều kiện theo quy định của Bộ luật này.

Điều 62. Hợp đồng đào tạo nghề giữa người sử dụng lao động, người lao động và chi phí đào tạo nghề

1. Hai bên phải ký kết hợp đồng đào tạo nghề trong trường hợp người lao động được đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, đào tạo lại ở trong nước hoặc nước ngoài từ kinh phí của người sử dụng lao động, kể cả kinh phí do đối tác tài trợ cho người sử dụng lao động.

Hợp đồng đào tạo nghề phải làm thành 02 bản, mỗi bên giữ 01 bản.

2. Hợp đồng đào tạo nghề phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Nghề đào tạo;
- Địa điểm đào tạo, thời hạn đào tạo;
- Chi phí đào tạo;
- Thời hạn người lao động cam kết phải làm việc cho người sử dụng lao động sau khi được đào tạo;
- Trách nhiệm hoàn trả chi phí đào tạo;
- Trách nhiệm của người sử dụng lao động.

3. Chi phí đào tạo bao gồm các khoản chi có chứng từ hợp lệ về chi phí trả cho người dạy, tài liệu học tập, trường, lớp, máy, thiết bị, vật liệu thực hành, các chi phí khác hỗ trợ cho HS-SV và tiền lương, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho HS-SV trong thời gian đi học. Trường hợp người lao động được gửi đi đào tạo ở nước ngoài thì chi phí đào tạo còn bao gồm chi phí đi lại, chi phí sinh hoạt trong thời gian ở nước ngoài.

Hàng loạt văn bản quy phạm pháp luật cụ thể hóa Điều 51 và 52 Luật GDNN được xây dựng và hoàn thiện (xem chi tiết tại Phụ lục 01). Một số quy định mới nhằm tăng cường gắn kết CSGDNN với DN như: (i) CSGDNN bắt buộc phải có sự tham gia của DN khi xây dựng chương trình đào tạo, (ii) gắn kết DN là một tiêu chí đánh giá chất lượng, hiệu quả hoạt động của nhà trường. Đáng chú ý, gần đây Bộ LĐTBXH đã ban hành Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 về liên kết đào tạo, trong đó quy định cụ thể quyền và nghĩa vụ của DN trong việc phối hợp với CSGDNN để tổ chức đào tạo, DN có thể tham gia giảng dạy 40% chương trình đào tạo.

2.2. Về cơ sở chính sách:

Cơ chế, chính sách gắn kết GDNN với DN, nhất là các chính sách ưu đãi về thuế dành cho DN được thể hiện trong nhiều các văn bản luật như: Bộ luật Lao động, Luật GDNN, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất, nhập khẩu, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế .v.v... và nhiều các văn bản quy phạm pháp luật hướng dẫn thực hiện luật. Theo quy định, DN khi tham gia hoạt động GDNN được hưởng một số chính sách như sau:

a) Chính sách chung

DN được tham gia vào các hoạt động GDNN như được thành lập CSGDNN; được đăng ký hoạt động GDNN để đào tạo trình độ SC và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác; được phối hợp với CSGDNN để liên kết đào tạo các trình độ TC, CĐ; được tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực tập và đánh giá kết quả học tập của HS-SV tại CSGDNN.

b) Các chính sách ưu đãi về thuế

Chính sách thuế thu nhập DN

Theo quy định của Luật Thuế thu nhập DN, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và các văn bản hướng dẫn (Thông tư số 11/VBHN-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính về hợp nhất hướng dẫn một số chính sách thuế thu nhập DN...), DN tham gia hoạt động

GDNN thì được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế đối với những khoản chi sau:

- Chi phí trả cho người dạy; chi phí cho biên soạn tài liệu học tập; chi phí cho mua sắm thiết bị dùng để hoạt động GDNN, vật liệu thực hành;
- Chi phí xây dựng cơ sở vật chất, chi phí mua sắm máy, thiết bị là tài sản cố định dùng để tổ chức hoạt động GDNN được trích khấu hao tính vào chi phí được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế;
- Các chi phí khác hỗ trợ cho HS-SV và các khoản chi khi tham gia hoạt động GDNN theo quy định.
- Chi phí đào tạo của DN cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại DN;
- Chi tài trợ cho các CSGDNN công lập, tư thực mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các CSGDNN;



- Chi tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động thường xuyên của CSGDNN;
- Chi tài trợ học bổng cho học sinh, HS-SV của các CSGDNN; tài trợ cho các cuộc thi tay nghề mà đối tượng tham gia dự thi là HS-SV.
- Chi tài trợ để thành lập các Quỹ khuyến học giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo;
- Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội, người đang cai nghiện, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV/AIDS;
- Ngoài thuế thu nhập DN khi tham gia hoạt động GDNN còn được hưởng thuế suất ưu đãi, cụ thể:
- Thuế suất ưu đãi 10% trong suốt thời gian hoạt động áp dụng đối với phần thu nhập của DN từ hoạt động trong lĩnh vực GDNN;
- DN thành lập mới hoạt động trong lĩnh vực GDNN được miễn thuế tối đa không quá bốn năm và giảm 50% số thuế phải nộp tối đa không quá chín năm tiếp theo tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn hoặc đặc biệt khó khăn

tăng và các văn bản hướng dẫn (Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành về thuế giá trị gia tăng), các đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng bao gồm:

- Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật bao gồm cả dạy ngoại ngữ, tin học...và dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp;
- Xuất bản, nhập khẩu, phát hành báo, tạp chí, bản tin chuyên ngành, sách giáo khoa, giáo trình, sách khoa học-kỹ thuật.

Chính sách thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu

Theo quy định của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu năm 2016 và các văn bản hướng dẫn, DN được miễn thuế nhập khẩu đối với hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng trong nước chưa sản xuất được phục vụ trực tiếp cho GDNN.

c) Các chính sách khác

Ngoài các chính sách trên, DN còn được hưởng các chính sách xã hội hóa và một số chính sách ưu đãi khác khi tham gia hoạt động GDNN quy định trong Luật GDNN và trong các văn bản quy phạm pháp luật khác.

Chính sách thuế giá trị gia tăng

Theo quy định của Luật Thuế giá trị gia



3. Khái niệm gắn kết CSGDNN với DN

Gắn kết GDNN với DN được hiểu là hợp tác với DN và huy động sự tham gia của DN trong các hoạt động GDNN ở cả cấp vĩ mô và vi mô. Gắn kết GDNN với DN ở cấp vĩ mô là có sự hỗ trợ hay tham gia của cơ quan quản lý nhà nước như chính sách: DN tham gia xây dựng chuẩn đầu ra; DN tham gia góp ý quy định, chính sách liên quan đến GDNN; chính phủ đặt hàng DN đào tạo... Gắn kết GDNN với DN ở cấp vi mô là gắn kết trực tiếp giữa CSGDNN và DN. Dù ở cấp độ nào thì mục tiêu gắn kết DN trong GDNN là nhằm đảm bảo GDNN đáp ứng được yêu cầu của DN và đảm bảo cơ hội việc làm bền vững cho HS-SV sau khi tốt nghiệp.



Như vậy gắn kết giữa CSGDNN với DN là một nội dung quan trọng trong gắn kết DN và GDNN. Gắn kết giữa CSGDNN với DN là sự hợp tác hay mối quan hệ 2 chiều nhằm đem lại lợi ích cho cả CSGDNN và DN (hợp tác win – win).



4. Lợi ích các bên từ gắn kết CSGDNN với DN

Hợp tác hiệu quả giữa CSGDNN và DN mang lại nhiều lợi ích cho các bên liên quan:

Đối với HS-SV

- Tiếp cận thiết bị, công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại tại doanh nghiệp; được nâng cao kỹ năng thực hành; rèn luyện tác phong công nghiệp, thái độ làm việc nghiêm túc;
- Cơ hội trải nghiệm thực tế tại nơi làm việc để tự tin và sẵn sàng ở môi trường làm việc sau khi tốt nghiệp;
- Định hướng nghề nghiệp tốt hơn;

- Cơ hội có thu nhập khi thực tập tại DN;
- Cơ hội việc làm ngay sau khi tốt nghiệp.

Đối với CSGDNN (đồng thời là lợi ích gián tiếp cho HS-SV)

- Đánh giá được yêu cầu kỹ năng của người lao động, các nhu cầu về đào tạo và tuyển dụng để từ đó xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo phù hợp với yêu cầu thực tiễn của DN;
- Khả năng linh hoạt và thích ứng trong hoạt động đào tạo tốt hơn;
- Khai thác được cơ sở vật chất, thiết bị và công nghệ của DN; nâng cao hiệu quả trong hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ
- Giảm được chi phí đầu tư trang thiết bị; giảm được chi phí đào tạo khi DN tham

gia đào tạo một số mô đun, môn học;

- Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ, nhà giáo;
- Nâng cao thương hiệu của CSGDNN;
- Tăng nguồn thu từ hoạt động tư vấn hay cung cấp khóa đào tạo cho DN;
- Doanh nghiệp hỗ trợ CSGDNN trong việc giới thiệu, giải quyết việc làm cho HS-SV tốt nghiệp.

Đối với DN

- Giải quyết vấn đề thiếu hụt lao động hiện tại;
- Giảm chi phí liên quan đến tuyển dụng nhân sự, tiếp cận được với ứng viên tốt khi tuyển dụng và lựa chọn được nhân sự phù hợp với yêu cầu thực tế của DN;
- Giảm tác động từ những biến động lao động trong dài hạn;
- Được hưởng cơ chế, chính sách ưu đãi về thuế và một số chính sách ưu đãi khác khi tham gia hoạt động GDNN theo quy định;
- Giảm chi phí đào tạo lao động của DN, đảm bảo đào tạo đúng mục tiêu và phù hợp hơn;
- Tiếp cận sự hỗ trợ và tư vấn từ phía CS-GDNN, cập nhật công nghệ và các giải pháp khoa học kỹ thuật (đặc biệt đối với DN có quy mô nhỏ; CSGDNN có thể tư vấn quy trình sản xuất tăng hiệu quả, nâng cao năng suất lao động cho DN);
- Giải quyết được nhu cầu đào tạo nâng cao trình độ, kỹ năng cho lao động của DN (trong trường hợp CSGDNN cung cấp khóa đào tạo cho DN);
- Mở rộng đối tác hợp tác trong cùng lĩnh vực ngành, nghề;
- Tác động tích cực (gián tiếp) đến phát triển kinh doanh, quảng bá thương hiệu của DN (ví dụ: HS-SV được DN hỗ trợ đào tạo sẽ hiểu biết về sản phẩm của DN nhờ đó sẽ giới thiệu sản phẩm và quảng bá tốt hơn đến người tiêu dùng; cấp học bổng cho HSSV cũng là một giải pháp cho việc quảng bá thương hiệu DN)
- Là cơ hội để DN phản hồi về chất lượng đào tạo của CSGDNN để CSGDNN đào tạo sát hơn với thực tiễn yêu cầu của DN;
- Nâng cao vị thế và hình ảnh của DN;
- Là cơ hội DN thực hiện trách nhiệm xã hội;

Đối với xã hội (nền kinh tế)

- Năng suất lao động tăng, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh;
- Khai thác nguồn nhân lực tốt hơn;
- Chỉ tiêu cho đào tạo đảm bảo đúng mục tiêu;
- Phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

5. Nguyên tắc gắn kết CSGDNN với DN

Gắn kết giữa CSGDNN với DN dựa trên 3 nguyên tắc:

- Cộng đồng trách nhiệm;
- Chia sẻ lợi ích;
- Đảm bảo chất lượng.

Thực hiện các nguyên tắc trên các CSGDNN và DN phải là đồng chủ thể trong toàn bộ quá trình đào tạo (Đầu vào- Quá trình dạy và học- Đầu ra)



Hình 1: CSGDNN và DN đồng giữ vai trò chủ thể quá trình đào tạo

6. Điều kiện để gắn kết hiệu quả giữa CSGDNN với DN

- Các hoạt động hợp tác phải phù hợp với giá trị cốt lõi, mục tiêu và chiến lược phát triển của hai bên;
- Hợp tác đôi bên có lợi (hợp tác win-win), hài hòa các lợi ích;
- Tiếp cận chiến lược, hợp tác dài hạn;
- Xác định mục tiêu có thể đạt được và kỳ vọng thực tế về vai trò của đối tác;
- Tin tưởng lẫn nhau;
- Sáng tạo và nỗ lực liên tục phát triển quan hệ hợp tác.

7. Các hình thức gắn kết CSGDNN với DN

- DN liên kết với CSGDNN để đào tạo trình độ đào tạo của GDNN (CB, TC, SC) và các chương trình đào tạo thường xuyên;
- DN tham gia xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra, chương trình đào tạo và tài liệu giảng dạy của CSGDNN;
- Đại diện DN tham gia hội đồng trường của CSGDNN;
- CSGDNN mời cán bộ, chuyên gia của DN tham gia giảng dạy tại CSGDNN;
- DN tham gia hỗ trợ nhà trường trong công tác tuyển sinh, tư vấn hướng nghiệp, quảng bá nhà trường...
- DN tham gia giảng dạy một số mô đun, môn học hoặc 01 phần nội dung của mô đun tại doanh nghiệp (thuộc chương trình đào tạo hợp tác)
- DN tham gia là thành viên Hội đồng tư vấn ngành/nghề
- DN tham gia đánh giá kết quả học tập của người học; tham gia đánh giá tại các kỳ thi kỹ năng nghề HSSV cấp trường
- DN tham gia vào việc đánh giá, tổ chức thi tốt nghiệp của CSGDNN;
- DN tiếp nhận và hướng dẫn HS-SV thực tập tại DN;
- DN hỗ trợ cơ sở vật chất, thiết bị cho CSGDNN;
- DN cấp học bổng cho học sinh, HS-SV theo học tại CSGDNN;
- DN tiếp nhận nhà giáo của CSGDNN đến tham quan, thực hành, thực tập;
- DN cung cấp thông tin về nhu cầu tuyển dụng lao động, về nhu cầu đào tạo; phản hồi về chất lượng HS-SV đang làm việc tại DN;- DN tuyển dụng HS-SV sau tốt nghiệp tại CSGDNN;
- DN gửi người lao động của DN đến học tập tại CSGDNN;
- DN tiếp cận sự tư vấn và hỗ trợ từ CSGDNN về chuyên môn và công nghệ mới;
- Các hoạt động hợp tác khác.

8. Rào cản/thách thức

Có rất nhiều rào cản hay thách thức làm ảnh hưởng hay làm hạn chế đến hợp tác hiệu quả giữa CSGDNN và DN. Cả hai bên nên xem xét kỹ những rào cản và thách thức này để giải quyết kịp thời và triệt để nhằm thiết lập và duy trì mối quan hệ bền vững giữa hai bên.

Đối với CSGDNN

- Tâm lý ngại thay đổi, các CSGDNN dạy những thứ mình đang có thay vì DN cần; không muốn mở rộng gắn kết với nhiều DN.
- Xây dựng mối quan hệ vững chắc đòi hỏi thời gian, chi phí, công sức và không thể có hiệu quả ngay lập tức;
- Nhiều CSGDNN hạn chế cả về nguồn nhân lực đặc biệt CSGDNN có quy mô vừa và nhỏ thường ưu tiên chỉ tập trung cho đào tạo tại CSGDNN, không chú trọng việc gắn kết DN;
- Địa bàn của CSGDNN không có nhiều DN trong cùng lĩnh vực đào tạo của CSGDNN hoặc nhiều DN có quy mô quá nhỏ và trình độ công nghệ còn lạc hậu nên CSGDNN gặp khó khăn khi xác định nhu cầu kỹ năng và tiếp cận công nghệ từ DN trên địa bàn;
- Khó khăn trong việc lựa chọn đối tác có thể hỗ trợ CSGDNN và đối tác nào tối ưu nhất để quyết định hợp tác;
- Một số CSGDNN chỉ muốn hợp tác với DN trả phí quản lý cao cho nhà trường hoặc chỉ hợp tác với DN lớn để dễ quản lý tập trung, có điều kiện đảm bảo về kỷ túc xá trong quá trình thực tập;
- Đôi khi không đáp ứng yêu cầu của DN về bố trí đào tạo cho người lao động của DN khi số lượng cần đào tạo quá ít, nếu tổ chức đào tạo sẽ không hiệu quả;
- Chưa đủ điều kiện về đảm bảo chất lượng đào tạo.
- Tình trạng sinh viên bỏ việc, nghỉ học giữa chừng là một trong những lý do dẫn tới chưa hấp dẫn các DN.

Đối với DN

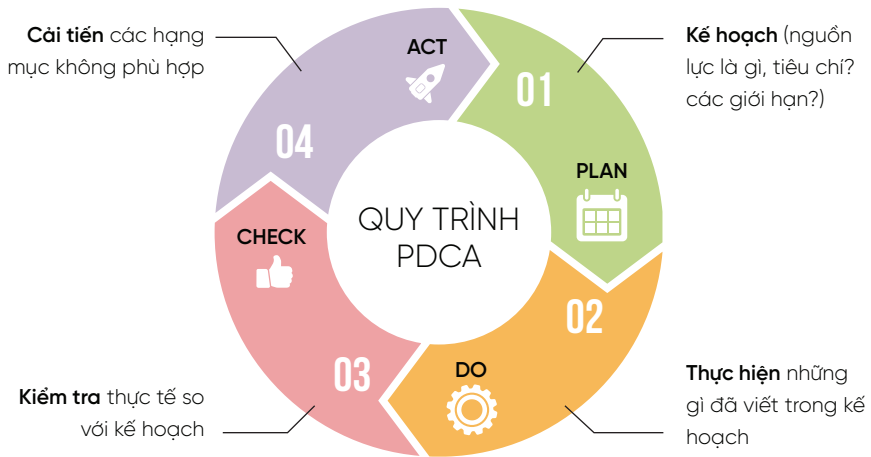
- Tâm lý ngại thay đổi; nhiều DN còn thờ ơ và chưa quan tâm đến GDNN, chưa nhìn thấy rõ lợi ích từ gắn kết với CSGDNN;
- Có định kiến hệ thống đào tạo rất phức tạp, khó để kết nối;
- Thiếu niềm tin vào hệ thống đào tạo, cho rằng nội dung đào tạo tại CSGDNN thiếu hiệu quả, gây lãng phí chi phí cho HS-SV và DN do không gắn với thực tế yêu cầu của DN;
- Ngại tiếp cận đào tạo đội ngũ lao động chưa đủ trình độ chuyên môn cũng như kinh nghiệm làm việc; lo mất thời gian công sức, lo sợ bị lộ bí mật công nghệ; việc bố trí người hướng dẫn HS-SV thực tập mang tính hình thức;
- Tài chính hạn hẹp ảnh hưởng đến việc gắn kết với CSGDNN, nhất là khi DN nhận thấy hợp tác với CSGDNN không đem lại ngay lợi ích;
- Nhiều DN có quy mô vừa và nhỏ nên chỉ có thể tập trung vào công việc của họ hay thực hiện mục tiêu của ngắn hạn.



HƯỚNG DẪN XÂY DỰNG, DUY TRÌ GẮN KẾT CSGDNN VỚI DN

1. Tổ chức hoạt động gắn kết DN

Có thể tham khảo mô hình vòng tròn Deming trong quản lý quá trình gắn kết CSGDNN với DN dưới đây (xem Hình 2).



Hình 2: Chu trình quản lý gắn kết CSGDNN và DN theo vòng tròn Deming

Quy trình PDCA (Plan-Do-Check-Act cycle)- là Quy trình vòng tròn **Kế hoạch – Thực hiện – Đánh giá – Cải tiến** là mô hình gồm 4 bước, được áp dụng cho một tổ chức khi thực hiện bất kỳ sự thay đổi, cải tiến nào. Vòng tròn không có điểm dừng và quy trình này lặp đi lặp lại để liên tục phát triển.

a) Lập kế hoạch

Do điều kiện thực tế giữa các CSGDNN là khác nhau nên không có một phương pháp hoặc cách tiếp cận duy nhất để thúc đẩy gắn kết DN và CSGDNN. Mặc dù vậy, CSGDNN dù đang ở mức độ gắn kết với DN như thế nào cần có kế hoạch tổng thể gắn kết DN của CSGDNN theo từng năm (xem Mục III, công cụ 1) và các kế hoạch chi tiết của các Khoa/Tổ, Bộ phận phụ trách công tác gắn kết CSGDNN và DN và các bộ phận liên quan.

Cần lưu ý, nội dung kế hoạch xác định căn cứ kết quả đánh giá thực trạng công tác gắn kết DN (đánh giá theo từng chương trình đào tạo, thống kê số lượng DN gắn kết, các hình thức gắn kết, đánh giá mức độ, hiệu quả gắn kết đối với từng DN...) và nhu cầu tuyển dụng, sử dụng lao động và nhu cầu hợp tác với cơ sở GDNN của DN.

Tại sao CSGDNN cần lập kế hoạch về gắn kết DN?

- Tạo điều kiện thuận lợi cho công tác chỉ đạo, giám sát của lãnh đạo CSGDNN, huy động sự tham gia, đồng thuận của tất cả đội ngũ cán bộ, nhà giáo trong CSGDNN, đảm bảo sự phối hợp nhịp nhàng, thông suốt giữa các bộ phận.
- Đảm bảo hoạt động hợp tác DN được đẩy mạnh ở tất cả các chương trình đào tạo của CSGDNN và gắn kết DN là một phần của bất kỳ chương trình đào tạo cụ thể nào của CSGDNN.
- Cho phép xây dựng và duy trì quan hệ hợp tác dài hạn, bền vững với các DN. Các DNN cũng đánh giá cao sự chuyên nghiệp của trường nếu trường luôn có chiến lược, kế hoạch cụ thể rõ ràng trong hoạt động hợp tác với DN.
- Tập trung và sử dụng hiệu quả nguồn lực cho gắn kết DN.

Các lưu ý liên quan đến lập kế hoạch gắn kết DN

- Kế hoạch cần xây dựng theo quy trình từ dưới lên (bottom – up) và từ trên xuống (top – down). Vai trò của người đứng đầu tại các CSGDNN là rất quan trọng trong việc tạo lập, xây dựng gắn kết giữa CSGDNN với DN; sự hỗ trợ của cơ quan quản lý nhà nước về GDNN tại địa phương cũng mang lại hiệu quả thực sự cho việc gắn kết (giải quyết rào cản/thách thức ban đầu)
- Nội dung kế hoạch tổng thể của trường cần chi tiết theo từng chương trình đào tạo, cần lưu ý đến chương trình đào tạo chưa có hoặc có rất ít hoạt động gắn kết DN hoặc gắn kết chưa hiệu quả.
- Rà soát, đưa trong kế hoạch các nội dung gắn kết DN, CSGDNN phải thực hiện theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật như DN tham gia Hội đồng trường, Hội đồng tự đánh giá chất lượng CSGDNN/chương trình đào tạo, tham gia xây dựng chương trình đào tạo, đưa giảng viên đi trải nghiệm thực tế tại DN...
- Kế hoạch cần đưa ra mục tiêu và các chỉ số về đầu ra cụ thể, cụ thể mốc thời gian hoàn thành theo từng quý, tháng và phải phù hợp với tiến độ đào tạo và các hoạt động khác của CSGDNN, giao bộ phận, cá nhân chịu trách nhiệm chính và bộ phận, cá nhân phối hợp.
- Phải đảm bảo khả thi trên cơ sở xem xét nguồn lực và các ưu tiên của CSGDNN.

b) Thực hiện

Về tổ chức bộ máy triển khai nhiệm vụ liên quan đến gắn kết DN

Để triển khai tốt gắn kết DN, vai trò của lãnh đạo CSGDNN rất quan trọng, Ban Giám hiệu phải chỉ đạo trực tiếp công việc này, trong đó phân công rõ nhiệm vụ cho các bộ phận, cá nhân liên quan, cơ chế báo cáo và phối hợp giữa các bộ phận, cá nhân liên quan. Các khoa, tổ giữ vai trò quyết định đến việc mở rộng và nâng cao hiệu quả gắn kết do Khoa/Tổ bộ môn trực tiếp làm việc với DN ở hầu hết các hình thức hợp tác như xác định nhu cầu kỹ năng từ DN, xây dựng chương trình đào tạo, nhà giáo trải nghiệm thực tế tại DN, thực hiện kế hoạch thực tập cho HS-SV trong lĩnh vực, chương trình đào tạo Khoa phụ trách...

Để hỗ trợ hiệu quả cho các Khoa/Tổ bộ môn đồng thời hướng đến mục tiêu chuyên nghiệp hóa gắn kết DN, CSGDNN cần bố trí một bộ phận là đầu mối tham mưu cho lãnh đạo về công tác gắn kết DN của CSGDNN; đồng thời là đầu mối liên hệ với DN khi muốn tìm hiểu, thiết lập mối quan hệ hợp tác với CSGDNN. Thực tế ở nhiều trường CĐ hiện nay, bộ phận chuyên trách về gắn kết DN đã được thành lập. Có CSGDNN thành lập Phòng công tác tuyển sinh và gắn kết DN, hay Phòng phụ trách gắn kết DN và công tác HS-SV/Phòng gắn kết DN và nghiên cứu khoa học. Có CSGDNN giao nhiệm vụ cho Phòng Đào tạo và bố trí nhân sự riêng phụ trách nhiệm vụ liên quan.

Cán bộ của bộ phận chuyên trách của trường về gắn kết DN cần kỹ năng giao tiếp tốt, nhanh nhẹn, tinh thần trách nhiệm cao và hiểu rõ các vấn đề liên quan đến gắn kết DN. CSGDNN muốn kết nối hiệu quả với DN nước ngoài thì cần bố trí cán bộ có trình độ ngoại ngữ tốt.

Xây dựng quy trình

Quy trình hóa một số hoạt động liên quan đến gắn kết CSGDNN và DN sẽ góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động gắn kết. Ví dụ, CSGDNN thiết lập quy trình liên quan đến thiết lập mối quan hệ với một DN mới. Quy trình này sẽ cụ thể các bước và trách nhiệm các bộ phận/ cá nhân liên quan gồm bước từ tìm hiểu về DN, tổ chức tham quan DN, trao đổi bàn bạc về nội dung thỏa thuận, quá trình triển khai, đánh giá thực hiện.

Cơ chế khuyến khích cán bộ nhà giáo tích cực hoạt động gắn kết

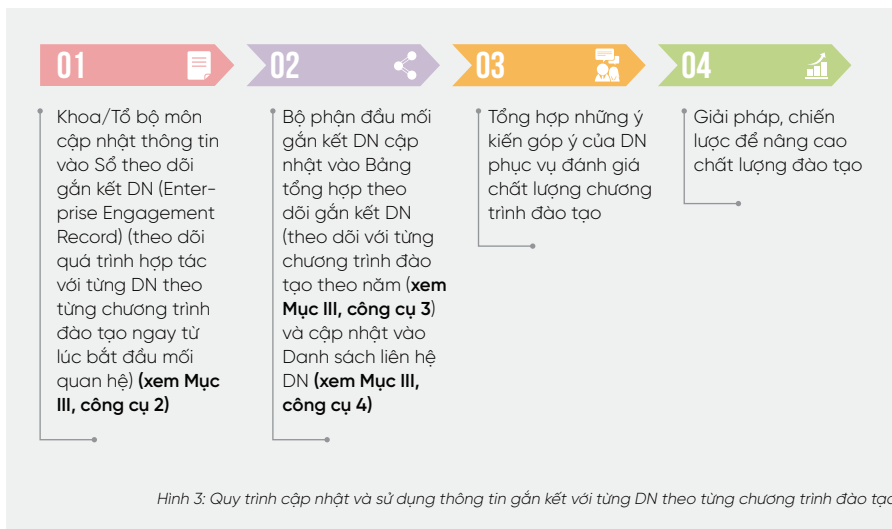
Cơ chế này nhằm tạo động lực cho cán bộ, nhà giáo chủ động, trách nhiệm trong gắn kết với DN. CSGDNN có thể nghiên cứu đưa nội dung gắn kết DN như một tiêu chí trong đánh giá, bình xét thi đua, khen thưởng của tổ chức, bộ phận, cá nhân. Thực tế, có nhiều biện pháp để ghi nhận sự đóng góp của tổ chức, cá nhân rất đơn giản nhưng hiệu quả như chia sẻ thông tin và biểu dương thành tích trong các cuộc họp, hội thảo trong nội bộ trường hay tổ chức bình chọn tổ chức, cá nhân có thành tích nổi bật trong một lĩnh vực cụ thể

Thực tế, bộ tiêu chí kiểm định chất lượng CSGDNN cũng như kiểm định chương trình đào tạo có nhiều nội dung liên quan đến gắn kết DN, do vậy, khi đánh giá chất lượng đào tạo một chương trình đào tạo cụ thể nhà trường cần xem xét đến yếu tố về hiệu quả gắn kết DN.

Cập nhật, tổng hợp thường xuyên thông tin liên quan

Việc cập nhật, lưu giữ đầy đủ thông tin liên quan đến gắn kết DN nhằm đảm bảo CSGDNN chủ động trong hoạt động gắn kết và có giải pháp kịp thời, phù hợp để gắn kết hiệu quả với DN. Việc cập nhật thông tin cũng phục vụ cho bước kiểm tra, đánh giá việc triển khai kế hoạch gắn kết DN và quan trọng hơn nữa là thông tin, ý kiến phản hồi từ DN sẽ được sử dụng để nâng cao chất lượng đào tạo của CSGDNN.

Quy trình cập nhật, tổng hợp thông tin và sử dụng thông tin từ gắn kết DN được khuyến nghị như sau (xem Hình 3)



c) Đánh giá

Ở bước này, các thông tin dữ liệu về kết quả thực hiện gắn kết DN được đánh giá, so sánh với mục tiêu, chỉ số đặt ra trong kế hoạch gắn kết để xác định mức độ hoàn thành công việc đồng thời nhằm đưa ra các hoạt động điều chỉnh, bổ sung nếu cần thiết. Chẳng hạn, mục tiêu đưa ra sẽ mở rộng hợp tác với một vài DN mới để nâng cao chất lượng đào tạo của một chương trình đào tạo cụ thể, tuy nhiên kết quả đánh giá tại thời điểm hiện tại là chưa hoàn thành thì cần xác định nguyên nhân và đưa ra giải pháp kịp thời.

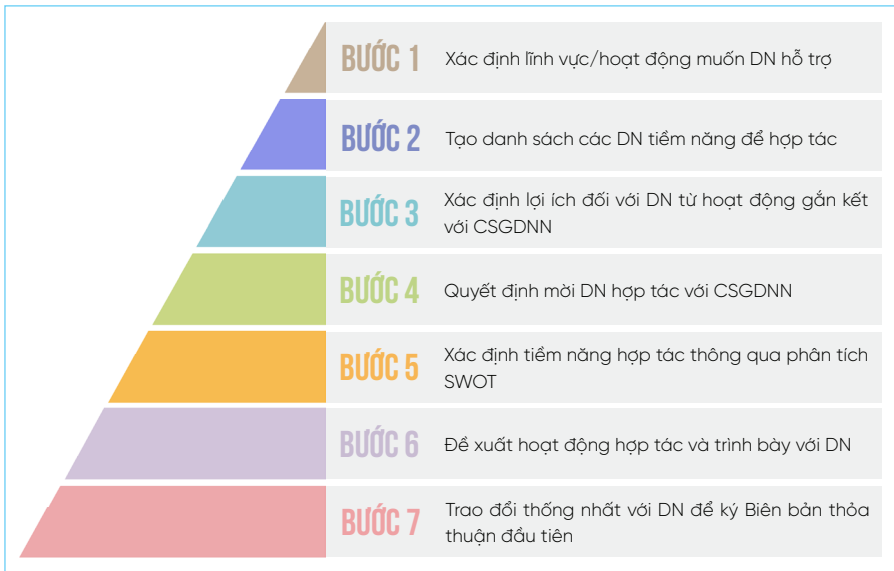
d) Cài tiến

Vì "không có việc gì là không thể làm tốt hơn" nên CSGDNN cần thực hiện các biện pháp nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và gắn kết DN. Các giải pháp, nhiệm vụ xác định từ bước kiểm tra, đánh giá cần được tập trung thực hiện để tạo ra thay đổi tích cực trong hoạt động gắn kết DN.

2. Xây dựng mối quan hệ với DN

Khi xây dựng mối quan hệ mới với DN, các CSGDNN có thể tham khảo phương pháp 7 bước như dưới đây (Xem Hộp 3)

HỘP 3 PHƯƠNG PHÁP 7 BƯỚC



Bước 1: Xác định lĩnh vực/hoạt động muốn DN hỗ trợ

Hiểu được chính mình cần gì và mong đợi gì từ mối quan hệ sẽ thiết lập là bước đầu tiên quan trọng vì bước này định hướng cho việc lựa chọn DN thiết lập quan hệ ở bước sau. Chẳng hạn trường chỉ muốn tìm hiểu nhu cầu kỹ năng từ DN này, hoặc muốn gửi HS-SV đến thực tập?

Bước 2: Tạo danh sách các DN tiềm năng để hợp tác

Danh sách này gồm các DN mà CSGDNN cho rằng sẽ hỗ trợ các nội dung mà CSGDNN có nhu cầu như xác định ở bước 1. Cần lưu ý đến quy mô, trình độ công nghệ và hiệu quả hoạt động và vị trí địa lý DN. Có nhiều chiến lược để tìm đối tác tiềm năng. Cần sử dụng càng nhiều nguồn thông tin thì cơ hội tìm đối tác tốt nhất càng lớn. Các nguồn thông tin bao gồm:

- Các mối quan hệ của cá nhân cán bộ, nhà giáo, cựu HS-SV, HS-SV
- Các hiệp hội kinh doanh, VCCI, các DN khác có mối liên hệ
- Các trang vàng về DN;
- Các sự kiện kết nối DN;
- Internet;
- Các nguồn khác.

CSGDN nên chú trọng việc khai thác nguồn thông tin từ cựu HS-SV đang làm việc tại các DN. Họ là người kết nối rất hiệu quả giữa CSGDNN và DN, giúp tiết kiệm thời gian, chi phí trong quá trình tạo lập mối quan hệ.

Một cơ sở dữ liệu các đối tác tiềm năng cần được xây dựng, duy trì, cập nhật để có thể sử dụng bất cứ khi nào cần một đối tác hợp tác. CSGDNN cần tìm kiếm thông tin liên quan đến DN để sơ bộ hiểu về DN qua đó chọn lọc DN hợp tác phù hợp.

Bước 3: Xác định lợi ích đối với DN từ hoạt động gắn kết với CSGDNN

Một trong những nguyên tắc để gắn kết hiệu quả là chia sẻ lợi ích. Kết quả xác định lợi ích của DN ở bước này sẽ là căn cứ để chuyển tiếp sang bước 4 đối với một DN cụ thể hay không?

Bước 4: Quyết định mời DN hợp tác với CSGDNN

Trước hết, cần tìm người có vai trò quyết định việc hợp tác với CSGDNN. Gọi điện cho bộ phận phụ trách về nhân sự, đào tạo ở DN và trình bày vấn đề mong muốn của bạn và hỏi xem ai là người có trách nhiệm để liên hệ chính thức. Liên hệ để trao đổi rõ lý do mong muốn hợp tác, lợi ích của DN khi tham gia hợp tác và bàn về bước tiếp theo như lịch hẹn đến thăm DN và DN đến thăm CSGDNN. Có thể gửi email kèm theo nhiều thông tin gói thiệu gọn về trường và kỳ vọng, các nội dung mong muốn hợp tác. Kết quả bước này có thể giúp CSGDNN có ngay một lịch hẹn và tiếp tục hoặc dừng lại.

Cuộc gặp mặt đầu tiên cần chuẩn bị kỹ lưỡng với chương trình chi tiết, lựa chọn nhân sự tham dự, mang theo bài trình chiếu/video clip giới thiệu về cơ sở đào tạo, tài liệu, tờ rơi, giới

thiệu về cơ sở đào tạo, quà tặng, máy ảnh. Cũng cần chú ý đến trang thông tin điện tử của CSGDNN, vì DN thường tìm hiểu về CSGDNN qua kênh này. Chuyển tham quan DN cũng cần chuẩn bị kỹ lưỡng từ mục đích, lưu ý cần ý thức điểm mạnh của CSGDNN và lợi ích cơ sở có thể mang lại cho DN. Hãy đảm bảo có một cam kết chung và lợi ích cho cả hai phía vào cuối chuyến thăm.

Trong trường hợp DN đến trường, CSGDNN cần chuẩn bị mọi thứ kỹ càng tương tự đồng thời cần tạo sự thiện cảm với DN từ cách thức tổ chức cuộc gặp mặt, sự gọn gàng ngăn nắp trong CSGDNN, sự thân thiện cán bộ, nhà giáo.

Bước 5: Xác định tiềm năng hợp tác thông qua phân tích SWOT ⁽²⁾

Thông qua phân tích SWOT, cần xác định cụ thể lĩnh vực có thể hợp tác (có thể nhiều hơn, ít hơn so với nhu cầu ở bước 1). Ở bước này cũng cần nêu cụ thể lợi ích nhận được từ 2 phía. Sau khi tập hợp các hoạt động có thể hợp tác, lựa chọn hoạt động có triển vọng nhất trên cơ sở xem xét yếu tố sau:

- Tập trung hoạt động nào mà CSGDNN có sẵn nguồn lực
- Mang lợi ích cho cả CSGDNN và DN trong đó lưu ý lợi ích cho HS-SV luôn luôn đặt lên hàng đầu
- Xem xét lợi ích cho HS-SV trong mối liên hệ chi phí và tính khả thi
- Cân bằng lợi ích 2 bên

Bước 6: Đề xuất hoạt động hợp tác và trình bày với DN

Việc trình bày đề xuất hoạt động với DN cần được chuẩn bị kỹ lưỡng để đạt kết quả mong muốn. Thông tin trao đổi và cam kết từ phía DN nên được ghi lại sau cuộc thảo luận tại cuộc gặp với DN.

Bước 7: Trao đổi, thống nhất với DN để ký Biên bản thỏa thuận/Biên bản ghi nhớ đầu tiên

Trên cơ sở các nội dung trao đổi, thống nhất với DN, CSGDNN soạn thảo Biên bản thỏa thuận/Biên bản ghi nhớ giữa CSGDNN và DN (xem Mục III, công cụ 5), tiếp nhận những nội dung thay đổi chỉnh sửa từ DN, đồng thời để chỗ cho DN cập nhật thông tin.

Sau khi ký biên bản thỏa thuận là triển khai các nội dung thỏa thuận trên thực tế. Tài liệu hóa các bước là quan trọng, cần lưu trữ thông tin trọn vẹn từ lúc bắt đầu cho đến khi kết thúc.

⁽²⁾ Phân tích SWOT là phân tích 4 yếu tố: Strengths (Điểm mạnh), Weaknesses (Điểm yếu), Opportunities (Cơ hội), Threats (Thách thức) từ hoạt động hợp tác với một DN cụ thể

3. Xác định nhu cầu kỹ năng từ DN phục vụ xây dựng chương trình đào tạo – Giới thiệu phương pháp DACUM (Developing a Curriculum)

Mục tiêu của bất kỳ chương trình đào tạo nào cũng đều nhằm đáp ứng yêu cầu thực tiễn của TTLĐ. Do vậy, việc huy động sự tham gia của DN vào trong quá trình xây dựng, rà soát chương trình đào tạo là một trong những biện pháp quan trọng nhất để đảm bảo HS-SV tốt nghiệp đáp ứng yêu cầu của DN. Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng LĐTBXH đã quy định việc huy động sự tham gia của DN trong quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ TC và CĐ. Ngoài ra, các văn bản quy định các tiêu chí kiểm định chất lượng CSGDNN, chương trình đào tạo đều đánh giá sự tham gia của DN trong xây dựng, rà soát chương trình đào tạo.

Phương pháp DACUM là gì? Là phương pháp phân tích nghề để phục vụ xây dựng chương trình đào tạo.

Khi nào nên sử dụng phương pháp DACUM?

Phương pháp DACUM phù hợp với hai mục đích cụ thể sau:

- Phát triển đào tạo nghề mới: Điều kiện tiên quyết là đã thực hiện một phân tích TTLĐ để biết được nhu cầu đối với một chương trình đào tạo mới. DACUM có thể nhanh chóng xác định các năng lực cần thiết để thực hiện công việc mà đang cần thiết lập đào tạo nghề mới.
- Rà soát các chương trình đào tạo hiện có: Một nhóm người lao động ở cấp độ chuyên gia được triệu tập để xác định các năng lực cần được dạy trong chương trình đào tạo hiện có. Sau khi các chuyên gia đã xác định cần thận các năng lực cần được dạy thì cần tiến hành kiểm tra chương trình đào tạo hiện có để giải quyết các bất cập và khoảng trống.

Phương pháp và triết lý của DACUM

DACUM trong phân tích nghề được dựa trên kiến thức và sự nhìn nhận sâu sắc của các chuyên gia về các nhiệm vụ công việc của một nghề cụ thể. DACUM sử dụng phương pháp thảo luận với các chuyên gia như các thành viên của Hội đồng kỹ năng nghề và/hoặc những người lao động khác được mời đến từ các DN. DACUM dựa trên triết lý là:

- Những người lao động lành nghề (và những người giám sát họ) có thể mô tả và xác định nghề nghiệp của họ chính xác hơn bất cứ ai khác.
- Một người lao động thực hiện thành công nhiều công việc khác nhau mà khách hàng hoặc người quản lý của họ muốn họ thực hiện.
- Chính vì vậy, biết và hiểu những người lao động lành nghề làm gì sẽ giúp chúng ta trong việc chuẩn bị và đào tạo cho những người khác lựa chọn cùng ngành, nghề.

Quy trình phân tích nghề DACUM^[3] (Xem Hộp 4)**HỘP 4 QUY TRÌNH PHÂN TÍCH NGHỀ DACUM****BƯỚC 1**

Hội thảo DACUM: Chuyên gia được mời đến hội thảo nên đến từ các DN có thuê lao động lành nghề và DN phải được công nhận trong ngành về các sản phẩm và dịch vụ có chất lượng và các thông lệ về nhân lực của DN đó và gần đây có tuyển dụng HS-SV trường nghề mới tốt nghiệp.

Quy trình DACUM phải bắt đầu bằng việc tổng hợp các công việc cốt lõi mà một HS-SV trường nghề mới tốt nghiệp phải có khả năng thực hiện, tầm quan trọng và tần suất của các công việc này, và mức độ phức tạp/tự chủ. Việc tổng hợp này phải diễn ra như một quá trình trung gian để mà những người tham dự thông qua đối thoại đi đến một khái niệm chung về các công việc trong các nghề được chọn và các kỹ năng, kiến thức và năng lực nền tảng của các công việc này.

BƯỚC 2

Rà soát đánh giá chương trình đào tạo hiện có so với chuẩn đầu ra theo quy định và kết quả thu được từ hội thảo DACUM, từ đó xác định các khoảng trống và bắt cập trong chương trình đào tạo hiện tại (bước này chỉ thực hiện trong trường hợp sử dụng DACUM trong rà soát chương trình đào tạo hiện có).

BƯỚC 3

Xây dựng một hồ sơ nghề trong đó tổng hợp các nhiệm vụ công việc và các kỹ năng chuyên môn, kỹ năng nhận thức, kỹ năng cá nhân và kỹ năng xã hội nền tảng cần thiết.

BƯỚC 4

Xác nhận hồ sơ nghề tại các DN thông qua phỏng vấn tại DN, khảo sát qua điện thoại hoặc phỏng vấn nhóm các cuộc phỏng vấn tại DN.

BƯỚC 5

Hoàn thiện hồ sơ nghề.

*** LƯU Ý:**

- Các cơ sở đào tạo có thể tham khảo thêm tài liệu về phương pháp DACUM (nhiều thông tin, hướng dẫn chi tiết hơn) tại tài liệu hội thảo Hội đồng kỹ năng nghề địa phương (bằng tiếng Việt) trong dự án hợp tác phát triển GDNN – Hợp tác Việt Nam – Đan Mạch giai đoạn 2, đã được đăng tải trên website <https://daotaocq.gdnn.gov.vn/du-an-dan-mach/>

^[3] Theo tài liệu Hội thảo DACUM của Hội đồng kỹ năng nghề địa phương trong Dự án hợp tác phát triển GDNN – Hợp tác Việt Nam – Đan Mạch giai đoạn 2.

- Trong trường hợp sử dụng DACUM để rà soát, hoàn thiện chương trình đào tạo hiện có, CSGDNN cần chủ động đề xuất khung chương trình đào tạo điều chỉnh (đối tượng tuyển sinh, thời gian đào tạo, mục tiêu đào tạo, thời gian khóa học, danh mục và thời lượng các môn đụn, môn học) kèm theo bảng so sánh khung chương trình cũ và mới trong đó ghi chú rõ các thay đổi và lý do thay đổi để tiếp tục tham vấn ý kiến của DN sau hội thảo DACUM. CSGDNN có thể tổ chức hội thảo online để xin ý kiến góp ý của DN về chương trình đào tạo sau khi đã rà soát, điều chỉnh để đảm bảo sự tham gia đầy đủ của DN do DN luôn tiết kiệm thời gian hay trong điều kiện phải hạn chế tiếp xúc như trong bối cảnh đại dịch Covid-19. Tuy nhiên, CSGDNN nên gửi trước cho DN chương trình hội thảo (trong đó chi tiết thứ tự mời các DN tham gia góp ý để DN chủ động tính toán thời gian tham dự), sơ đồ phân tích nghề từ DACUM và bản so sánh khung chương trình đào tạo cũ và mới nêu trên. Kinh nghiệm từ một số CSGDNN đã triển khai thành công các buổi hội thảo này cho thấy, hội thảo cần có sự tham gia của đại diện khoảng từ 10 – 15 DN trong đó có ít nhất 8-10 DN đã tiếp nhận HS-SV của trường đến thực tập hoặc làm việc cho DN. Tại hội thảo, CSGDNN trình bày tóm tắt về kết quả rà soát chương trình đào tạo, trình chiếu bảng so sánh chương trình cũ và mới kèm theo lý do điều chỉnh, sau đó mời DN đóng góp ý kiến.

4. Triển khai đào tạo tại DN

Theo Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/3/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ TC và CĐ:

- Đối với trình độ TC: lý thuyết từ 25% – 45%; thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 55% – 75%,
- Đối với trình độ CĐ: lý thuyết từ 30% – 50%; thực hành, thực tập, thí nghiệm từ 50% – 70%.

Đào tạo thực hành, thực tập, thí nghiệm có thể thực hiện tại CSGDNN hay DN.

Trong trường hợp CSGDNN liên kết phối hợp đào tạo với DN theo Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng LĐTBXH về liên kết tổ chức chương trình đào tạo thì DN tham gia liên kết phối hợp đào tạo có thể tham gia giảng dạy đến 40% khối lượng của chương trình đào tạo.

Đặc điểm cơ bản để phân biệt giữa (i) thực tập tại DN không trong chương trình liên kết đào tạo với DN, (ii) thực tập/đào tạo tại DN trong chương trình liên kết đào tạo giữa CSGDNN và DN và (iii) học nghề, tập nghề làm việc cho người sử dụng lao động như sau:

- Thực tập tại DN không trong chương trình liên kết đào tạo với DN (internship): Mục tiêu chính là để HS-SV làm quen với môi trường làm việc thực tế và các cơ hội việc làm, pháp lý không yêu cầu phải có ràng buộc thỏa thuận về pháp lý giữa HS-SV và DN.

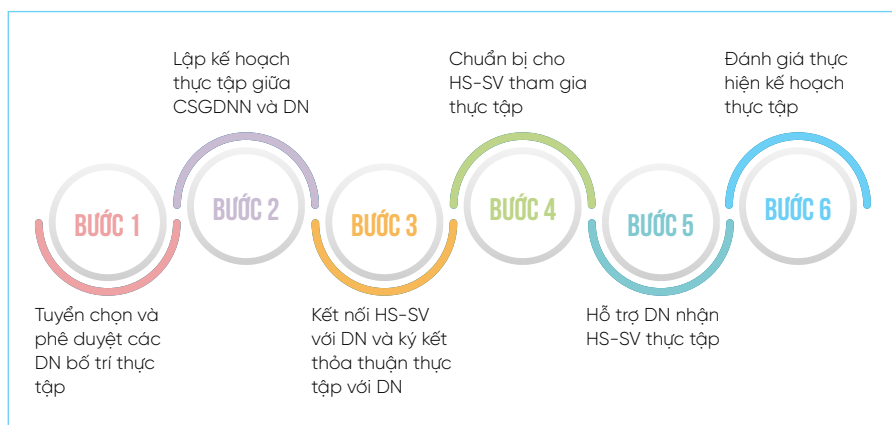
- Thực tập tại DN trong chương trình liên kết đào tạo (traineeship) (theo Thông tư 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017): Thời gian thường dài hơn thực tập không trong chương trình liên kết đào tạo với DN, mục tiêu không còn là cho HS-SV làm quen môi trường làm việc nữa mà là DN đảm nhận một phần chương trình đào tạo nghề, theo đúng mục tiêu, kế hoạch do CSGDNN và DN thỏa thuận.
- Học nghề, tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động (apprenticeship) (theo quy định tại Bộ Luật Lao động và luật GDNN): Mục tiêu là người sử dụng lao động tuyển người vào học nghề, tập nghề để làm việc cho mình, hai bên phải ký kết hợp đồng đào tạo nghề theo quy định của Bộ Luật Lao động.

4.1. Thực tập tại DN không trong chương trình liên kết đào tạo với DN (internship)

Đào tạo thực hành, thực tập trong một môi trường làm việc thực tế của DN sẽ tạo thêm cơ hội cho HS-SV vận dụng các kiến thức và kỹ năng học được trên lớp và có kinh nghiệm về thực tế công việc. Việc triển khai hoạt động đào tạo thực hành tại DN phải tạo cơ hội cho HS-SV tích lũy các kỹ năng mềm và kỹ năng nghề thích hợp như là một phần và/hoặc bổ sung vào các chuẩn đầu ra được mong đợi trong chương trình đào tạo nghề.

Quy trình tham khảo như sau (Xem Hộp 5)

HỘP 5 QUY TRÌNH THAM KHẢO



Bước 1: Tuyển chọn và phê duyệt các DN bố trí thực tập.

Việc tuyển chọn các DN phải được thực hiện thông qua các chuyến đi thực tế xuống DN và tổ chức các cuộc họp trao đổi thông tin cho các DN được chọn (trong trường hợp trước đó đã có thỏa thuận hợp tác với DN và hai bên đã thống nhất nội dung và kế hoạch hợp tác về việc nhận HS-SV thực tập tại DN thì không qua bước này nữa).

Bước 2: Lập kế hoạch thực tập thống nhất giữa CSGDNN và DN (Xem Mục III, công cụ 6)

Để bảo đảm một khóa thực tập có chất lượng, DN và CSGDNN phải ký một thỏa thuận hay thống nhất kế hoạch thực tập trong đó bao gồm các thông tin chính về vị trí thực tập của HS-SV, mục tiêu của đợt thực tập, trách nhiệm của CSGDNN và DN để bảo đảm triển khai thành công hoạt động thực tập tại DN.

Thời gian thực tập tại DN nhìn chung phụ thuộc vào thời lượng và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, những kỹ năng nào cần phải tích lũy khi học ở CSGDNN và khi thực tập tại DN, các cơ hội học tập tại các DN trong các ngành khác nhau và công nghệ sản xuất tại DN. Các chuẩn đầu ra của đợt thực tập phải bao gồm các kỹ năng nghề và kỹ năng mềm mà HS-SV cần tích lũy được khi thực hiện các nhiệm vụ công việc có liên quan. Cũng cần xem xét đến khoảng thời gian cần thiết đủ để đảm bảo HS-SV có thể hưởng lợi từ hoạt động thực tập cũng như xem xét đến lợi ích và trách nhiệm của DN khi đảm nhận công việc này.

Ngay năm học thứ nhất, HS-SV nên được tham gia kỳ thực tập ngắn đầu tiên nhằm cung cấp cho HS-SV cơ hội được làm quen với DN, các chức năng công việc và những điều cần học trong đợt thực tập. Những năm tiếp theo, HS-SV sẽ có thêm cơ hội để làm quen với môi trường làm việc của DN và định hướng trong học tập, thực hành để có kết quả học tập mong đợi, đáp ứng được yêu cầu việc làm của doanh nghiệp.

Bước 3: Kết nối HS-SV với DN và ký kết thỏa thuận thực tập.

Việc kết nối HS-SV với DN phải được thực hiện có sự hợp tác chặt chẽ với các DN trên cơ sở đề xuất của nhà trường về việc phân công HS-SV vào các DN cụ thể. Các DN có cơ hội để phỏng vấn riêng từng HS-SV được chọn trong quá trình ký kết thỏa thuận thực tập.

Bước 4: Chuẩn bị cho HS-SV tham gia thực tập.

Để cung cấp cho HS-SV nền tảng cần thiết để tham gia hoạt động thực tập, CSGDNN tổ chức các hoạt động trao đổi thông tin trên lớp và hướng dẫn về các mục tiêu và điều kiện thực tập. CSGDNN gửi cho HS-SV Bản Thông tin cho HS-SV trước đợt thực tập (xem Mục III, công cụ 7). HS-SV phải có thêm cơ hội để tham quan DN nhằm bước đầu làm quen với nơi làm việc và nắm được các yêu cầu trước khi ký thỏa thuận thực tập.

Bước 5: Hỗ trợ DN nhận HS-SV thực tập.

Các CSGDNN chịu trách nhiệm hỗ trợ các DN bao gồm việc kết nối thông tin, thường xuyên trao đổi với DN khi trước khi bắt đầu, trong và sau từng kỳ thực tập của HS-SV.

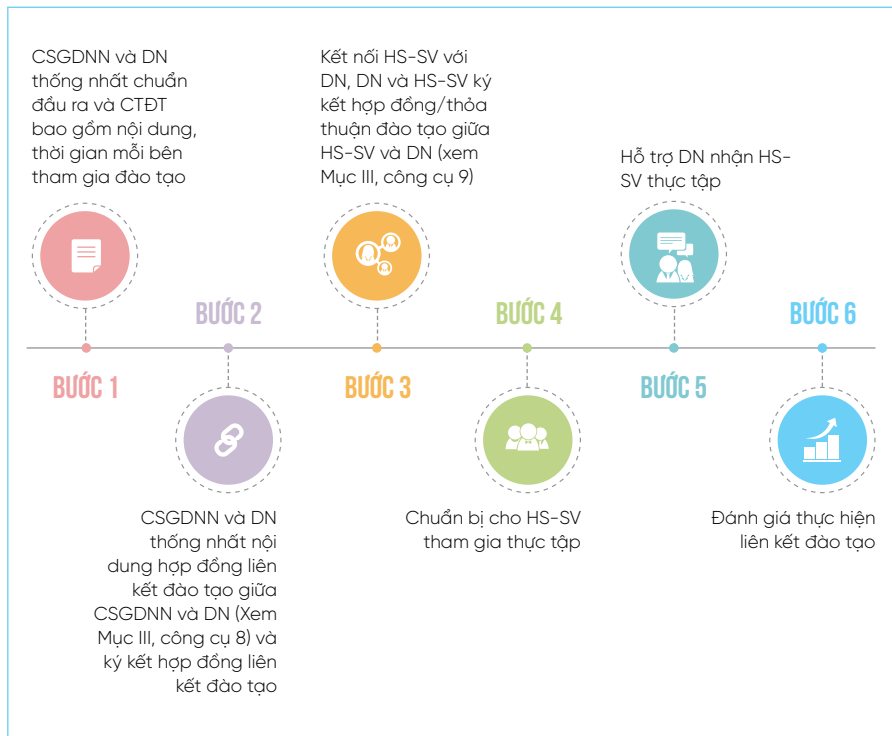
Bước 6: Đánh giá thực hiện kế hoạch thực tập.

CSGDNN và DN cùng đánh giá kết quả đợt thực tập so với kế hoạch 2 bên đã thống nhất trước đợt thực tập và rút ra các bài học kinh nghiệm cho các đợt thực tập tiếp theo.

4.2. Thực tập/đào tạo tại DN trong chương trình liên kết đào tạo (traineeship)

Quy trình tham khảo như sau: (Xem Hộp 6)

HỘP 6 QUY TRÌNH THAM KHẢO



Như vậy điểm khác biệt giữa 02 quy trình trên nằm ở bước 1 và bước 2. Đối với thực tập/đào tạo tại DN trong chương trình liên kết đào tạo, CSGDNN và DN phải thống nhất trước chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo tổng thể cũng như lập kế hoạch thực tập/đào tạo tại DN trước khi tiến hành đào tạo. Đối với thực tập tại DN không trong chương trình liên kết đào tạo, CSGDNN vẫn có thể chủ động tiến hành đào tạo cho đến kỳ thực tập mới khảo sát, lựa chọn DN bố trí thực tập. Thực tế cho thấy, dù DN và CSGDNN có hợp tác triển khai liên kết đào tạo hay không, việc hai bên ngồi lại cùng trao đổi, chia sẻ về kế hoạch công việc cũng như nhu cầu của mỗi bên liên quan đến kỳ thực tập là rất cần thiết để đảm bảo xây dựng kế hoạch thực tập phù hợp, mang lại lợi ích cho cả 2 bên trong hợp tác.

4.3. Thỏa thuận/Hợp đồng đào tạo với HS-SV trong chương trình liên kết đào tạo

Theo Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 “Nhà nước khuyến khích CSGDNN và DN liên kết để tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; trong đó DN và CSGDNN hợp tác trong xác định chuẩn đầu ra, xây dựng chương trình, phát triển đội ngũ giảng viên DN, tổ chức tuyển sinh/tuyển dụng, tổ chức đào tạo tại DN, ký kết hợp đồng đào tạo với HS-SV...”.

Như vậy hợp đồng đào tạo giữa HS-SV và DN là chưa bắt buộc. Tuy nhiên, để đảm bảo chất lượng chương trình liên kết đào tạo, đặc biệt làm rõ trách nhiệm các bên tham gia, một thỏa thuận/hợp đồng tự nguyện giữa HS-SV và DN (Xem Mục III, công cụ 9) dưới sự hỗ trợ của CSGDNN là cần thiết. Thỏa thuận/hợp đồng này sẽ đưa ra các điều kiện và nội dung đào tạo do DN đảm nhiệm và yêu cầu, trách nhiệm của HS-SV và DN.

Trong thực tiễn, có nhiều DN đặt hàng đào tạo với CSGDNN. HS-SV được đào tạo theo đơn đặt hàng sẽ được DN tuyển dụng ngay sau khi tốt nghiệp. Trong quá trình đào tạo, HS-SV quyền lợi là được DN cấp học bổng hoặc trợ cấp học tập, trợ cấp học phí vv... Để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của các bên liên quan (DN, CSGDNN, HS-SV và cha mẹ hoặc người bảo lãnh của HS-SV), các bên sẽ ký kết hợp đồng với nhau. Hợp đồng này sẽ có những điều khoản ràng buộc trách nhiệm và nghĩa vụ của các bên. Ví dụ như: HS-SV sau khi được đào tạo xong phải làm việc cho DN trong khoảng thời gian được thống nhất. Nếu HS-SV vi phạm thỏa thuận sẽ bồi thường chi phí đào tạo mà DN đã chi trả. Mức bồi thường do bên đã thống nhất trong hợp đồng. Như vậy, có thể hạn chế tình trạng, HS-SV sau quá trình đào tạo không đi làm cho DN, gây thiệt hại về kinh tế cho DN cũng như gây ảnh hưởng đến uy tín của CSGDNN.

4.4. Đảm bảo chất lượng

Các biện pháp đảm bảo chất lượng để thời gian HS-SV thực tập tại DN đạt kết quả mong đợi:

- CSGDNN phải đánh giá môi trường làm việc và học tập tại DN, đủ điều kiện mới lựa chọn DN
- Cán bộ đào tạo tại DN cần được đào tạo để hỗ trợ HS-SV
- Kế hoạch thực tập của HS-SV phải dựa trên chuẩn đầu ra trong chương trình đào tạo, đảm bảo HS-SV sau đợt thực tập đạt được sau khi kết thúc thực tập.
- CSGDNN và DN cần thường xuyên trao đổi thông tin để có thể điều chỉnh chương trình, cách thức đào tạo để đạt hiệu quả cao nhất với từng học viên, tư vấn lộ trình phát triển với từng học viên và kịp thời trao đổi vấn đề khác phát sinh...(trong trường hợp cần thiết có thể ghi biên bản các đợt trao đổi thông tin để đảm bảo sự chuyên nghiệp và ràng buộc trách nhiệm đối với từng bên).
- Việc đánh giá kết quả thực tập của HS-SV tại DN phải thực hiện một cách bài bản và minh bạch dựa trên công cụ tự đánh giá dành cho HS-SV và cán bộ đào tạo tại DN là (xem Mục III, công cụ 10). Mỗi kỳ thực tập trong chương trình đào tạo nghề đều cần một sổ nhật ký. Sổ nhật ký này cũng cho phép HS-SV theo dõi sự tiến bộ của mình và là cơ sở

rất quan trọng thể hiện sự tương tác giữa hoạt động học tập trên lớp và thực tập tại DN. Sổ nhật ký sẽ là một phần quan trọng để đánh giá kỳ thực tập. Kết thúc đợt thực tập, DN có Phiếu đánh giá kết quả thực tập để gửi cho CSGDNN ([xem Mục III, công cụ 11](#)).

- Việc đánh giá chuẩn đầu ra HS-SV đạt được sau khi kết thúc thực tập sẽ được lồng ghép trong các bản kiểm tra, bài thi thực hành kỹ năng nghề theo quy định trong chương trình đào tạo của trường.

5. Thỏa thuận bốn bên về hỗ trợ đào tạo và tuyển dụng người học sau tốt nghiệp

Xuất phát từ nhu cầu thực tế của các bên, doanh nghiệp, người học, CSGDNN và người bảo lãnh của người học có thể cùng trao đổi thống nhất ký Thỏa thuận giữa bốn bên về việc doanh nghiệp hỗ trợ đào tạo và tuyển dụng người học sau khi tốt nghiệp ([Xem mục III, công cụ 12](#)). Với Thỏa thuận này, doanh nghiệp nếu hỗ trợ người học sẽ yên tâm về người học sẽ làm việc cho doanh nghiệp sau tốt nghiệp; trường hợp người học không thực hiện cam kết sẽ hoàn trả chi phí doanh nghiệp đã hỗ trợ. Người học cũng sẽ yên tâm về việc làm sau khi tốt nghiệp và có trách nhiệm đóng góp cho doanh nghiệp do được doanh nghiệp hỗ trợ trong quá trình học tập. Nhà trường và người bảo lãnh của người học cũng có quyền và nghĩa vụ liên quan để đảm bảo hài hoà lợi ích và chia sẻ trách nhiệm giữa các bên.

6. Khảo sát DN

Khảo sát phản hồi của DN về tình hình việc làm và năng lực của HS-SV tốt nghiệp của CSGDNN so với yêu cầu công việc của DN là thông tin quan trọng để CSGDNN nâng cao chất lượng đào tạo. Ngoài ra, thông tin thu được từ khảo sát DN còn hỗ trợ CSGDNN xây dựng và duy trì mối quan hệ hiệu quả với DN. Quy trình khảo sát gồm các bước:

HỘP 7 QUY TRÌNH KHẢO SÁT



BƯỚC 1

Lập kế hoạch khảo sát DN bao gồm: thiết kế/lựa chọn phiếu khảo sát sử dụng ([Xem Mục III, công cụ 12](#)), xác định mẫu khảo sát, xác định danh sách DN khảo sát trong mẫu mục tiêu, xác định tỷ lệ phản hồi cần đạt được, xác định phương thức khảo sát với từng đối tượng, nguồn lực cần thiết



BƯỚC 2

Tiến hành khảo sát và tập hợp phản hồi



BƯỚC 3

Phân tích số liệu



BƯỚC 4

Sử dụng kết quả khảo sát

Các công cụ, phương pháp khảo sát DN cần đảm bảo khoa học, hiện đại, tạo cơ hội cho DN được lựa chọn hình thức khảo sát phù hợp (khảo sát qua điện thoại, qua email (google form) hay gặp mặt trực tiếp...) theo điều kiện và mong muốn của DN.

7. Duy trì gắn kết hiệu quả với DN

Đối với CSGDNN, xây dựng hay thiết lập mối quan hệ với một DN đã khó thì việc duy trì và phát triển sự gắn kết với DN chắc chắn còn thách thức hơn nhiều. CSGDNN cần lưu ý các vấn đề sau để “nuôi dưỡng” mối quan hệ với DN.

(1) Đáp ứng kỳ vọng, mong đợi của DN trên cơ sở đặt lợi ích HS-SV lên hàng đầu trong các hoạt động hợp tác với DN

Chia sẻ lợi ích là một trong những nguyên tắc quan trọng sự thành công của bất kỳ mối quan hệ hợp tác nào. Thực tế, giữa các DN khác nhau sẽ mong muốn khác nhau, thậm chí cùng một DN nhưng kỳ vọng ở từng thời điểm cũng có thể khác nhau. Do vậy, CSGDNN lưu ý đến việc đảm bảo sự kỳ vọng của từng DN thì hợp tác mới bền vững. Theo đó, quá trình đánh giá kết quả hợp tác DN cũng cần đánh giá việc CSGDNN đáp ứng sự kỳ vọng của DN như thế nào. Từ đó có biện pháp phù hợp nhằm duy trì và tăng cường mối quan hệ hợp tác đã có với DN.

Sứ mệnh của CSGDNN là đào tạo nhân lực có kỹ năng nghề đáp ứng yêu cầu của TTLĐ, đảm bảo HS-SV sau khi tốt nghiệp sẵn sàng tham gia vào TTLĐ. Việc đảm bảo lợi ích cho HS-SV và nâng cao chất lượng đào tạo phải được đặt lên hàng đầu. Vì vậy, CSGDNN nên sẵn sàng phải chia sẻ lợi ích với DN nếu muốn đạt được hiệu quả hợp tác. Mặt khác, có DN muốn hợp tác với CSGDNN để giải quyết vấn đề thiếu hụt lao động tạm thời, DN sẵn sàng trả mức phí hấp dẫn cho CSGDNN và HS-SV để có nguồn lao động cho DN. Trong trường hợp này, DN không quan tâm đến mục tiêu của hoạt động thực tập tại DN là đảm bảo chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo. Nếu CSGDNN chấp thuận đề nghị của DN thì sẽ ảnh hưởng đến uy tín và chất lượng đào tạo của CSGDNN và ảnh hưởng mối quan hệ giữa CSGDNN và DN khác.

(2). Luôn tôn trọng DN đối tác, chủ động trong hợp tác và hỗ trợ DN

CSGDNN cần tuân thủ các điều khoản hay nội dung đã thống nhất với DN. Nếu CSGDNN muốn thay đổi bất cứ nội dung nào cần báo trước với DN và chỉ thực hiện khi có sự nhất trí từ DN. CSGDNN cũng cần cung cấp đầy đủ, kịp thời thông tin phù hợp, cần thiết theo đề nghị từ phía DN. Đối với mỗi một hoạt động huy động sự tham gia của DN, CSGDNN cần

xác định các mục tiêu cụ thể và có kế hoạch chi tiết gửi DN. Ví dụ khi mời DN tham gia một sự kiện tại CSGDNN, cần trao đổi trước mục tiêu của sự kiện, lý do cần sự có mặt của DN hay mong đợi điều gì từ DN và quan trọng không kém là quá trình tổ chức sự kiện cần đảm bảo sự chuyên nghiệp và tôn trọng sự tham gia của DN. DN thường rất tiết kiệm thời gian nên các buổi gặp mặt, làm việc cần chuẩn bị chu đáo, kỹ lưỡng, đảm bảo đúng giờ, tôn trọng chương trình đã thống nhất, phong cách làm việc đi thẳng vào vấn đề, tránh lễ nghi rườm rà. Trong các tài liệu giới thiệu về CSGDNN hay trên trang web của CSGDNN cần có mục đối tác hợp tác trong đó cần lưu ý liệt kê các DN CSGDNN có quan hệ hợp tác chặt chẽ. Đây cũng là cách CSGDNN thể hiện sự tôn trọng DN đối tác của mình.

Ngoài ra, CSGDNN cần chủ động trong hợp tác và tạo mọi việc điều kiện thuận lợi cho DN. CSGDNN cần làm mọi thứ trở nên dễ dàng với DN trong các công việc có liên quan giữa hai bên như: hỗ trợ những công việc liên quan đến giấy tờ, biểu mẫu; chủ động gửi DN các kế hoạch thỏa thuận thực tập, các biểu mẫu đánh giá sinh viên thực tập...để DN góp ý và thống nhất triển khai. Các biểu mẫu liên quan cần ý kiến, xác nhận của DN cần thiết để đảm bảo đủ thông tin cần thiết nhưng phải khoa học, dễ hiểu...

(3) Tiếp thu các ý kiến đóng góp phù hợp của DN

Mục tiêu của gắn kết DN là nhằm đảm bảo đào tạo đáp ứng yêu cầu thực tế tại DN do vậy các ý kiến đóng góp của DN cần được tiếp thu và có giải pháp hay hành động cụ thể để nâng cao chất lượng công tác đào tạo tại CSGDNN.

(4) Giữ liên lạc thường xuyên với DN

Mục tiêu của việc giữ liên lạc thường xuyên là nhằm cập nhật tình hình về DN đồng thời chia sẻ những thông tin quan trọng của CSGDNN cũng như kết quả hợp tác giữa 2 bên để kịp thời chia sẻ và hỗ trợ lẫn nhau nếu cần thiết và phù hợp. Chia sẻ thông tin để thấu hiểu hơn để gắn kết ngày càng bền chặt hơn.

(5) Không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo

Bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng muốn duy trì hợp tác với CSGDNN có chất lượng. Do vậy, không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo là một trong yêu cầu hàng đầu để duy trì mối quan hệ hiệu quả với DN. Một trong những vấn đề cần lưu ý là nhiều DN luôn tin tưởng rằng họ có thể hỗ trợ đào tạo kỹ năng nghề cho HS-SV nên họ nhấn mạnh việc cơ sở GDNN cần chú trọng đào tạo vấn đề về đạo đức, thái độ, kỷ luật lao động và kỹ năng mềm cho HS-SV. Bên cạnh đó, CSGDNN cũng nên quan tâm đào tạo ngoại ngữ cho HS-SV vì đây là một lợi thế cho HS-SV trong quá trình học nghề, tập nghề và tuyển dụng nhất là khi HS-SV làm việc trong các DN FDI tại Việt Nam.



BỘ CÔNG CỤ THỰC HIỆN GẮN KẾT GIỮA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI DOANH NGHIỆP

Có nhiều công cụ để thực hiện gắn kết CSGDNN với DN. Dưới đây là một số công cụ chính:

1. Kế hoạch tổng thể gắn kết DN của CSGDNN theo năm;
2. Bảng theo dõi hoạt động gắn kết DN;
3. Bảng tổng hợp theo dõi gắn kết DN của CSGDNN;
4. Danh sách DN tham gia gắn kết;
5. Mẫu biên bản thỏa thuận/biên bản ghi nhớ hợp tác;
6. Kế hoạch thực tập giữa DN và CSGDNN;
7. Thông tin dành cho HS-SV trước đợt thực tập;
8. Mẫu hợp đồng liên kết đào tạo;
9. Hợp đồng đào tạo nghề;
10. Sổ nhật ký thực tập;
11. Phiếu đánh giá kết quả thực tập;
12. Thỏa thuận hợp tác bốn bên về hỗ trợ đào tạo và tuyển dụng người học sau tốt nghiệp
13. Phiếu khảo sát DN

[\(Xem chi tiết tại Phụ lục 2\)](#)

PHẦN 2

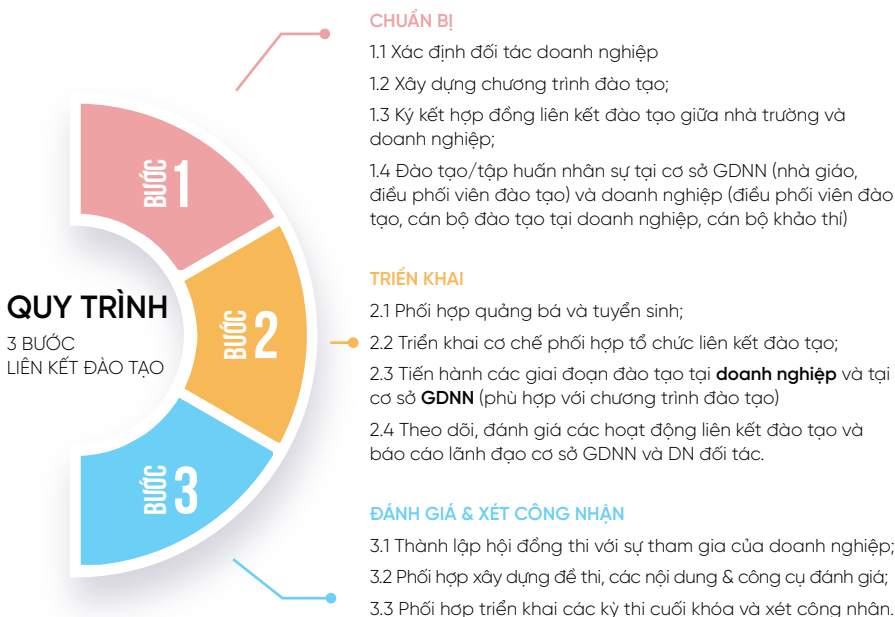
GIỚI THIỆU MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐÀO TẠO GẮN KẾT GIỮA CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP VỚI DOANH NGHIỆP TẠI VIỆT NAM

I MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM LIÊN KẾT ĐÀO TẠO (CO-OPERATIVE TRAINING) TRONG KHUÔN KHỔ CHƯƠNG TRÌNH HỢP TÁC VIỆT ĐỨC ĐỔI MỚI ĐÀO TẠO NGHỀ Ở VIỆT NAM

1. Giới thiệu mô hình

Đào tạo nghề kép (Dual VET) được xem như là ‘thương hiệu’ của hệ thống đào tạo nghề của CHLB Đức. Yếu tố quan trọng nhất của mô hình đào tạo kép là sự hợp tác chặt chẽ giữa chính phủ, DN và các đối tác xã hội, trong đó DN giữ vai trò là một chủ thể chính trong chu trình đào tạo. Trong mô hình này, thời gian học lý thuyết tại trường nghề khoảng 30% thời gian đào tạo, 70% thời gian còn lại người học được trải nghiệm thực tế tại nơi làm việc. DN xây dựng chương trình đào tạo dựa trên phân tích nghề, tuyển học viên, triển khai đào tạo tại DN và đánh giá, xét công nhận người học tốt nghiệp.

Cách tiếp cận này đã được thí điểm tại mô hình đào tạo (cooperative training) từ năm 2015 trong khuôn khổ Chương trình hợp tác Việt Đức “Đổi mới Đào tạo nghề tại Việt Nam” (Chương trình TVET) ở 03 cơ sở GDNN tại Việt Nam gồm: (1) Trường CĐ Kỹ nghệ II, (2) Trường CĐ Công nghệ Quốc tế LILAMA 2, (3) Trường CĐ Cơ giới và Thủy lợi với khoảng 40% thời gian thực hành tại doanh nghiệp. Quy trình đào tạo theo ba bước như sau:



Hình 4: Quy trình ba bước liên kết đào tạo giữa nhà trường và DN

Các cơ sở GDNN tham gia thí điểm đã thành lập hội đồng tư vấn nghề như một cơ chế phối hợp có hệ thống giữa cơ sở GDNN, DN hợp tác, hiệp hội DN có liên quan và cơ quan quản lý nhà nước nhằm mục đích quản lý và hỗ trợ quá trình liên kết đào tạo.

2. Kinh nghiệm áp dụng mô hình

Rất nhiều bài học rút ra từ quá trình thí điểm đã được tổng hợp, trình bày tại phần I của cuốn Cẩm nang này. Một số khuyến nghị quan trọng khác được rút ra từ thí điểm như sau:

Cấu trúc của chương trình đào tạo được đề xuất như sau:

- (i) Các mô-đun dạy kiến thức chung
- (ii) Các mô-đun dạy lý thuyết nghề (Cơ sở GDNN)
- (iii) Các mô-đun đào tạo thực hành nghề cơ bản (Cơ sở GDNN)
- (iv) Các mô-đun đào tạo thực hành nghề chuyên sâu: Tại cơ sở GDNN và tại DN

Thời lượng đào tạo cần chia thành: (1) thời lượng cho các bài học lý thuyết trên lớp, (2) thời lượng cho đào tạo kỹ năng thực hành tại nhà xưởng của cơ sở GDNN, và (3) thời lượng cho đào tạo trong môi trường làm việc thực tế của DN. Có thể tăng dần thời lượng đào tạo tại DN trong suốt giai đoạn thực hiện liên kết đào tạo. Ví dụ, thời lượng các mô-đun đào tạo tại DN có thể kéo dài từ một đến hai tháng trong năm đầu tiên, hai đến ba tháng trong năm thứ hai và ba đến bốn tháng trong năm thứ ba.

Các cơ sở GDNN nên lựa chọn DN tham gia hợp tác dựa trên các tiêu chí gồm: Có nhu cầu ngắn hạn và dài hạn về lao động có tay nghề ở ngành, nghề tương ứng; sẵn sàng hợp tác; có khả năng tiếp nhận người học (số lượng chỗ sẵn có dành cho đào tạo tại DN); sẵn có trang thiết bị phù hợp để triển khai các mô-đun đào tạo thực hành; sẵn có đội ngũ nhân viên đủ năng lực làm điều phối viên hợp tác liên kết và làm cán bộ đào tạo tại DN.

Trong trường hợp DN chỉ có một số thiết bị và công nghệ hạn chế, có thể xây dựng phương án luân chuyển học viên giữa một số DN để bảo đảm cơ hội học tập bình đẳng. Mô hình này thường được áp dụng ở CHLB Đức (nhất là đối với các DN nhỏ) vì các DN thường chỉ có thể đảm nhiệm một số hợp phần của chương trình đào tạo kép. Kinh nghiệm thí điểm tại Việt Nam trong lĩnh vực thoát nước và xử lý nước thải cũng cho thấy, có thể triển khai các mô-đun đào tạo khác nhau tại những công ty thoát nước và xử lý nước thải tùy theo nhu cầu và cơ sở hạ tầng tương ứng của từng công ty.

Việc tổ chức thành một đợt hay nhiều đợt đào tạo thực hành tại DN tùy thuộc vào từng ngành, nghề và tổ chức công việc nội bộ của DN. Do trình tự các giai đoạn đào tạo tại cơ sở GDNN và tại DN phụ thuộc vào điều kiện và kỳ vọng của từng bên nên việc xây dựng kế hoạch đào tạo cần phải có sự phối hợp chặt chẽ giữa cơ sở GDNN và DN trực tiếp tham gia.

DN tham gia vào hoạt động quảng bá và tuyển sinh học viên là cách làm hiệu quả để tránh tình trạng học viên đến đào tạo tại DN nhưng lại không phù hợp với yêu cầu của DN. Vì vậy, quy trình tuyển sinh cần phải được hai bên thống nhất.

Việc triển khai đào tạo tại DN nên thực hiện sau khi người học đã đạt được một mức độ kỹ năng nhất định tại cơ sở GDNN để người học thực hành tốt hơn các kỹ năng này trong quá trình làm việc thực tế tại DN.

Về đánh giá và xét công nhận người học: Cơ sở GDNN và DN liên kết đào tạo phải cùng chịu trách nhiệm đánh giá học viên. Sự tham gia của DN trong đánh giá nhằm đảm bảo DN theo dõi sự cải thiện liên tục trong quá trình triển khai đào tạo theo đó công nhận tính hướng cầu của chương trình đào tạo. Cần thành lập hội đồng thi có sự tham gia của cơ sở GDNN và các chuyên gia kỹ thuật từ DN (VD: cán bộ đào tạo tại DN), thành viên của các hiệp hội đã được đào tạo/tập huấn làm đào tạo viên DN và/hoặc làm giám khảo/người chấm thi trong hội đồng thi để đảm bảo tham chiếu kỹ năng chuyên môn và kinh nghiệm làm việc thực tế trong các kỳ thi. Cán bộ đào tạo trong DN có vai trò quan trọng trong kỳ thi: họ đại diện cho DN và có thể đảm bảo rằng yêu cầu công việc thực tế được phản ánh trong đề thi. Cơ cấu hội đồng thi, vai trò và trách nhiệm của các tiểu ban cần được xác định rõ trong quyết định thành lập hội đồng thi do Hiệu trưởng cơ sở GDNN thay mặt hai bên ban hành.



Sau khi thành lập hội đồng thi, cần phải thống nhất các quy chế nội bộ về đánh giá liên kết đào tạo bao gồm các yêu cầu cụ thể về chuẩn bị, xây dựng đề thi, đánh giá trình độ, cho điểm và đánh giá kết quả đào tạo thực hành của người học tham gia chương trình liên kết đào tạo tương ứng. Quá trình làm đề thi đòi hỏi tổ chức chặt chẽ. Sau khi xây dựng và hoàn thành ra đề thi, tiểu ban xây dựng đề thi phải nộp cho hội đồng thi ít nhất một tuần trước ngày thi để chuẩn bị sẵn sàng các điều kiện kỹ thuật cho kỳ thi. Nhà giáo có kiến thức nghề nghiệp và kinh nghiệm thực tế của cơ sở GDNN và đào tạo viên DN cần phải thường xuyên tham gia các cuộc họp của hội đồng thi để thảo luận về sự rõ ràng, chính xác của đề và đáp án thi mà họ đã làm độc lập trước đó để rồi quyết định đề thi chính thức. Ở Đức, trung bình mỗi đề thi được tám hoặc chín giảng viên và đào tạo viên DN kiểm tra năm lần để phát hiện lỗi. Song song với quá trình liên kết đào tạo, việc xây dựng năng lực cho giảng viên và đào tạo viên DN về nội dung này phải thực hiện ngay từ giai đoạn đầu của chương trình liên kết đào tạo.

Có thể cần kết hợp nhiều công cụ đánh giá khác nhau (VD: bài kiểm tra lý thuyết trên giấy, sản phẩm mẫu, phân tích tình huống). Trong khuôn khổ đánh giá liên kết đào tạo (nhất là đối với đánh giá kỹ năng thực hành), các công cụ này cần được điều chỉnh theo bối cảnh nơi làm việc của các DN tham gia. Nếu DN liên kết đào tạo muốn đảm bảo rằng trình độ của người học tương đương với khung kỹ năng nghề quốc gia năm bậc thì công cụ/câu hỏi đánh giá phải dựa trên công cụ/câu hỏi có sẵn trong cơ sở dữ liệu kỹ năng nghề quốc gia.

Sau khi người học thi tốt nghiệp với kết quả đạt yêu cầu, việc xét công nhận tốt nghiệp thực hiện theo Thông tư hướng dẫn của Bộ LĐTBXH. Chương trình đào tạo của 07 nghề thí điểm liên kết đào tạo trong khuôn khổ Chương trình Đổi mới đào tạo nghề tại Việt Nam gồm:

- Kỹ thuật viên thoát nước và xử lý nước thải (tại trường CĐ Kỹ nghệ II);
- Cắt gọt kim loại, Cơ khí xây dựng, Cơ điện tử, Điện tử công nghiệp (tại trường CĐ Công nghệ quốc tế LILAMA2);
- Công nghệ điện tử và năng lượng tòa nhà và Công nghệ cơ khí, sưởi ấm và điều hòa không khí (tại trường CĐ Cơ giới thủy lợi Đồng Nai)

07 nghề đào tạo nêu trên đều đã được các phòng Thương mại của Đức công nhận trình độ tương đương. Đề xuất từ chương trình thí điểm là Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và các bộ, ngành liên quan nên cần nhắc có cơ chế đồng công nhận trình độ người học giữa cơ sở GDNN và DN. Điều này sẽ giúp cải thiện sự công nhận đối với liên kết đào tạo trên TTLĐ cũng như trong khu vực và quốc tế.



MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM ĐÀO TẠO GẮN KẾT VỚI DN TRONG DỰ ÁN HỢP TÁC GIỮA VIỆT NAM VÀ ĐAN MẠCH (VDV)

1. Giới thiệu mô hình

Trong khuôn khổ Chương trình “Hợp tác với Đan Mạch”, Bộ LĐTBXH (Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp) và Bộ Giáo dục Đan Mạch đã phối hợp triển khai Dự án Hỗ trợ kỹ thuật GDNN tại Việt Nam gồm 2 giai đoạn: giai đoạn 1, bắt đầu thực hiện từ tháng 1/2017 đến tháng 3/2019 tại 04 trường CĐ; giai đoạn 2 từ tháng 6/2019 đến tháng 8/2022 tại 12 trường CĐ. Hoạt động trọng tâm của Dự án là thí điểm thành lập Hội đồng kỹ năng ngành địa phương (HĐKNNDP) theo mô hình đào tạo kép của Đan Mạch tại các trường CĐ tham gia Dự án, trong ba ngành là Nội thất, Thiết kế đồ họa và Công nghệ thực phẩm. Mục tiêu của Dự án là nhằm kiểm chứng các biện pháp thúc đẩy gắn kết cơ sở GDNN với DN và đẩy mạnh việc “học dựa trên làm việc thực tế” (work-based learning) tại DN trong chương trình đào tạo GDNN. Mỗi cơ sở GDNN triển khai thí điểm ít nhất đối với 01 lớp và cơ sở GDNN phối hợp với DN từ khâu xác định nhu cầu đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo đến triển khai và đánh giá kết quả. Chương trình đào tạo được thống nhất giữa trường và DN tham gia trong đó phân chia rõ mục tiêu, nội dung, thời gian đào tạo tại cơ sở GDNN và DN trong đó đào tạo tại DN chiếm ít nhất 25% thời lượng của cả chương trình đào tạo.

HĐKNNDP do từng cơ sở GDNN thành lập, gồm các đại diện từ DN (TTLD địa phương/khu vực), các đại diện của các bên hữu quan (các cơ quan tổ chức ngành, chính quyền địa phương), đại diện cơ sở GDNN (cán bộ quản lý, nhà giáo, cán bộ khác nếu thích hợp).



2. Kinh nghiệm áp dụng mô hình

Kết quả thí điểm cho thấy:

- HĐKNNĐP là diễn đàn hiệu quả để đẩy mạnh sự gắn kết giữa cơ sở GDNN và DN. Các hoạt động hợp tác giữa nhà trường, DN, nhà quản lý và các bên liên quan đều xoay quanh Hội đồng KNNĐP bao gồm thảo luận về sự hợp tác nhà trường/DN trong ngắn và dài hạn, thảo luận các nhu cầu kỹ năng và trình độ kỹ năng, phát triển chương trình đào tạo trong đó có sự phân chia mục tiêu học tập giữa nhà trường và DN, thảo luận về giai thời gian và cách thực hiện thực tập học nghề, cũng như các vấn đề phát triển chung khác ở cấp địa phương. Để đảm bảo hiệu quả của mô hình tọa đàm đối với HĐKNNĐP, cần có sự tham gia đầy đủ của các thành viên DN trong HĐKNNĐP và chú trọng như công tác lập kế hoạch, xác định thời gian phù hợp để DN có thể thu xếp và sẵn sàng tham gia.
- Yếu tố quyết định của hệ thống GDNN kép là thu hút và giữ được DN tham gia HĐKNNĐP và DN cung cấp số chỗ thực tập cần thiết. Tuy nhiên, theo thời gian, khó có thể giữ được sự quan tâm của DN tư nhân; do đó, cần nỗ lực thu hút được các đại diện DN tiềm năng tham gia Hội đồng thông qua việc khởi xướng một số cuộc họp mạng lưới DN địa phương/vùng, trong đó có đại diện của hiệp hội ngành, nhất là những DN có tinh thần trách nhiệm xã hội cao tình nguyện là thành viên HĐKNNĐP. Cần tăng cường hỗ trợ quản lý và ban thư ký tổ chức và triển khai các buổi họp cũng như công tác của HĐKNNĐP. Nên tiếp tục và phát triển hơn nữa mô hình tọa đàm để đáp ứng nhu cầu của thành viên HĐKNNĐP và tổ chức các khóa đào tạo về thực hiện khảo sát nhu cầu kỹ năng theo phương pháp DACUM cho nhà giáo/cán bộ của trường.



- Rà soát, cập nhật chương trình đào tạo của trường nên được tiến hành định kỳ hàng năm hoặc hai lần một năm, bao gồm thu thập thông tin về nhu cầu kỹ năng từ các DN được chọn là DN đại diện trong ngành. Những cán bộ đào tạo tại DN nên tích cực tham gia phát triển chương trình đào tạo tại các cơ sở GDNN. Nhà giáo của cơ sở GDNN có cơ hội đến thăm DN để quen với nhu cầu kỹ năng, qui trình làm việc, và văn hóa DN một cách có hệ thống.
- Các trường cần phát triển mô hình thực tập chuẩn cho mỗi nghề song vẫn linh hoạt để điều chỉnh theo điều kiện và qui trình làm việc của DN.
- Các trường ấn định đầu mối liên hệ rõ ràng và có chức năng hỗ trợ DN đã xác định/được tuyển làm nơi thực tập. Chức năng hỗ trợ có thể là cung cấp thông tin hữu ích và minh bạch về những yêu cầu của DN liên quan đến thỏa thuận thực tập, đầu ra học tập dự kiến và nhiệm vụ công việc mà sinh viên sẽ đảm nhiệm, cũng như hỗ trợ đánh giá hiệu quả của sinh viên. Đồng thời cũng nên thường xuyên hỗ trợ tổ chức các khóa hướng dẫn phương pháp sư phạm cho cán bộ đào tạo tại DN.
- Sinh viên tham gia một đến hai chuyến tham quan, trải nghiệm thực tế tại DN trong năm học đầu tiên với thời lượng một hoặc hai tuần trước đợt thực tập cuối khóa. Tất cả sinh viên thực tập đều được một nhà giáo hỗ trợ, nhà giáo này là đầu mối liên lạc chịu trách nhiệm chuẩn bị cho từng sinh viên sẵn sàng học hỏi từ công việc thực tế, và duy trì kết nối với DN trong quá trình sinh viên thực tập. Nhà giáo này được tạo điều kiện/có cơ hội trải nghiệm thực tế tại DN tiếp nhận sinh viên tới thực tập nhưng thời gian trải nghiệm ngắn hơn so với sinh viên thực tập hoặc đến thăm DN thường xuyên để đảm bảo nội dung giảng dạy phù hợp với nhu cầu của sinh viên đó. Phát triển công cụ để hỗ trợ sinh viên và DN tự đánh giá, và công cụ để nhà trường theo dõi và đánh giá kết quả phối hợp tại DN.





MÔ HÌNH THÍ ĐIỂM ĐÀO TẠO CÓ SỰ THAM GIA CỦA DN TRONG CHƯƠNG TRÌNH “ÚC CÙNG VIỆT NAM PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC” (Aus4Skills)

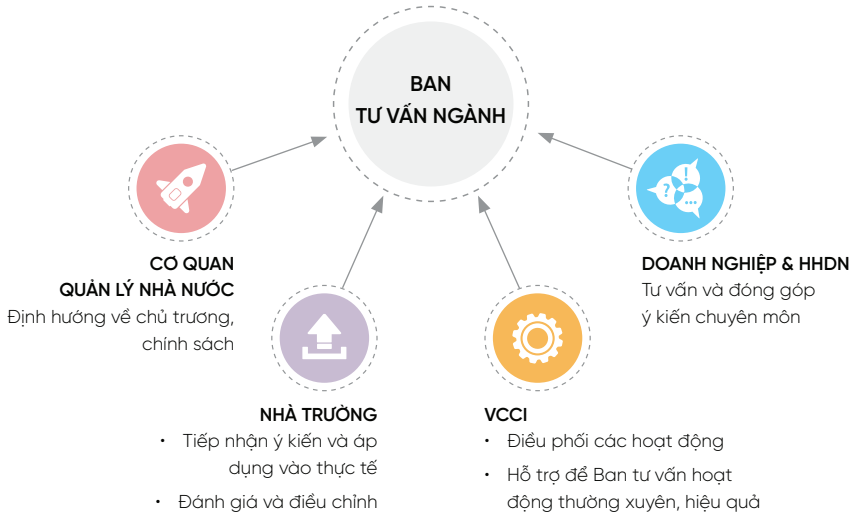
1. Giới thiệu mô hình

Chương trình Aus4Skills của Chính phủ Úc nhằm hỗ trợ Việt Nam trong việc tiếp cận và sử dụng nguồn nhân lực có trình độ và kỹ năng đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động, góp phần vào sự phát triển bền vững kinh tế – xã hội của Việt Nam. Chương trình thực hiện từ tháng 02/2016 bao gồm 05 hợp phần trong đó hợp phần “Thúc đẩy sự tham gia của DN trong lĩnh vực giáo dục nghề nghiệp” được thực hiện từ tháng 4/2017 với các hoạt động trọng tâm là: Thí điểm, thành lập và tổ chức thực hiện các hoạt động của Ban Tư vấn và đào tạo ngành Logistics, hỗ trợ tiêu chuẩn nghề và tiêu chuẩn kỹ năng nghề cho 05 ngành, nghề thuộc lĩnh vực logistics; hỗ trợ nâng cao năng lực đào tạo của các trường và các đối tác tham gia thông qua các hoạt động triển khai thí điểm đào tạo; các khóa đào tạo nâng cao năng lực nhà giáo và cán bộ quản lý tại Việt Nam và Australia; các hội thảo, tọa đàm, tham quan DN, khảo sát thực trạng liên quan đến đào tạo nhân lực logistics, các hoạt động của Ban tư vấn đào tạo ngành logistics; đề xuất các vấn đề liên quan đến cơ chế chính sách gắn kết nhà trường và DN; nhân rộng mô hình.

Trong kế hoạch sẽ thành lập Hội đồng kỹ năng ngành logistics tương tự như trong mô hình đào tạo nghề của Úc. Tuy nhiên do việc thành lập Hội đồng ngành ở Việt Nam đang còn chưa phổ biến, cần phải nghiên cứu, xem xét thêm về cơ sở pháp lý và thẩm quyền ra quyết định thành lập ngành nên các bên thống nhất thành lập Ban Tư vấn đào tạo ngành logistics trong Chương trình.

Ban tư vấn được ra mắt tháng 12/2017 trên cơ sở tự nguyện của các thành viên, với biên bản Điều lệ Tổ chức và hoạt động.





Ban tư vấn gồm 15 thành viên gồm đại diện 4 bên với vai trò cụ thể như sau:

- Cơ quan quản lý nhà nước về GDNN cấp trung ương và địa phương: Định hướng chủ trương và chính sách
- Đại diện DN và hiệp hội DN: Tư vấn và đóng góp ý kiến chuyên môn)
- VCCI: Điều phối hoạt động và hỗ trợ hoạt động của Ban Tư vấn
- Cơ sở GDNN: Tiếp nhận ý kiến, áp dụng vào thực tế, đánh giá điều chỉnh

Chức năng của Ban tư vấn ngành Logistics như sau:

- Đẩy mạnh quảng bá đào tạo nghề thông qua các hoạt động hợp tác chặt chẽ giữa HH, DN, nhà trường & cơ quan quản lý.
- Xem xét, góp ý và thông qua tiêu chuẩn nghề.
- Tham vấn để nâng cao chất lượng đào tạo nghề.
- Đề xuất đưa ra những thay đổi trong tài liệu giảng dạy phù hợp nhu cầu thực tế và tiếp cận tiêu chuẩn, trình độ quốc tế.
- Kết nối cơ chế dạy và học phối hợp giữa nhà trường và DN.
- Xem xét và đưa ra các tiêu chí đánh giá chất lượng đào tạo sinh viên nhằm tạo điều kiện cho các DN có thể tuyển dụng nguồn nhân lực với kỹ năng và kiến thức chất lượng.

Các thành viên Ban tư vấn tham dự các cuộc họp định kỳ theo yêu cầu (3 tháng/ lần hoặc theo yêu cầu) và tích cực tham gia vào công việc của hội đồng. Các thành viên Ban tư vấn ngành Logistics làm việc với tinh thần hợp tác, chuyên nghiệp, tôn trọng nhau để tôn trọng vai trò và chuyên môn của từng thành viên. Các thành viên cũng sẽ nghiên cứu các tài liệu trước mỗi cuộc họp khi cần thiết và xác nhận biên bản cuộc họp.

Sau 3 năm hoạt động, tại sự kiện Nâng tầm kỹ năng Lao động Việt Nam với sự chứng kiến của Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp, Ban tư vấn đã đổi tên thành Hội đồng Tư vấn Kỹ năng nghề ngành Logistics.

2. Kinh nghiệm áp dụng mô hình:

Kết quả của Chương trình bước đầu đã góp phần thúc đẩy cơ chế phối hợp 3 bên: Nhà nước – nhà trường – nhà DN trong việc phát triển và đào tạo các ngành, nghề về logistics. Ban tư vấn đào tạo đã giúp các đơn vị cơ quan liên quan trong ngành logistic cùng hợp tác làm việc với nhau để xác định rõ các nhu cầu kỹ năng của ngành trong khi xây dựng Tiêu chuẩn nghề (mô tả tiêu chuẩn về vị trí chức danh) và Tiêu chuẩn kỹ năng nghề (các kiến thức và kỹ năng cần thiết để thực hiện công việc) nhằm đảm bảo sự đồng nhất và tính tin cậy của ngành. Chương trình cũng cho thấy sự cần thiết của việc nâng cao nhận thức nghề nghiệp Logistics cho phụ huynh và học sinh, nâng cao năng lực người tham gia về quản lý, phát triển và thực hiện chương trình đào tạo về logistics và chuẩn bị đầy đủ nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất-trang thiết bị dạy học hiện đại để nâng cao chất lượng đào tạo. Bên cạnh đó, cần đẩy mạnh hoạt động gắn kết với các DN thông qua thành lập các Tổ công tác gắn kết DN tại địa phương, mở rộng thành lập Ban tư vấn ngành Logistics tại các địa phương khác như Hải Phòng, Vũng Tàu và tiến tới thành lập Hội đồng Tư vấn cấp Trung ương về ngành Logistics.





IV MỘT SỐ MÔ HÌNH ĐÀO TẠO GẮN KẾT VỚI DN ĐÃ ĐƯỢC TRIỂN KHAI TẠI CÁC CƠ SỞ GDNN

1. Mô hình đào tạo kép của trường ĐHSPKT Hưng Yên trong đào tạo trình độ CĐ

Mô hình hợp tác giữa trường ĐHSPKT Hưng Yên và các DN của Đức trong đào tạo kỹ thuật viên cơ điện tử trình độ CĐ nghề

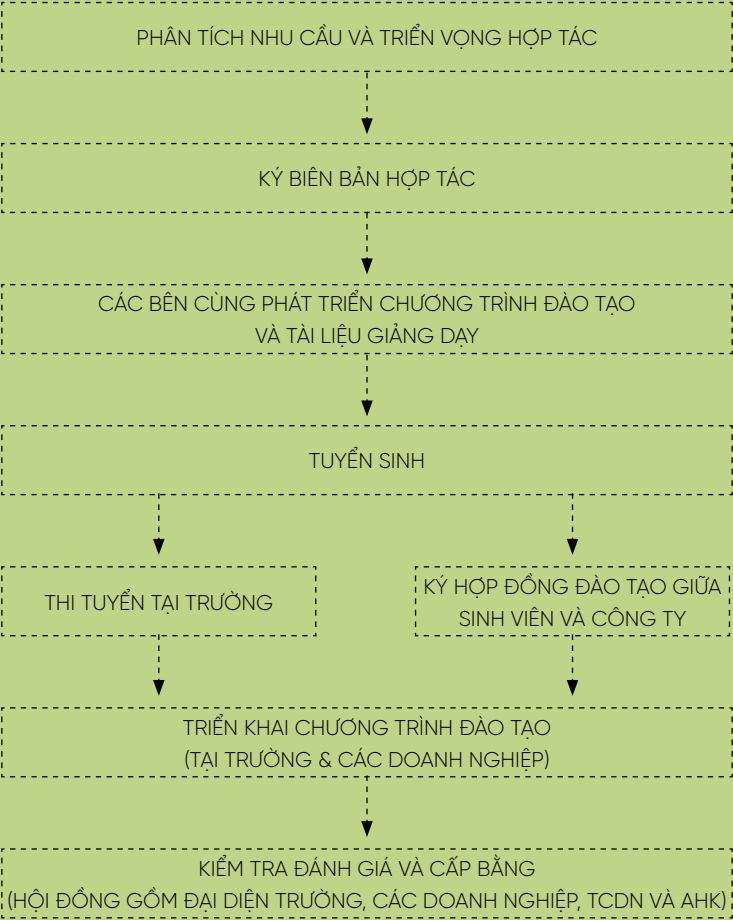
1.1. Hình thức hợp tác

Thông qua sự hỗ trợ từ Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp và Tổ chức GIZ mà trường ĐHSPKT Hưng Yên và hai DN Đức là Messer và B.Braun đã thực hiện thành công chương trình thí điểm hợp tác đào tạo kỹ thuật viên Cơ điện tử trình độ CĐ.

Quá trình đào tạo được thực hiện cả trong Nhà trường và DN. Tại Nhà trường chủ yếu đào tạo phần lý thuyết và thực hành cơ bản. Tại DN sẽ đào tạo phần thực hành nghề nghiệp, sản xuất.

- Tổng số mô đun nghề là 16 mô đun. Trong đó 12 mô đun đào tạo tại trường có tổng thời lượng 975 giờ (chiếm 50%); 4 mô đun đào tạo tại DN cũng có tổng thời lượng 975 giờ (chiếm 50%).
- Ngoại ngữ: tổng thời lượng dành cho tiếng Anh giao tiếp là 240 giờ (gấp hai lần so với chương trình thông thường).
- Sinh viên được hỗ trợ từ DN: năm thứ 2 là 1,8 triệu/tháng; năm thứ 3 là 3 triệu/tháng.
- Chương trình đào tạo đáp ứng các tiêu chuẩn quốc gia và quốc tế. Bằng cấp của sinh viên được công nhận chính thức. Sinh viên có thể làm việc ở các môi trường khác nhau, đặc biệt môi trường lao động quốc tế. Phòng Thương mại và Công nghiệp Đức (AHK) là tổ chức đánh giá, cấp chứng chỉ theo năng lực cho học viên.

1.2. Quá trình hợp tác

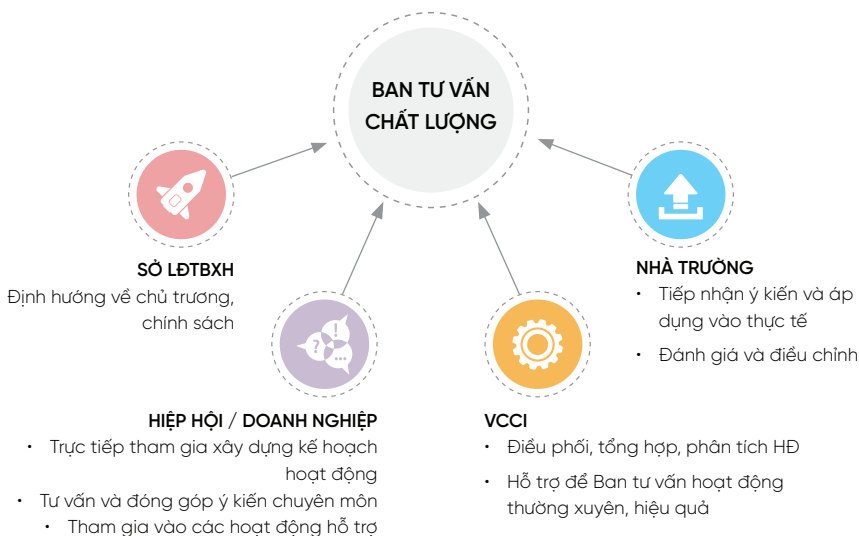


2. Mô hình Ban Tư vấn chất lượng tại trường CĐ nghề Công nghệ cao Đồng Nai

2.1. Mô hình hoạt động

Xuất phát từ mục tiêu đào tạo nhân lực đáp ứng nhu cầu của DN, được VCCI và Liên đoàn Giới chủ Na Uy hỗ trợ, Trường CĐN Công nghệ cao Đồng Nai và các DN đã thành lập các Ban Tư vấn chất lượng. Năm 2012, Trường thành lập Ban Tư vấn chất lượng nghề Ô tô, bao gồm nhà giáo của CSGDNN và chuyên gia kỹ thuật của Công ty TOYOTA Biên Hòa, Ford, HUYNDAI Đô Thành, Trường CĐN Chu Lai - Trường Hải. Năm 2013, thành lập Ban Tư vấn chất lượng nghề Bếp - Nhà hàng với sự tham gia của Trường Saigon Tourist, Khách sạn REX, Khách sạn Riverside Renaissance và Pandanus Resort.

Thông qua Ban tư vấn chất lượng, mối quan hệ hợp tác giữa nhà trường, khối DN và cơ quan quản lý nhà nước về GDNN được thể hiện trong sơ đồ dưới đây (Hình 9.4).



Hình 9.4: Mô hình hợp tác với DN của Trường CĐN Công nghệ cao Đồng Nai

2.2. Vai trò của Ban Tư vấn chất lượng

Ban Tư vấn chất lượng tư vấn cho nhà trường trong việc xác định nhu cầu đào tạo từ lĩnh vực chuyên ngành thông qua nhu cầu hiện tại và dự báo 3 - 5 năm tới, từ đó xác định mục tiêu đào tạo/chuẩn đầu ra cho từng nghề; góp ý vào biểu đồ DACUM về sự cần thiết, hoặc thay thế, bổ sung danh mục các công việc; xây dựng cấu trúc chương trình đào tạo; góp

ý vào biểu đồ DACUM về sự cần thiết, hoặc thay thế, bổ sung danh mục các công việc; xây dựng cấu trúc chương trình đào tạo; góp ý và kết hợp các lớp huấn luyện kỹ thuật mới tại DN với huấn luyện nhà giáo để đẩy mạnh khả năng đào tạo của trường; đề xuất những thay đổi nội dung trong chương trình đào tạo đáp ứng thực tiễn tại DN và hướng đến đạt chuẩn quốc tế (ví dụ Ban Tư vấn chất lượng nghề ô tô đã áp dụng Team 21 của TOYOTA vào đào tạo tại Trường CĐN Công nghệ cao Đồng Nai, đây là nội dung đạt chuẩn quốc tế sẽ được trình bày ở phần phụ lục dưới đây); xem xét và đề xuất các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng đào tạo HSSV; đề xuất thời gian, địa điểm thực tập và thực hành của HSSV để HSSV có thể làm việc ngay sau khi tốt nghiệp; đánh giá hiệu quả những thay đổi và đề ra những điều chỉnh khi cần thiết.

Qua hoạt động của các Ban Tư vấn chất lượng, cho thấy hai bên đều hướng đến xây dựng chương trình đào tạo theo chuẩn của DN, nói cách khác là theo văn hóa của DN (ví dụ đánh giá theo QCD, Quality-Cost-Delivery, chất lượng, giá thành và thời hạn giao hàng) đó là văn hóa chất lượng sản phẩm và năng suất lao động ngày càng cao hơn. Các hoạt động đã nâng cao trình độ cho nhà giáo vừa thành thạo tay nghề, vừa học tập được tinh thần làm việc của DN, cải thiện kỹ năng giao tiếp ngoại ngữ với chuyên gia nước ngoài

2.3. Kết quả của mô hình

Ngành cơ khí, ô tô: Xuất phát từ mục tiêu hoạt động của Team 21-TOYOTA toàn cầu, Ban Tư vấn của trường đã được VCCI và Liên đoàn giới chủ Na Uy tài trợ kinh phí tổ chức các hoạt động biên soạn chương trình đào tạo từ "công việc" cụ thể để chuyển thành „nhóm công việc" hay một chức năng, một vị trí làm việc (ví dụ bảo dưỡng định kỳ xe ô tô).

Ngành nhà hàng khách sạn: Thiết lập được mạng lưới giữa nhà trường và DN (trường Saigontourist, trường Hoa Sen, một số khách sạn 4, 5 sao...). Từ đó, giao lưu mở rộng trao đổi thông tin và hỗ trợ sinh viên thực tập. Thông qua mạng lưới này, hỗ trợ trường Long Thành phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo bộ môn nhà hàng, khách sạn đồng thời chất lượng đào tạo của nhà trường cũng được nâng cao rõ rệt.

Không chỉ dừng lại ở 2 Ban Tư vấn chất lượng nghề chuyên sâu để phát triển chương trình đào tạo, Trường còn thành lập Ban tư vấn chung cho các hoạt động từ khâu tìm hiểu xác định nhu cầu đào tạo, xây dựng kế hoạch để phân công nhiệm vụ, phân bổ nguồn lực giữa Trường và DN, xây dựng biểu đồ phối hợp thông tin giữa các bên và hằng năm có tổ chức hội nghị (Consortium Meeting) đánh giá kết quả cho các thành viên là các DN. Trong hội nghị, các DN sẽ tham gia thực tế một số giờ học của HSSV, nghe HSSV trình bày báo cáo về những việc tự họ trải nghiệm và làm được, sau đó các thành viên DN cho ý kiến về cảm nhận và những điều cần cải thiện để HSSV làm việc tốt hơn.

Ban Tư vấn chất lượng tại Trường còn triển khai xây dựng nội dung chương trình đào tạo các chuyên đề về kỹ năng mềm lồng ghép vào từng bài học và mô đun thực hành, nhằm hình thành tác phong công nghiệp, ý thức trách nhiệm cho HSSV.

3. Mô hình đào tạo kép trình độ CĐ chất lượng cao giữa trường CĐ Lý Tự Trọng và Công ty TNHH Sản xuất và Kinh doanh VINFAST (từ tháng 7/2020)

- Ngành, nghề, trình độ đào tạo:
- + Cơ điện tử: trình độ CĐ
- + Công nghệ ô tô: trình độ CĐ
- Hình thức đào tạo: chính quy
- Chương trình đào tạo: Do 2 bên phối hợp biên soạn đảm bảo quy định về chương trình đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của DN

Tên ngành, nghề	Số giờ lý thuyết	Số giờ thực hành	Tổng số giờ	Tỷ lệ thực hành/tổng thời lượng
Cơ điện tử	917 giờ	2.398 giờ (trong đó số giờ thực hành ở Vinfast 1.363 giờ, đạt 41,12% thời lượng chương trình)	3.315 giờ	72,34 %
Công nghệ ô tô	991 giờ	2.429 giờ (trong đó số giờ thực hành ở Vinfast 1.527 giờ, đạt 44,65% thời lượng chương trình)	3.420 giờ	71,02%

- Thời gian đào tạo: 30 tháng, gồm 02 giai đoạn:
 - + Giai đoạn 1: tại trường (15 tháng)
 - + Giai đoạn 2: tại Vinfast (15 tháng)
 - Bằng cấp: Bằng CĐ chương trình chất lượng cao, danh hiệu kỹ sư thực hành do trường cấp và chứng nhận hoàn thành chương trình đào tạo kỹ thuật viên VINFAST so VINFAST cấp.
- Mô hình trên còn được thực hiện tại 4 trường CĐ là: Trường CĐ Cơ điện Hà Nội; Trường CĐ nghề Công nghiệp Hà Nội; Trường CĐ Công nghiệp Huế và Trường CĐ Công nghệ Hà Tĩnh với Công ty Vinfast.

4. Mô hình đào tạo kép giữa trường trường CĐ Kỹ thuật Công nghệ Bà Rịa - Vũng Tàu với các DN trong ngành nghề liên quan đến lĩnh vực điện

- Ngành, nghề, trình độ đào tạo: Điện công nghiệp, Kỹ thuật máy lạnh và điều hòa không khí, trình độ CĐ và TC.

- Hình thức đào tạo: chính quy
- Chương trình đào tạo: Do 2 bên phối hợp biên soạn đảm bảo quy định về chương trình đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của DN. Nhà trường kết hợp với DN đào tạo một số mô đun/ môn học tại DN, đồng thời các chuyên gia của DN về trực tiếp nhà trường đào tạo một số mudun/ môn học.
- Sinh viên tham gia chương trình này được DN cho xuống các phân xưởng, các công trình học và làm việc thực tế với công việc gắn với đúng ngành nghề của mình theo học.
- Sau khi tốt nghiệp các em sẽ được cấp bằng TC, CĐ danh hiệu kỹ sư thực hành, đồng thời sẽ được công ty tuyển dụng làm việc lâu dài.

5. Mô hình đào tạo kép giữa trường CĐ Công nghệ Cao Hà Nội và Tập đoàn Hanwha (Hàn Quốc)

- Ngành, nghề, trình độ đào tạo: Cắt gọt kim loại – trình độ CĐ
- Hình thức đào tạo: vừa học vừa làm, đào tạo theo đơn đặt hàng của DN (DN trực tiếp tuyển học viên và đặt hàng trường đào tạo)
- Chương trình đào tạo: Do 2 bên phối hợp biên soạn đảm bảo quy định về chương trình đào tạo và nhu cầu tuyển dụng của DN
- Sinh viên tham gia chương trình này được DN chi trả 100% học phí và các khoản sinh hoạt, hỗ trợ các mức lương 6 tháng/lần.
- Thời gian đào tạo: 3 năm trong đó 6 tháng đầu tiên học tại trường, sau đó sẽ được vừa học, vừa làm gắn với kỹ năng chuyên môn, đáp ứng nhu cầu thực tế của DN
- Sau khi tốt nghiệp các em sẽ được cấp bằng CĐ danh hiệu kỹ sư thực hành, đồng thời sẽ được ở lại Công ty để làm việc lâu dài.



TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Chỉ thị số 24/CT-TTg ngày 28/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh phát triển nhân lực có kỹ năng nghề, góp phần nâng cao năng suất lao động và tăng năng lực cạnh tranh quốc gia.
2. Các báo cáo, tài liệu liên quan đến gắn kết DN trong GDNN do Chương trình hợp tác Việt Đức về Đổi mới đào tạo nghề tại Việt Nam (GIZ), Dự án Phát triển GDNN Việt Nam – Hợp tác Việt Nam – Đan Mạch, Chương trình “Úc cùng Việt Nam phát triển nguồn nhân lực” (Aus4Skills), các CSGDNN có tên tại Phần II cuốn Cẩm nang cung cấp.
3. Các văn bản quy phạm pháp luật đã được liệt kê tại Phụ lục 1 Cuốn Cẩm nang.
4. Đại học Liên Đoàn Úc (Federation University Australia). Nhật ký gắn kết DN (Industry Engagement Log). <http://policy.federation.edu.au/forms/2016-Industry-Engagement-Log.docx>
5. Hội đồng Giáo dục và Đào tạo Úc (The Australian Council for Private Education and Training (ACPET)). 2010. Kinh nghiệm hay nhất để gắn kết bền vững với DN trong GDNN (Best Practice in Sustainable Industry Engagement for the VET Sector).
6. Ngân hàng Quốc tế về Tài thiết và Phát triển/Ngân hàng Thế giới và Bộ Kế hoạch và Đầu tư của Việt Nam (2016). Việt Nam 2035 Hướng tới Thịnh vượng, Sáng tạo, Công bằng, dân chủ.
7. Nguyễn Hồng Minh.(2020). Thực trạng và giải pháp tăng cường gắn kết GDNN và DN trong thời gian tới. Kỳ yếu Hội thảo Giáo dục Việt Nam 2019 “Phát triển GDNN trong bối cảnh chuyển đổi mô hình tăng trưởng và hội nhập quốc tế”.
8. Trường Ngoại ngữ Victoria, Úc (Victorian School of Languages). Kế hoạch gắn kết DN (Industry Engagement Plan) – <https://www.vsl.vic.edu.au/Resource/VET/Public%20Documents/Forms/VSL-Industry-Engagement-Template>
9. Văn kiện Đại hội Đảng Đảng lần thứ XII (năm 2016)
10. Viện Nghiên cứu GDNN Liên bang Đức (BIBB). Các bài trình bày (presentations on Dual VET in Germany). <https://www.bibb.de/govet/en/54880.php>

PHỤ LỤC 1
**MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ QUYỀN, TRÁCH NHIỆM CỦA DN
 TRONG HOẠT ĐỘNG GDNN TẠI CÁC VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT
 GIAI ĐOẠN 2011 - 2020**

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 51. Quyền của DN trong hoạt động GDNN	
1. Được thành lập CSGDNN để đào tạo nhân lực trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong DN và cho xã hội.	- Bộ luật Lao động 2019 Khoản 2 Điều 59: 2. Nhà nước có chính sách khuyến khích người sử dụng lao động có đủ điều kiện đào tạo nghề nghiệp và phát huy kỹ năng nghề cho người lao động đang làm việc cho mình và người lao động khác trong xã hội thông qua hoạt động sau đây: a) Thành lập CSGDNN hoặc mở lớp đào tạo nghề tại nơi làm việc để đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động; phối hợp với CSGDNN đào tạo các trình độ SC, TC, CĐ và các chương trình đào tạo nghề nghiệp khác theo quy định - Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN Các quy định tại cho các các cơ quan, tổ chức, cá nhân thành lập CSGDNN tại Chương II: <i>Thành lập, cho phép thành lập, chia, tách, sáp nhập, giải thể CSGDNN; thành lập, cho phép thành lập, chấm dứt hoạt động phân hiệu của trường TC, trường CĐ</i> - Nghị định số 140/2018/NĐ-CP ngày 08/10/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh và thủ tục hành chính thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ LĐTBXH Chương 2: Lĩnh vực GDNN có sửa đổi, bổ sung một số nội dung liên quan đến thành lập CSGDNN theo hướng giảm các điều kiện thành lập, đơn giản hơn và phù hợp hơn với thực tiễn. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật GDNN (thay thế Nghị định 48/2015/NĐ-CP) Khoản 1, Điều 42 về quyền của DN “Được thành lập CSGDNN để đào tạo nhân lực trực tiếp cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và dịch vụ trong DN và cho xã hội theo quy định tại Điều 18 Luật GDNN”

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 51. Quyền của DN trong hoạt động GDNN	
	- Nghị định số 69/2008/NĐ-CP ngày 30 tháng 5 năm 2008 của Chính phủ về chính sách khuyến khích xã hội hóa đối với các hoạt động trong lĩnh vực giáo dục, dạy nghề, y tế, văn hóa, thể thao, môi trường và Nghị định số 59/2014/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/6/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 69/2008/NĐ-CP + Có quy định các chính sách xã hội hóa: Cho thuê xây dựng CSVC; Giao đất, thuê đất; Giao đất không thu tiền sử dụng đất; Cho thuê đất và miễn tiền thuê đất; Giao đất có thu tiền sử dụng đất và được miễn tiền sử dụng đất. Miễn lệ phí trước bạ khi đăng ký quyền sử dụng đất; được miễn các khoản phí, lệ phí khác liên quan đến quyền sử dụng đất, tài sản gắn với đất
2. Được đăng ký hoạt động GDNN để tổ chức đào tạo trình độ SC và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật này cho người lao động làm việc tại DN và lao động khác; được Nhà nước hỗ trợ kinh phí đào tạo cho người khuyết tật vào học tập và làm việc cho DN.	- Nghị định 143/2016/NĐ-CP ngày 04/10/2016 của Chính phủ quy định điều kiện đầu tư và hoạt động trong lĩnh vực GDNN Chương III: Đăng ký hoạt động GDNN, đăng ký bổ sung hoạt động GDNN; cấp, thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN và đình chỉ hoạt động GDNN - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật GDNN (thay thế Nghị định 48/2015/NĐ-CP): Khoản 2, Điều 42. Quyền của DN trong hoạt động GDNN: 2. Được tổ chức đào tạo trình độ SC và đào tạo thường xuyên tại nơi làm việc của DN theo quy định sau đây: a) Đối tượng đào tạo là người lao động làm việc tại DN và lao động khác có nhu cầu được đào tạo; b) Chương trình đào tạo bao gồm: Chương trình đào tạo trình độ SC và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định tại các điểm a, b, c và d khoản 1 Điều 40 của Luật GDNN; c) Người dạy là nhà giáo hoặc nhà khoa học, kỹ sư, cán bộ kỹ thuật, nghệ nhân, người có tay nghề cao, nông dân sản xuất giỏi; d) Thỏa thuận với HS-SV là người lao động của DN về mức tiền lương và phương thức trả lương trong thời gian đào tạo;

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 51. Quyền của DN trong hoạt động GDNN	
	đ) HS-SV sau khi học hết chương trình đào tạo, nếu đạt yêu cầu thì được người đứng đầu DN cấp chứng chỉ SC hoặc chứng chỉ đào tạo. Chứng chỉ đào tạo phải ghi rõ nội dung và thời gian đào tạo; e) Báo cáo Sở LĐTBXH nơi tổ chức đào tạo trước khi tổ chức đào tạo để theo dõi, quản lý. - Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Chính phủ hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DN nhỏ và vừa Điều 3: "...ưu tiên hỗ trợ đào tạo nghề đối với người lao động thuộc diện được hưởng chính sách ưu đãi người có công với cách mạng, người khuyết tật.." Ngoài ra được hỗ trợ kinh phí đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động, được quy định bởi các văn bản sau: - Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp. - Thông tư số 43/2016/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2016 của Chính phủ hướng dẫn thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề cho các đối tượng quy định tại Điều 14 - Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09/7/2015 của Chính phủ về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm.
3. Được phối hợp với các cơ sở hoạt động GDNN khác để tổ chức đào tạo các trình độ SC, TC, CĐ và các chương trình đào tạo thường xuyên.	- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật GDNN (thay thế Nghị định 48/2015/NĐ-CP) +Khoản 3, Điều 42: Quyền của DN trong hoạt động GDNN: 3. Được liên kết, phối hợp với các cơ sở hoạt động GDNN để tổ chức đào tạo các trình độ SC, TC, CĐ và các chương trình đào tạo thường xuyên theo quy định - Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo +Khoản 4, Điều 3: Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo là đơn vị, cá nhân có nhu cầu liên kết đào tạo; trực tiếp tham gia liên kết đào tạo với vai

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 51. Quyền của DN trong hoạt động GDNN	
	trò phối hợp với đơn vị chủ trì liên kết đào tạo trong quản lý, giảng dạy lý thuyết, giảng dạy thực hành và đảm bảo các điều kiện thực hiện liên kết đào tạo (Cơ sở vật chất, thiết bị, nhà xưởng, quản lý học sinh, sinh viên, v.v...). + Khoản 1, Điều 4: Nhà nước khuyến khích CSGDNN và DN liên kết để tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; trong đó DN và CSGDNN hợp tác trong xác định chuẩn đầu ra, xây dựng chương trình, phát triển đội ngũ giảng viên DN, tổ chức tuyển sinh/tuyển dụng, tổ chức đào tạo tại DN, ký kết hợp đồng đào tạo với HS-SV...; Khuyến khích các CSGDNN, các DN, tổ chức, cá nhân hợp tác để tổ chức và công nhận kết quả đào tạo một số modun, môn học lý thuyết và thực hành (bao gồm cả đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn). + Điểm d, Khoản 3, Điều 5: Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo chỉ được tham gia giảng dạy tối đa 40% khối lượng của chương trình đào tạo nếu đơn vị chủ trì liên kết đào tạo có yêu cầu, đồng thời phải bố trí cho giảng viên, giáo viên tham gia giảng dạy sinh hoạt chuyên môn với đơn vị chủ trì liên kết đào tạo. - Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định về đào tạo trình độ CĐ, TC, SC theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học + Khoản 2, Điều 5: Khuyến khích cơ sở đào tạo nghề nghiệp phối hợp với DN để tổ chức cho HS-SV học lý thuyết tại cơ sở đào tạo nghề nghiệp và học thực hành hoặc học tích hợp giữa lý thuyết với thực hành tại DN
4. Được tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực tập và đánh giá kết quả học tập của HS-SV tại CSGDNN; tham	- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật GDNN (thay thế Nghị định 48/2015/NĐ-CP) + Khoản 4, 5 và 6, Điều 42: 4. Được tham gia đặt hàng đào tạo nghề nghiệp đối với các ngành, nghề ưu tiên cho phát triển kinh tế - xã hội của Nhà nước; được đặt hàng đào tạo với CSGDNN để đào tạo nhân lực cho DN ở các lĩnh vực sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. 5. Cử đại diện tham gia vào hội đồng trường CĐ, trường TC công lập;

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 51. Quyền của DN trong hoạt động GDNN	
gia xây dựng chuẩn đầu ra; thẩm định chuẩn đầu ra các ngành nghề	<i>hội đồng quản trị trường CD, trường TC tư thực nếu lĩnh vực hoạt động của DN có liên quan đến ngành, nghề đào tạo của trường.</i> <i>6. Được tham gia xây dựng danh mục ngành, nghề đào tạo; xây dựng khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà HS-SV đạt được sau khi tốt nghiệp; chương trình, giáo trình đào tạo nghề nghiệp; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực tập, đánh giá kết quả học tập của HS-SV tại các CSGDNN.</i> - Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/04/2019 của Chính phủ quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn kinh phí chi thường xuyên Theo quy định của Nghị định này, DN được đặt hàng cung cấp dịch vụ sự nghiệp công sử dụng kinh phí ngân sách Nhà nước, đặt hàng, đấu thầu sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích (bao gồm lĩnh vực GDNN). + Khoản 3, Điều 2: Đối tượng áp dụng <i>3. DN thuộc mọi thành phần kinh tế, tổ chức, đơn vị (bao gồm đơn vị sự nghiệp công lập không trực thuộc cơ quan được giao kinh phí để đặt hàng, đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công), hợp tác xã có tư cách pháp nhân, các cá nhân hành nghề độc lập, đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật có chức năng cung ứng sản phẩm, dịch vụ công phù hợp với yêu cầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công của Nhà nước (sau đây gọi chung là nhà cung cấp dịch vụ sự nghiệp công khác; nhà sản xuất, cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích hoặc là nhà thầu trong trường hợp tham gia đấu thầu thực hiện theo quy định của pháp luật về đấu thầu); các cơ quan, tổ chức có liên quan đến việc tổ chức thực hiện và cung cấp sản phẩm, dịch vụ công.</i> - Thông tư số 03/2017/TT-BLĐTBXH ngày 01/03/2017 của Chính phủ quy định về quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình; tổ chức biên soạn, lựa chọn, thẩm định giáo trình đào tạo trình độ TC, trình độ CD Có quy định việc xây dựng, thẩm định chương trình, giáo trình phải có sự tham gia của đại diện DN (Điều 6, 10, 11, 16).

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 51. Quyền của DN trong hoạt động GDNN	
	- Thông tư số 09/2017/TT-BLĐTBXH 13/03/2017 của Bộ LĐTBXH quy định tổ chức thực hiện chương trình đào tạo trình độ TC, trình độ CĐ theo niên chế hoặc theo phương thức tích lũy mô đun hoặc tín chỉ; quy chế kiểm tra, thi, xét công nhận tốt nghiệp Có quy định Hội đồng thi tốt nghiệp có thể mời thêm đại diện DN (Điều 30) - Thông tư số 31/2017/TT-BLĐTBXH ngày 28/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định về đào tạo trình độ CĐ, TC, SC theo hình thức đào tạo vừa làm vừa học Có quy định DN đào tạo trình độ SC và tham gia đào tạo hình thức vừa làm vừa học trình độ TC, CĐ. - Thông tư số 21/2018/TT-BLĐTBXH 30/11/2018 của Bộ LĐTBXH quy định tiêu chí xác định chương trình chất lượng cao trình độ TC, trình độ CĐ + Quy định việc thẩm định chương trình chất lượng cao phải có sự tham gia của đại diện DN (Điều 12). + Tổ chức đào tạo (Điều 9): Việc tổ chức thực hiện chương trình chất lượng cao phải đáp ứng đầy đủ các quy định hiện hành về đào tạo trình độ TC, CĐ theo quy định của Luật GDNN và phải đảm bảo các yêu cầu sau: <i>a) Chương trình đào tạo chất lượng cao phải có sự hợp tác, tham gia của DN vào quá trình tổ chức đào tạo. Có tối thiểu 30% thời lượng chương trình để HS-SV thực hành, thực tập tại các DN, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ cùng lĩnh vực chuyên môn của ngành, nghề đào tạo;</i> <i>b) Phải có hợp đồng ký kết hợp tác đào tạo và tiếp nhận HS-SV đến thực hành, thực tập giữa nhà trường và DN, trong đó quy định rõ mục tiêu công việc và các yêu cầu đối với HS-SV trong quá trình thực hành, thực tập tại DN.</i> - Thông tư số 28/2017/TT-BLĐTBXH 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định hệ thống bảo đảm chất lượng của CSGDNN Có quy định về nguyên tắc, yêu cầu, quy trình xây dựng, vận hành,

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 51. Quyền của DN trong hoạt động GDNN	
	đánh giá, cải tiến hệ thống bảo đảm chất lượng và tự đánh giá chất lượng GDNN của CSGDNN phải có sự tham vấn, tham gia của đại diện của DN - Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo: + Khoản 1, Điều 4: Nhà nước khuyến khích CSGDNN và DN liên kết để tổ chức đào tạo đáp ứng nhu cầu xã hội; trong đó DN và CSGDNN hợp tác trong xác định chuẩn đầu ra, xây dựng chương trình, phát triển đội ngũ giảng viên DN, tổ chức tuyển sinh/tuyển dụng, tổ chức đào tạo tại DN, ký kết hợp đồng đào tạo với HS-SV...; Khuyến khích các CSGDNN, các DN, tổ chức, cá nhân hợp tác để tổ chức và công nhận kết quả đào tạo một số modun, môn học lý thuyết và thực hành (bao gồm cả đào tạo từ xa, tự học có hướng dẫn). + Điểm d, Khoản 3, Điều 5: Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo chỉ được tham gia giảng dạy tối đa 40% khối lượng của chương trình đào tạo nếu đơn vị chủ trì liên kết đào tạo có yêu cầu, đồng thời phải bố trí cho giảng viên, giáo viên tham gia giảng dạy sinh hoạt chuyên môn với đơn vị chủ trì liên kết đào tạo. - Thông tư số 12/12/2017/TT-BLĐTBXH ngày 20/04/2017 của Bộ LĐTBXH quy định khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà HS-SV đạt được sau khi tốt nghiệp trình độ TC, trình độ CĐ (chuẩn đầu ra) + Điểm c Khoản 2 Điều 10 về Ban Chủ nhiệm xây dựng chuẩn đầu ra có quy định: Cơ cấu của Ban chủ nhiệm gồm: cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề; giáo viên, giảng viên, các chuyên gia, đại diện DN. + Điểm b Khoản 2, Điều 11 về Hội đồng thẩm định chuẩn đầu ra do Bộ trưởng Bộ LĐTB&XH thành lập cũng quy định: Thành phần Hội đồng thẩm định gồm: cán bộ quản lý về GDNN, giáo viên, giảng viên, các chuyên gia, cán bộ quản lý có kinh nghiệm của ngành, nghề, đại diện DN. + Điểm d, Khoản 2 Điều 8: DN góp ý cho các chuẩn đầu ra do các Ban Chủ nhiệm xây dựng, gửi lấy ý kiến góp ý

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 51. Quyền của DN trong hoạt động GDNN	
5. Các khoản chi cho hoạt động đào tạo nghề nghiệp của DN được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế theo quy định của pháp luật về thuế.	- Luật Thuế thu nhập DN, Văn bản hợp nhất số: 14/VBHN-VPQH ngày 11/12/2014 (Luật thuế thu nhập DN số 14/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, được sửa đổi, bổ sung bởi: + Luật số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập DN, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2014; Luật số 71/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015): Điểm a, khoản 1, Điều 9 có quy định: Các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế bao gồm hoạt động GDNN. + Luật Thuế giá trị gia tăng: <i>Khoản 13, Điều 5: Đối tượng không chịu thuế</i> <i>13. Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật</i> + Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu: Điều 17. Xét miễn thuế <i>Hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu trong các trường hợp sau đây được xét miễn thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu:</i> <i>1. Hàng hoá nhập khẩu chuyên dùng trực tiếp phục vụ quốc phòng, an ninh, giáo dục và đào tạo; hàng hóa nhập khẩu chuyên dùng trực tiếp phục vụ nghiên cứu khoa học, trừ trường hợp quy định tại khoản 8 Điều 16 của Luật này;</i> - Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng + Điều 3. Đối tượng không chịu thuế <i>Đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng thực hiện theo quy định tại Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng</i> - Văn bản hợp nhất số 12/VBHN-BTC ngày 26/5/2015 Nghị định quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật thuế thu nhập DN (Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 51. Quyền của DN trong hoạt động GDNN	
	định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập DN, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 02 năm 2014 và áp dụng cho kỳ tính thuế từ năm 2014 trở đi, được sửa đổi, bổ sung bởi: + Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 11 năm 2014 và riêng quy định tại Điều 1 Nghị định này áp dụng cho kỳ tính thuế thu nhập DN từ năm 2014; + Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2015) <i>* Khoản 5, Điều 4. Thu nhập được miễn thuế</i> <i>5. Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội, người đang cai nghiện, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV/AIDS. Trường hợp cơ sở dạy nghề có cả các đối tượng khác thì phần thu nhập được miễn thuế được xác định theo tỷ lệ giữa số người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội, người đang cai nghiện, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV/AIDS so với tổng số HS-SV của cơ sở.</i> <i>* Điều 9. Quy định các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế</i> <i>DN được trừ mọi khoản chi nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:--</i> <i>Khoản chi cho hoạt động GDNN, đào tạo nghề nghiệp cho người lao động theo quy định của pháp luật</i> - Văn bản hợp nhất số 11/VBHN-BTC ngày 15/5/2017 của Bộ Tài chính về hợp nhất các Thông tư hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập DN: + Điều 6. Quy định về các khoản chi được trừ khi xác định thu nhập chịu thuế: <i>++ Chi phí trả cho người dạy;</i>

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 51. Quyền của DN trong hoạt động GDNN	
	<i>++ Chi phí cho biên soạn tài liệu học tập;</i> <i>++ Chi phí cho mua sắm thiết bị dùng để hoạt động GDNN, vật liệu thực hành;</i> <i>++ Chi phí xây dựng cơ sở vật chất, chi phí mua sắm máy, thiết bị là tài sản cố định dùng để tổ chức hoạt động GDNN;</i> <i>++ Các chi phí khác hỗ trợ cho HS-SV và các khoản chi khi tham gia hoạt động GDNN theo quy định;</i> <i>++ Chi phí đào tạo của DN cho người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại DN;</i> <i>++ Chi tài trợ cho giáo dục gồm: tài trợ cho các trường học công lập, dân lập và tư thục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân theo quy định của pháp luật về giáo dục mà khoản tài trợ này không phải là để góp vốn, mua cổ phần trong các trường học; Tài trợ cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy, học tập và hoạt động của trường học; Tài trợ cho các hoạt động thường xuyên của trường; Tài trợ học bổng cho học sinh, sinh viên thuộc các cơ sở giáo dục phổ thông, CSGDNN và cơ sở sở giáo dục đại học được quy định tại Luật Giáo dục (tài trợ trực tiếp cho học sinh, sinh viên hoặc thông qua các cơ sở giáo dục, thông qua các cơ quan, tổ chức có chức năng huy động tài trợ theo quy định của pháp luật); Tài trợ cho các cuộc thi về các môn học được giảng dạy trong trường học mà đối tượng tham gia dự thi là HS-SV; tài trợ để thành lập các Quỹ khuyến học giáo dục theo quy định của pháp luật về giáo dục đào tạo.</i> <i>++ Thu nhập từ hoạt động dạy nghề dành riêng cho người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, đối tượng tị nạn xã hội, người đang cai nghiện, người sau cai nghiện, người nhiễm HIV/AIDS;</i> - Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng: + Điều 4. Đối tượng không chịu thuế GTGT <i>Khoản 13: Dạy học, dạy nghề theo quy định của pháp luật bao gồm cả dạy ngoại ngữ, tin học; dạy múa, hát, hội họa, nhạc, kịch, xiếc, thể dục, thể thao; nuôi dạy trẻ và dạy các nghề khác nhằm đào tạo, bồi</i>

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 51. Quyền của DN trong hoạt động GDNN	
	<i>duỡng nâng cao trình độ văn hóa, kiến thức chuyên môn nghề nghiệp...</i> <i>Khoản thu về ở nội trú của học sinh, sinh viên, học viên; hoạt động đào tạo (bao gồm cả việc tổ chức thi và cấp chứng chỉ trong quy trình đào tạo) do cơ sở đào tạo cung cấp thuộc đối tượng không chịu thuế GTGT. Trường hợp cơ sở đào tạo không trực tiếp tổ chức đào tạo mà chỉ tổ chức thi, cấp chứng chỉ trong quy trình đào tạo thì hoạt động tổ chức thi và cấp chứng chỉ cũng thuộc đối tượng không chịu thuế. Trường hợp cung cấp dịch vụ thi và cấp chứng chỉ không thuộc quy trình đào tạo thì thuộc đối tượng chịu thuế GTGT.</i> <i>Khoản 15: Giáo trình là sách dùng để giảng dạy và học tập trong các trường đại học, CĐ, trung học chuyên nghiệp và dạy nghề.</i>
Điều 52. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN	
1. Cung cấp thông tin về nhu cầu đào tạo, sử dụng lao động của DN theo ngành, nghề và nhu cầu tuyển dụng lao động hằng năm cho cơ quan quản lý nhà nước về GDNN.	- Bộ luật Lao động 2019 + Khoản 2, Điều 60: 2. 2. Hằng năm, người sử dụng lao động thông báo kết quả đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật GDNN (thay thế Nghị định 48/2015/NĐ-CP) Điều 43: Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN + Khoản 1: Hằng năm báo cáo Sở LDTBXH, nơi DN có trụ sở chính về nhu cầu đào tạo, sử dụng lao động theo ngành nghề và nhu cầu tuyển dụng lao động của DN. + Khoản 4: Cung cấp thông tin phản hồi về chất lượng lao động qua đào tạo của CSGDNN và thông tin cho các cuộc điều tra, khảo sát của cơ quan quản lý nhà nước, hiệp hội DN và CSGDNN khi có yêu cầu nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo nghề nghiệp. + Khoản 8: Thực hiện trách nhiệm xã hội đối với hoạt động GDNN, cam kết đóng góp vào sự phát triển bền vững của GDNN thông qua các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực của DN, cộng đồng và xã hội.

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 52. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN	
	- Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DN nhỏ và vừa Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan +Khoản 4. Trách nhiệm của DN nhỏ và vừa <i>Điểm b: Hàng năm, đề xuất kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động đang làm việc trong DN, theo hướng dẫn của Sở LĐTBXH nơi DN hoạt động với các nội dung chủ yếu: Đánh giá kết quả hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp năm trước (nếu có); dự kiến kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của DN; dự kiến số lượng lao động cần đào tạo, ngành nghề đào tạo, hình thức đào tạo và các nội dung khác có liên quan.</i>
2. Tổ chức đào tạo hoặc đặt hàng với CS-GDNN để đào tạo người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại DN.	- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật GDNN (thay thế Nghị định 48/2015/NĐ-CP) Điều 43. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN: + Khoản 3: Tự tổ chức đào tạo, phối hợp với CSGDNN tổ chức đào tạo; đặt hàng với CSGDNN để đào tạo người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại DN theo quy định. + Khoản 7: Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động trong DN và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định tại các Điều 60, 61 của Bộ luật lao động. + Khoản 8: Thực hiện trách nhiệm xã hội đối với hoạt động GDNN, cam kết đóng góp vào sự phát triển bền vững của GDNN thông qua các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực của DN, cộng đồng và xã hội. - Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp Điều 32. Trách nhiệm của người sử dụng lao động + Khoản 8: Tổ chức triển khai việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 52. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN	
	độ kỹ năng nghề theo phương án đã được phê duyệt và báo cáo kết quả thực hiện về Sở LĐTBXH trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày kết thúc khóa đào tạo - Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo + Điều 7. Nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết đào tạo <i>Điểm a, Khoản 2. Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo chịu trách nhiệm: Phối hợp với đơn vị chủ trì đào tạo theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đào tạo;</i> + Điều 10. Trách nhiệm của các đơn vị, cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên kết đào tạo: <i>Khoản 2: Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký hợp đồng liên kết đào tạo, các trường CĐ và các cơ sở giáo dục đại học có đăng ký hoạt động GDNN trình độ CĐ tham gia liên kết đào tạo báo cáo Bộ LĐTBXH (qua Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp); các trường TC, trung tâm GDNN, trung tâm giáo dục thường xuyên và các cơ quan, tổ chức, cá nhân, DN tham gia liên kết đào tạo báo cáo Sở LĐTBXH địa phương nơi đặt trụ sở chính. Nội dung báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 02 kèm theo Thông tư này.</i> <i>Khoản 3. Hằng năm, báo cáo bằng văn bản tình hình liên kết đào tạo của đơn vị tính đến ngày 31 tháng 12 về cơ quan chủ quản, Sở LĐTBXH tỉnh, thành phố nơi đơn vị đặt trụ sở chính trước ngày 10 tháng 01 của năm tiếp theo. Nội dung báo cáo theo mẫu tại Phụ lục 03 kèm theo Thông tư này.</i> - Thông tư số 32/2018/TT-BLĐTBXH ngày 26/12/2018 của Bộ LĐTBXH hướng dẫn việc hỗ trợ đào tạo nghề đối với lao động đang làm việc trong DN nhỏ và vừa Điều 6. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan + Khoản 4. Trách nhiệm của DN nhỏ và vừa <i>a) Thông tin, phổ biến chính sách hỗ trợ đào tạo nghề đối với người lao động đang làm việc trong DN theo quy định của pháp luật và hướng dẫn tại Thông tư này.</i>

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 52. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN	
	b) Hàng năm, đề xuất kế hoạch hỗ trợ đào tạo nghề cho người lao động đang làm việc trong DN, theo hướng dẫn của Sở LĐTBXH nơi DN hoạt động với các nội dung chủ yếu: Đánh giá kết quả hỗ trợ đào tạo nghề nghiệp năm trước (nếu có); dự kiến kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh của DN; dự kiến số lượng lao động cần đào tạo, ngành nghề đào tạo, hình thức đào tạo và các nội dung khác có liên quan. c) Lựa chọn ngành nghề đào tạo, cơ sở đào tạo nghề nghiệp và cử người lao động đang làm việc trong DN tham gia khóa đào tạo nghề theo quy định tại Thông tư này. Chịu trách nhiệm về việc lựa chọn, đề xuất việc cử người lao động đang làm việc trong DN tham gia khóa đào tạo nghề theo quy định của pháp luật. d) Chi trả tiền lương, tiền đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho HS-SV trong thời gian đi học theo quy định tại Khoản 3 Điều 62 Bộ luật Lao động và các chi phí khác (nếu có) theo quy định tại Điều 144 Bộ luật Lao động. Các chi phí còn lại do DN thỏa thuận với người lao động khi cử tham gia các khóa đào tạo nghề. đ) Tham gia giám sát việc tổ chức đào tạo nghề của các cơ sở đào tạo nghề nghiệp đối với người lao động do DN cử đi học và tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo nghề trong báo cáo hàng năm gửi Sở LĐTBXH nơi DN hoạt động theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Bộ luật Lao động.
3. Thực hiện đầy đủ trách nhiệm đã thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đào tạo với cơ sở hoạt động GDNN.	- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật GDNN (thay thế Nghị định 48/2015/NĐ-CP) Điều 43. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN: + Khoản 5: ... Trường hợp tiếp nhận người lao động vào đào tạo để làm việc cho DN thì phải ký hợp đồng đào tạo với người lao động và không thu học phí. + Khoản 8: Thực hiện trách nhiệm xã hội đối với hoạt động GDNN, cam kết đóng góp vào sự phát triển bền vững của GDNN thông qua các hoạt động nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng nhu cầu nhân lực của DN, cộng đồng và xã hội. + Khoản 9: Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 52 của Luật GDNN và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 52. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN	
	- Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo Điều 7. Nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết đào tạo + Khoản 2. Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo chịu trách nhiệm: a) Phối hợp với đơn vị chủ trì đào tạo theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đào tạo;
4. Tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực tập, đánh giá kết quả học tập của HS-SV tại cơ sở hoạt động GDNN; tiếp nhận HS-SV, nhà giáo đến tham quan, thực hành, thực tập nâng cao kỹ năng nghề thông qua hợp đồng với cơ sở hoạt động GDNN.	- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật GDNN (thay thế Nghị định 48/2015/NĐ-CP) Điều 43. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN + Khoản 2: Cử người đại diện là chuyên gia, cán bộ kỹ thuật phù hợp tham gia xây dựng danh mục ngành, nghề đào tạo; xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo; tham gia giảng dạy, hướng dẫn thực tập và đánh giá kết quả học tập của HS-SV tại các cơ sở hoạt động GDNN. + Khoản 3: Tự tổ chức đào tạo, phối hợp với CSGDNN tổ chức đào tạo; đặt hàng với CSGDNN để đào tạo người lao động được tuyển dụng vào làm việc tại DN theo quy định. + Khoản 5: Tiếp nhận nhà giáo, học sinh, sinh viên của các CSGDN-N đến tham quan, thực hành, thực tập nâng cao kỹ năng nghề tại DN hoặc cập nhật, tiếp cận công nghệ mới; trả tiền lương cho nhà giáo, học sinh, sinh viên trực tiếp hoặc tham gia lao động làm ra sản phẩm hợp quy cách bao gồm hàng hóa hoặc dịch vụ được cung cấp trên thị trường trong thời gian thực tập tại DN theo mức do các bên thỏa thuận. Trường hợp tiếp nhận người lao động vào đào tạo để làm việc cho DN thì phải ký hợp đồng đào tạo với người lao động và không thu học phí. - Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH 15/12/2017 của Bộ LĐTBXH quy định về liên kết tổ chức thực hiện chương trình đào tạo Điều 5: Tổ chức đào tạo - Khoản 3: Đối với đơn vị phối hợp liên kết đào tạo a) Xác định được nhu cầu đào tạo về: ngành, nghề đào tạo, trình độ đào tạo và chỉ tiêu tuyển sinh;

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 52. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN	
	<i>b) Địa điểm đào tạo phải đảm bảo yêu cầu về cơ sở vật chất, thiết bị cần thiết để phục vụ đào tạo, đảm bảo các điều kiện về vệ sinh và an toàn lao động; có đội ngũ cán bộ quản lý phù hợp với mục tiêu đào tạo của khóa học;</i> <i>c) Đối với liên kết đào tạo khối ngành sức khỏe, địa điểm đào tạo phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện để tổ chức đào tạo theo quy định của Bộ Y tế.</i> <i>d) Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo chỉ được tham gia giảng dạy tối đa 40% khối lượng của chương trình đào tạo nếu đơn vị chủ trì liên kết đào tạo có yêu cầu, đồng thời phải bố trí cho giảng viên, giáo viên tham gia giảng dạy sinh hoạt chuyên môn với đơn vị chủ trì liên kết đào tạo.</i> Điều 7. Nghĩa vụ của các bên tham gia liên kết đào tạo 2. Đơn vị phối hợp liên kết đào tạo chịu trách nhiệm: <i>a) Phối hợp với đơn vị chủ trì đào tạo theo đúng thỏa thuận trong hợp đồng liên kết đào tạo;</i> <i>b) Phối hợp theo dõi, giám sát việc thực hiện kế hoạch đào tạo, việc tổ chức dạy, học và phản ánh kịp thời với đơn vị chủ trì đào tạo những biểu hiện sai phạm để kịp thời chấn chỉnh.</i>
5. Trả tiền lương, tiền công cho HS-SV, nhà giáo trực tiếp hoặc tham gia lao động làm ra sản phẩm hợp quy cách trong thời gian đào tạo, thực hành, thực tập tại DN theo mức do các bên thỏa thuận.	- Bộ luật Lao động 2019 1. Học nghề để làm việc cho người sử dụng lao động là việc người sử dụng lao động tuyển người vào để đào tạo nghề nghiệp tại nơi làm việc. Thời gian học nghề theo chương trình đào tạo của từng trình độ theo quy định của Luật GDNN. 2. Tập nghề để làm việc cho người sử dụng lao động là việc người sử dụng lao động tuyển người vào để hướng dẫn thực hành công việc, tập làm nghề theo vị trí việc làm tại nơi làm việc. Thời hạn tập nghề không quá 03 tháng. 3. Người sử dụng lao động tuyển người vào học nghề, tập nghề <u>để làm việc cho mình thì không phải đăng ký hoạt động GDNN; không được thu học phí; phải ký hợp đồng đào tạo</u> theo quy định của Luật GDNN. 4. Trong thời gian học nghề, tập nghề, nếu HS-SV nghề, người tập

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 52. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN	
	nghề trực tiếp hoặc tham gia lao động thì được người sử dụng lao động trả lương theo mức do hai bên thỏa thuận. 5. Hết thời hạn học nghề, tập nghề, hai bên phải ký kết hợp đồng lao động khi đủ các điều kiện theo quy định của Bộ luật này. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật GDNN (thay thế Nghị định 48/2015/NĐ-CP) Điều 43. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN + Khoản 5: “...; trả tiền lương cho nhà giáo, học sinh, sinh viên trực tiếp hoặc tham gia lao động làm ra sản phẩm hợp quy cách bao gồm hàng hóa hoặc dịch vụ được cung cấp trên thị trường trong thời gian thực tập tại DN theo mức do các bên thỏa thuận”.
6. Phối hợp với CSGDNN tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao kỹ năng nghề và đào tạo lại nghề cho người lao động của DN.	- Bộ luật Lao động 2019 Điều 60. Trách nhiệm của người sử dụng lao động về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề 1. Người sử dụng lao động xây dựng kế hoạch hằng năm và dành kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động đang làm việc cho mình; đào tạo cho người lao động trước khi chuyển làm nghề khác cho mình. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật GDNN (thay thế Nghị định 48/2015/NĐ-CP). Điều 43. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN + Khoản 6: <i>Trả chi phí đào tạo, trả lương cho người lao động của DN trong thời gian nghỉ đi học theo thỏa thuận giữa DN và người lao động theo quy định của pháp luật.</i> + Khoản 7: <i>Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động trong DN và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định tại các Điều 60, 61 của Bộ luật lao động.</i> - Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 52. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN	
	<i>Điều 32. Trách nhiệm của người sử dụng lao động</i> <i>+ Khoản 8: Tổ chức triển khai việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo đúng phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</i>
7. Tạo điều kiện cho người lao động của DN vừa làm vừa học để nâng cao trình độ kỹ năng nghề nghiệp theo quy định của pháp luật về lao động.	- Bộ luật Lao động 2019 Điều 60. Trách nhiệm của người sử dụng lao động về đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề 1. Người sử dụng lao động xây dựng kế hoạch hằng năm và dành kinh phí cho việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề, phát triển kỹ năng nghề cho người lao động đang làm việc cho mình; đào tạo cho người lao động trước khi chuyển làm nghề khác cho mình. - Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật GDNN (thay thế Nghị định 48/2015/NĐ-CP). Điều 43. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN <i>+ Khoản 6: Trả chi phí đào tạo, trả lương cho người lao động của DN trong thời gian nghỉ đi học theo thỏa thuận giữa DN và người lao động theo quy định của pháp luật.</i> <i>+ Khoản 7: Xây dựng kế hoạch, chương trình đào tạo, bồi dưỡng và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động trong DN và báo cáo kết quả thực hiện theo quy định tại các Điều 60, 61 của Bộ luật lao động.</i> - Nghị định số 28/2015/NĐ-CP ngày 12/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về bảo hiểm thất nghiệp Điều 32. Trách nhiệm của người sử dụng lao động <i>+ Khoản 8: Tổ chức triển khai việc đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao trình độ kỹ năng nghề để duy trì việc làm cho người lao động theo đúng phương án được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.</i>
8. Chỉ được sử dụng lao động đã qua đào tạo	- Nghị định số 15/2019/NĐ-CP ngày 01/02/2019 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật GDNN (thay thế Nghị định 48/2015/NĐ-CP)

Quy định của Luật GDNN	Văn bản quy phạm pháp luật liên quan
Điều 52. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN	
hoặc có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia đối với những nghề trong danh mục do Bộ trưởng Bộ LĐ-T-BXH quy định.	Điều 43. Trách nhiệm của DN trong hoạt động GDNN + Khoản 9: Thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 52 của Luật GDNN và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan. - Nghị định số 31/2015/NĐ-CP ngày 24/3/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Việc làm về đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia Điều 28. Danh mục công việc ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn, sức khỏe của cá nhân người lao động và cộng đồng phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia 1. Công việc ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn và sức khỏe của cá nhân người lao động hoặc cộng đồng bao gồm: a) Công việc thuộc danh mục công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm; b) Công việc khi người lao động thực hiện công việc đó có ảnh hưởng trực tiếp đến sự an toàn của cộng đồng hoặc sức khỏe của người khác. 2. Việc đề xuất, thay đổi, loại bỏ, bổ sung các công việc vào danh mục công việc ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn, sức khỏe của cá nhân người lao động và cộng đồng phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia được thực hiện theo nguyên tắc sau đây: a) Lựa chọn các công việc theo quy định tại Khoản 1 Điều này để từng bước đưa vào danh mục theo lộ trình nhằm bảo đảm việc thực hiện được khả thi, hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến người lao động, người sử dụng lao động và xáo trộn hoạt động của DN, xã hội; b) Các công việc thuộc danh mục được đề xuất thay đổi hoặc loại bỏ khi công việc đó thay đổi tên gọi hoặc không còn công việc đó. 3. Danh mục công việc ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn và sức khỏe của cá nhân người lao động hoặc cộng đồng phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia được sắp xếp theo Hệ thống ngành kinh tế của Việt Nam hiện hành. 4. Danh mục công việc ảnh hưởng trực tiếp đến an toàn và sức khỏe của cá nhân người lao động hoặc cộng đồng phải có chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia được quy định cụ thể tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này.

PHỤ LỤC 2: BỘ CÔNG CỤ THỰC HIỆN GẮN KẾT CSGDNN VỚI DN

Công cụ 1 | **KẾ HOẠCH TỔNG THỂ GẮN KẾT DN CỦA CSGDNN NĂM**

KẾ HOẠCH TỔNG THỂ GẮN KẾT DN CỦA CSGDNN NĂM⁽⁴⁾

TT	Chương trình đào tạo/ngành, nghề đào tạo	Thực trạng gắn kết DN năm N-1	Kế hoạch năm			
			Nội dung hoạt động	Thời gian hoàn thành	Đơn vị phụ trách	Đơn vị phối hợp
I	Khoa/Tổ					
1	Chương trình đào tạo... <Thông tin chung: - Lấn rà soát, chỉnh sửa CT gần đây - Chỉ số KPI ⁽⁴⁾ năm trước năm N-1 (có thể làm bảng riêng kèm theo) - Kết quả tự đánh giá/đánh giá ngoài (nếu có)	<(i) Số lượng DN gắn kết > (ii) Hình thức hợp tác chính là..... (iii) Đánh giá chung hiệu quả gắn kết (Tốt/Khá/Cần cải thiện)				
2	Chương trình đào tạo...					
						
II	Khoa/Tổ					
	Chương trình đào tạo...					
	Chương trình đào tạo...					
III						

⁽⁴⁾ Chỉ số KPI (key performance indicators) là chỉ số kết quả hoạt động phản ánh chất lượng chương trình đào tạo: tính cho khóa tốt nghiệp năm gần nhất, gồm: số lượng tuyển sinh đầu khóa, tỷ lệ HS-SV theo học đến khóa học, tỷ lệ hoàn thành khóa học trên số lượng theo học, số lượng người tốt nghiệp/số người hoàn thành khóa học, tỷ lệ HS-SV có việc làm và học lên trình độ cao hơn/số người tốt nghiệp.

Công cụ 2 | BẢNG THEO DÕI HOẠT ĐỘNG GẮN KẾT DN⁽⁶⁾

(Theo từng chương trình đào tạo, do Khoa, Tổ thực hiện; ghi chép từ khi bắt đầu hợp tác đến khi kết thúc)

Tên chương trình đào tạo Cán bộ đầu mối theo dõi ở Khoa/Tổ..... Email.....Tel.....	
Thông tin về DN Loại hình DN Quy mô, lĩnh vực hoạt động Địa chỉ: Đầu mối liên hệ: Email..... Tel.....	
Thông tin về hợp tác Thời gian bắt đầu thiết lập mối quan hệ, bối cảnh	
Các nội dung thống nhất chính khi bắt đầu mối quan hệ hợp tác	
Cập nhật các hoạt động hợp tác, các lưu ý trong quá trình hợp tác	
Ngày/Tháng/Năm	<dự khóa học định hướng của sinh viên đầu khóa >
Ngày/Tháng/Năm	<ký hợp đồng liên kết đào tạo> Ngành/nghe 1: Ngành/nghe 2:
Ngày/Tháng/Năm	<tiếp nhận sinh viên thực tập> Ngành/nghe 1: Số lượng HSSV: Ngành/nghe 2: Số lượng:
Ngày/Tháng/Năm	<Khảo sát ý kiến DN về nhu cầu đào tạo..> Kết quả Khảo sát:.. Kết quả sử dụng ý kiến khảo sát:
Ngày/Tháng/Năm	<phối hợp tổ chức hội chợ việc làm> Kết quả: Ngành/nghe 1:.. Số lượng HSSV được sơ tuyển:.. Số lượng HSSV được tuyển dụng:.. Ngành/ nghề 2:..

(Trong trường hợp 01 DN tham gia gắn kết liên quan đến nhiều chương trình đào tạo do Tổ, bộ môn quản lý thì cần điều chỉnh bảng trên cho phù hợp, phản ánh các thông tin liên quan đến các chương trình)

⁽⁶⁾ Mẫu này giúp CSGDNN theo dõi các hoạt động hợp tác với một doanh nghiệp cụ thể ở một chương trình đào tạo cụ thể để làm căn cứ đánh giá hiệu quả hợp tác, cũng như duy trì hợp tác hiệu quả, khai thác kết quả hợp tác

Công cụ 3 | **BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI GẮN KẾT DN CỦA CSGDNN**
BẢNG TỔNG HỢP THEO DÕI GẮN KẾT DN CỦA CSGDNN⁽⁷⁾

Năm báo cáo:.....

TT	Chương trình đào tạo/ Ngành, nghề đào tạo	Đầu mối liên hệ phía DN	Đầu mối theo dõi hợp tác phía CS-GDNN	Thông tin chung về hợp tác	Các hoạt động hợp tác thực tế đã triển khai & Ý kiến phản hồi, đóng góp của DN năm báo cáo	Kết quả từ hợp tác DN năm báo cáo	Phản hồi từ DN về hợp tác	Ghi chú (để xuất)
I	Khoa/Tổ							
	Chương trình đào tạo....							
	DN A			<thời gian bắt đầu, có ký thỏa thuận không, nội dung chính thỏa thuận...>				
	DN B							
								
2	Chương trình đào tạo....							
								
II	Khoa/Tổ							
	Chương trình đào tạo....							
	Chương trình đào tạo....							
								

⁽⁷⁾ Mẫu này có thông tin đầu vào từ Công cụ 3, giúp lãnh đạo CSGDNN nắm được bức tranh tổng quát việc gắn kết với DN theo từng chương trình đào tạo, đánh giá hiệu quả hợp tác, việc khai thác hiệu quả từ hợp tác

Công cụ 5

MẪU BIÊN BẢN THỎA THUẬN/BIÊN BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC

BIÊN BẢN THỎA THUẬN/BIÊN BẢN GHI NHỚ HỢP TÁC

Giữa (ghi tên CSGDNN) và (ghi tên DN)

Hôm nay, ngày.....tháng...năm...tại.....

Chúng tôi gồm:

Tên CSGDNN:

Người đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ cơ quan:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (số, ngày, tháng năm):

Mã số thuế:.....

Số điện thoại:.....Fax:.....Email:

Website:.....

Đầu mối liên hệ: Ông/Bà.....Vị trí, chức danhĐiện thoại.....Email:.....

Tên DN :

Người đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ cơ quan:

Giấy phép đăng ký kinh doanh (số, ngày, tháng năm):

Lĩnh vực kinh doanh:

Mã số thuế:.....

Số điện thoại:..... Fax:..... Email:

Website:

Đầu mối liên hệ: Ông/Bà.....Vị trí, chức danhĐiện thoại.....Email:.....

Chúng tôi nhất trí thỏa thuận hợp tác một số nội dung sau:

1. Mục tiêu hợp tác

(ghi cụ thể mục tiêu hợp tác giữa hai bên)

2. Lĩnh vực hợp tác

(Ghi cụ thể về nội dung, thời gian, nguồn lực hợp tác trong các hoạt động sau (làm cơ sở để xây dựng các hợp đồng cụ thể cho từng hoạt động):

- Liên kết, đặt hàng đào tạo các ngành nghề theo các cấp trình độ;
- Tham gia hội đồng trường hoặc hội đồng quản trị;
- Tham gia xây dựng chương trình, giáo trình đào tạo;
- Tham gia tổ chức giảng dạy, hướng dẫn thực tập, đánh giá kết quả học tập của HS-SV tại các CSGDNN;
- Hỗ trợ trang thiết bị cho trường;
- Tài trợ cho nhà trường, HS-SV;
-).

3. Các điều khoản chung

Hai bên đồng ý cung cấp thông tin liên quan về các lĩnh vực trên;

- Thỏa thuận này có giá trị trong ... năm (từ năm đến năm⁽⁹⁾);
- Hai bên sẽ tổ chức các cuộc họp kỹ thuật để thảo luận về kế hoạch hành động, lộ trình và cơ chế hợp tác trong từng hoạt động cụ thể;
- Tùy theo từng hoạt động, các bên có thể thỏa thuận thành các hợp đồng riêng lẻ trên cơ sở của thỏa thuận hợp tác này.
- Hợp tác giữa 2 bên được phát triển trên tinh thần xây dựng, không ngừng đi lên. 2 bên hỗ trợ nhau trong công tác truyền thông liên qua đến hợp tác giữa 2 bên, có thể sử dụng báo cáo về dự án hợp tác này để phục vụ cho mục đích quảng cáo hợp tác của mình.
- Biên bản thỏa thuận/biên bản ghi nhớ hợp tác này được lập thành (bằng chữ) bản bằng tiếng Việt, mỗi Bên giữ ...(bằng chữ) bản. Biên bản thỏa thuận/biên bản ghi nhớ hợp tác có thể được dịch ra ngôn ngữ khác, tuy nhiên nội dung tiếng Việt được sử dụng làm căn cứ thực hiện.
- Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

....., ngày tháng năm

Lãnh đạo DN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

Lãnh đạo CSGDNN

(ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

⁽⁹⁾ Có thể 05 năm hoặc chỉ 01 - 2 năm tùy trao đổi thống nhất giữa 02 bên

Công cụ 6 | KẾ HOẠCH THỰC TẬP GIỮA DN VÀ CSGDNN
KẾ HOẠCH THỰC TẬP GIỮA DN VÀ CSGDNN

I. Thời gian thực tập

II. Nội dung sinh viên đã được đào tạo trước đợt thực tập:

III. Mục tiêu đợt thực tập (Chuẩn đầu ra đợt thực tập)

1. Về kiến thức	
2. Về kỹ năng	
3. Về mức độ tự chủ, trách nhiệm (tự chủ trong công việc, trách nhiệm với bản thân, môi trường, xã hội, ý thức nghề nghiệp, đạo đức, tác phong nghề nghiệp, thái độ phục vụ)	

IV. Trách nhiệm của nhà giáo và DN

	Nội dung	Trách nhiệm của nhà giáo CSGDNN	Trách nhiệm của DN
Các nhiệm vụ trọng tâm người học cần thực hiện trong quá trình thực tập		Liệt kê nội dung một số trách nhiệm hỗ trợ, hướng dẫn của giáo viên đối với HS-SV; trách nhiệm phối hợp với DN trong quá trình tổ chức HSSV thực tập tại DN	Liệt kê một số trách nhiệm của doanh nghiệp trong quá trình HSSV thực tập tại DN.
Theo dõi kết quả thực tập			Xác nhận thông tin và ký vào Sổ nhật ký thực tập cho HS-SV thực tập (Công cụ số 10)
Đánh giá kết quả thực tập của người học			Cán bộ DN được phân công theo dõi HS-SV đánh giá kết quả thực tập (Công cụ số 11)

V. Danh sách HS-SV thực tập

Họ và tên HSSV	Ngày tháng năm sinh	Giới tính	Lớp
1.			
2.			
3.			

Công cụ 7 | THÔNG TIN DÀNH CHO HS-SV TRƯỚC ĐỢT THỰC TẬP

THÔNG TIN DÀNH CHO HS-SV TRƯỚC ĐỢT THỰC TẬP

DN	<Mô tả ngắn gọn về DN như tên, địa chỉ, lĩnh vực hoạt động, quy mô... mà HS-SV chuẩn bị tới thực tập> <Thông tin về người hướng dẫn tại DN>
Công việc thực hiện khi thực tập	<Những đòi hỏi của môi trường làm việc tại công ty, như sinh viên phải nâng vật nặng v.v.,hứng lưu ý gì về môi trường làm việc có thể là thách thức đối với sinh viên, ví dụ: tiếng ồn, bụi, nhiệt, v.v.>
	<Quy định về ATVSLĐ>
	<Văn hóa DN>
Quyền lợi của HS-SV trong khi thực tập	
Nghĩa vụ/ những yêu cầu của DN đối với HS-SV thực tập	<Mô tả ngắn gọn về những yêu cầu của DN đối với HS-SV để HS-SV chú ý trong quá trình thực tập>

Công cụ 8 | MẪU HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

HỢP ĐỒNG LIÊN KẾT ĐÀO TẠO

Giữa (tên CSGDNN) và (tên DN)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Luật GDNN năm 2014;
- Căn cứ Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về liên kết chương trình đào tạo;
- Căn cứ
- Căn cứ nhu cầu thực tiễn của

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm tại, chúng tôi gồm:

BÊN A: (CSGDNN)

Người đại diện: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:

Tài khoản: tại:

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (số, ngày, tháng năm):

Đầu mối liên hệ: Ông/Bà.....Vị trí, chức danhĐiện thoại.....Email:.....

BÊN B : (DN)

Người đại diện: Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:

Tài khoản: tại:

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (số, ngày, tháng năm):

Đầu mối liên hệ: Ông/Bà.....Vị trí, chức danhĐiện thoại.....Email:.....

Sau khi bàn bạc, thảo luận hai bên đồng ý ký hợp đồng với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung hoạt động liên kết đào tạo

1. Liên kết đào tạo ngành nghề:
- Trình độ đào tạo:
- Thời gian đào tạo:
- Quy mô đào tạo:
- Hình thức đào tạo:.....
2. Chương trình đào tạo:
- (có chương trình đào tạo kèm theo)
3. Kế hoạch và tiến độ đào tạo:
 - Địa điểm và thời gian đào tạo tại DN:
 - Địa điểm và thời gian đào tạo tại CSGDNN:
 - (có kế hoạch, tiến độ đào tạo chi tiết kèm theo)
4. Nhà giáo và người hướng dẫn thực hành tại DN
 - Danh sách: (liệt kê nếu cố định được và số lượng ít, nếu không có thể để ngoài hợp đồng)
 - Yêu cầu, điều kiện (nếu có):
5. Phụ cấp hoặc tiền lương cho nhà giáo, HS-SV nếu làm ra sản phẩm đạt quy cách trong quá trình thực hành, thực tập tại DN:
-
6. Phụ cấp hoặc tiền lương của CSGDNN trả cho người hướng dẫn của DN (nếu có):
-

Điều 2: Điều 2: Giá trị hợp đồng và phương thức thanh toán (nếu có)

1. Giá trị hợp đồng:
2. Phương thức thanh toán:

Điều 3: Quyền và trách nhiệm của các bên**3.1. Quyền và trách nhiệm của (CSGDNN)**

(CSGDNN) là đơn vị chủ trì hoạt động liên kết đào tạo trong Hợp đồng này, có quyền và trách nhiệm cụ thể trong các hoạt động sau:

- a) Thực hiện đăng ký hoạt động GDNN đối với ngành nghề: theo quy định của pháp luật;
- b) Chủ trì trong công tác tuyển sinh bảo đảm quy mô:
- c) Chủ trì, phối hợp với DN trong việc xây dựng các chương trình đào tạo ngành nghề:; kế hoạch, tiến độ đào tạo; giáo trình, tài liệu hướng dẫn. Nội dung chương trình đào tạo phải đáp ứng chuẩn đầu ra theo quy định và yêu cầu sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của DN;
- d) Chủ trì tổ chức, giảng dạy lý thuyết và hướng dẫn thực hành cơ bản cho HS-SV trong quá trình đào tạo tại CSGDNN theo kế hoạch, tiến độ do hai bên thống nhất;

- đ) Bố trí nhà giáo tham gia giảng dạy, hướng dẫn, quản lý HS-SV trong quá trình thực hành, thực tập tại DN (có kế hoạch nhà giáo và người hướng dẫn DN kèm theo Hợp đồng này);
- e) Nhà giáo và HS-SV của CSGDNN chấp hành nghiêm túc các nội quy của DN trong quá trình tham quan, thực tập, đào tạo tại DN;
- g) Trả tiền lương hoặc phụ cấp cho người hướng dẫn của DN (do hai bên thỏa thuận nếu có):
- h) Chủ trì, phối hợp với DN trong đánh giá kết thúc khóa học hoặc kết thúc mô đun, tín chỉ;
- i) Cấp văn bằng, chứng chỉ cho HS-SV theo quy định;
- k) Thực hiện chế độ bảo hiểm y tế, chế độ học bổng cho HS-SV theo quy định của pháp luật;
- l) Ghi đầy đủ các hoạt động thực hành, thực tập của HS-SV vào Sổ theo dõi đào tạo tại DN theo quy định;
- m) Các nội dung khác:

3.2. Quyền và trách nhiệm của (DN)

(DN) là đơn vị phối hợp liên kết đào tạo trong Hợp đồng này có quyền và trách nhiệm cụ thể như sau:

- a) Phối hợp với CSGDNN trong việc tuyển sinh, xây dựng các chương trình đào tạo, kế hoạch đào tạo, giáo trình, tài liệu hướng dẫn đào tạo ngành nghề:
(có kế hoạch phối hợp kèm theo);
- b) Chủ trì tổ chức hướng dẫn HS-SV thực hành, thực tập tại DN theo tiến độ, kế hoạch hai bên đã thống nhất;
- c) Phân công người hướng dẫn của DN tham gia giảng dạy, hướng dẫn HS-SV tại DN theo kế hoạch nhà giáo và người hướng dẫn tại DN do hai bên đã thống nhất;
- d) Phối hợp với CSGDNN trong đánh giá kết thúc khóa học hoặc đánh giá kết thúc mô đun, tín chỉ tại DN theo tiến độ, kế hoạch đào tạo hai bên đã thống nhất;
- đ) Trả tiền lương hoặc phụ cấp cho nhà giáo, HS-SV nếu làm ra sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đạt quy cách trong quá trình thực hành, thực tập tại DN, cụ thể (quy định cụ thể về mức lương; quy cách cần đạt, thời gian thực hiện v.v....):
- e) Thực hiện chế độ bảo hiểm lao động cho nhà giáo, HS-SV trong quá trình học tập, thực hành, thực tập tại DN theo quy định của pháp luật (ghi cụ thể):
- g) Các hỗ trợ khác cho CSGDNN, nhà giáo và HS-SV gồm:
- h) Các nội dung khác (nếu có)
 - Tiếp nhận HS-SV sau tốt nghiệp (nếu DN có nhu cầu);

- Cấp chứng chỉ thực hành/chứng nhận hoàn thành thực tập cho HS-SV tại DN;

.....

Điều 4: Điều khoản chung, hiệu lực Hợp đồng

- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ nghiêm túc các điều khoản trong Hợp đồng, nếu có vướng mắc thì hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc để giải quyết bằng đàm phán trên tinh thần hợp tác đảm bảo quyền lợi của hai bên. Nếu không tự giải quyết được thì một trong hai bên có quyền đưa vụ việc ra Tòa Kinh tế – Tòa án để giải quyết.

- Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký và hết hiệu lực khi thanh lý hợp đồng. Hợp đồng được làm thành bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ bản, Bên B giữ bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

Công cụ 9 | HỢP ĐỒNG ĐÀO TẠO NGHỀ

HỢP ĐỒNG ĐÀO TẠO NGHỀ

Giữa (tên DN phối hợp liên kết đào tạo) và (tên người học)

- Căn cứ Bộ Luật Dân sự năm 2015;
- Căn cứ Bộ Luật Lao động năm 2019;
- Căn cứ Luật GDNN năm 2014;
- Căn cứ Thông tư số 29/2017/TT-BLĐTBXH ngày 15/12/2017 của Bộ trưởng Bộ LĐTBXH quy định về liên kết chương trình đào tạo;
- Căn cứ hợp đồng liên kết đào tạo số giữa (DN) và (cơ sở GDNN) ký ngày ... tháng năm
- Căn cứ nhu cầu thực tiễn của

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm tại, chúng tôi gồm:

BÊN A: (DN)

Người đại diện theo pháp luật:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:

Tài khoản: tại:

Mã số thuế:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động GDNN (số, ngày, tháng năm):

BÊN B : (Người học)

Ngày sinh:

Căn cước công dân (CMTND) số:

Địa chỉ:

Điện thoại:..... Email:

Tên cơ sở GDNN: Lớp:

Sau khi bàn bạc, thảo luận hai bên đồng ý ký hợp đồng với những điều khoản sau:

Điều 1: Nội dung học nghề tại DN

1.1 Thông tin chung về chương trình đào tạo

1.2 Mô tả nhiệm vụ học tập và công việc (có thể quy định thành phụ lục hoặc mô tả trực tiếp)

1.3. Thời gian và địa điểm đào tạo:

a) Thời gian đào tạo DN:

Các kỳ học nghề tại DN trong cả chương trình liên kết đào tạo:

Kỳ 1: từ.....đến.....

Kỳ 2: từ.....đến.....

Kỳ 3: từ.....đến.....

Số giờ làm việc trong ngày/tuần tại DN

Thời gian làm việc trong ngày bắt đầu từ ... đến... . Thời gian nghỉ giữa giờ từ ..đến

b) Địa điểm học nghề:

Việc học nghề được tiến hành tại nhà máy (cơ sở...) của DN.

Địa chỉ:.....

Điều 2: Tiền lương và phụ cấp (nếu có)

2.1 Tiền lương

Người học được DN trả lương dựa trên sản phẩm (hoặc dịch vụ) được hoàn thành theo quy định của DN.

Số tiền:/.....làm việc:

Phương thức thanh toán:

Thời gian thanh toán:

2.2 Phụ cấp

Người học được DN trả phụ cấp thời gian học nghề tại DN (nếu có)

Số tiền:/.....làm việc:

Phương thức thanh toán:

Thời gian thanh toán:

Điều 3: Chi phí đào tạo

Chi phí đào tạo cho người học do DN chi trả bao gồm:

a) Chi phí DN trả cho cơ sở GDNN theo hợp đồng liên kết đào tạo số...giữa (DN và (cơ sở GDNN ký ngày ...tháng ... năm) chia cho số người học;

b) Chi phí tiền lương tiền công cho người đào tạo tại DN tham gia đào tạo người học chia cho số người học;

c) Chi phí vật tư tiêu hao cho việc học nghề tại DN của người học;

d) Chi phí trang thiết bị bảo hộ lao động tại DN cho người học;

e) Chi phí bảo hiểm tai nạn lao động và các bảo hiểm khác doanh nghiệp chi trả cho người học

Điều 4: Quyền lợi và nghĩa vụ của người học

3.1. Quyền lợi

- a) Được doanh nghiệp hướng dẫn học nghề tại DN theo quy định tại điều 1 của hợp đồng này
- b) Được DN trả tiền lương và phụ cấp (nếu có) theo quy định tại điều 2 của hợp đồng này;
- c) Được DN hướng dẫn nội quy DN, quy định về an toàn lao động và được cung cấp trang bị phương tiện bảo hộ lao động;
- d) Được DN đóng bảo hiểm tai nạn lao động trong quá trình học nghề tại DN theo quy định của pháp luật.

3.2 Nghĩa vụ

- a) Thực hiện các công việc do DN giao theo theo nội dung đã thống nhất tại Điều 1;
- b) Tuân thủ các hướng dẫn của DN, người hướng dẫn và những cá nhân khác được quyền đưa ra các hướng dẫn đối với người học về nội quy, an toàn lao động, nguyên tắc vận hành và quy trình làm việc;
- c) Tham dự đầy đủ các buổi học tại cơ sở GDNN hay các hoạt động khác do cơ sở GDNN tổ chức theo chương trình đã thống nhất giữa cơ sở GDNN và DN
- d) Sử dụng công cụ, máy móc và thiết bị khác tại DN một cách cẩn thận và chỉ sử dụng cho các công việc DN giao
- e) Không tiết lộ bất kỳ bí mật kinh doanh của DN
- f) Ghi chép, cập nhật thông tin và sổ nhật ký thực tập tại DN
- g) Thông báo ngay cho DN và đưa ra lý do trong trường hợp vắng mặt tại nơi đào tạo, trong trường hợp vắng mặt hơn 3 ngày làm việc do bị ốm thì cần nộp giấy xác nhận ý tế là người học không thể làm việc và thời gian dự kiến không thể làm việc. Nếu sau thời gian dự kiến không thể làm việc cơ quan y tế xác nhận mà người học vẫn không thể làm việc, người học cần nộp cho DN giấy xác nhận y tế mới;
- a) Cam kết ký hợp đồng lao động và làm việc cho DN trong thời hạn tối thiểu là..... sau khi tốt nghiệp. Nếu người học đơn phương chấm dứt hợp đồng học nghề hoặc từ chối thực hiện toàn bộ hoặc một phần cam kết làm việc cho DN thì phải bồi thường toàn bộ hoặc một phần chi phí đào tạo quy định tại điều 3 của Hợp đồng này.

Điều 5: Quyền lợi và nghĩa vụ của doanh nghiệp

- a) Tổ chức hướng dẫn người học thực hành, thực tập tại doanh nghiệp theo nội dung đã thống nhất tại Điều 1;
- b) Tổ chức hướng dẫn người học nội quy, quy chế và các quy định về an toàn lao động của DN;
- c) Phân công người hướng dẫn của DN tham gia giảng dạy, hướng dẫn người học tại DN cũng như tham gia đánh giá người học;

- d) Cung cấp miễn phí cho người học nội quy đào tạo tại DN trước khi đào tạo;
- e) Cung cấp miễn phí cho người học tài liệu, công cụ, nguyên nhiên vật liệu, trang phục làm việc, trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết phục vụ việc đào tạo đạt kết quả học tập thống nhất;
- f) Chỉ giao cho người học thực hiện các nhiệm vụ công việc nhằm đạt kết quả đào tạo đã thống nhất và có tính đến thể trạng của người học;
- g) Thực hiện chế độ bảo hiểm lao động cho nhà giáo, người học trong quá trình học tập, thực hành, thực tập tại DN theo quy định của pháp luật (ghi cụ thể);
- h) Cấp chứng chỉ thực hành cho người học tại DN;
- i) Được ưu tiên ký hợp đồng lao động với người học sau tốt nghiệp⁽¹⁰⁾.

Điều 6: Chấm dứt hợp đồng

6.1 Người học được chấm dứt Hợp đồng học nghề mà không phải bồi thường chi phí đào tạo trong những trường hợp sau (có đầy đủ giấy tờ hợp lệ):

- a) Đi nghĩa vụ quân sự;
- b) Không đủ sức khỏe để tiếp tục học nghề

6.2 DN được chấm dứt Hợp đồng học nghề trong những trường hợp sau:

- a) Người học vi phạm kỷ luật, nội quy an toàn lao động của DN hoặc pháp luật của nhà nước;
- b) DN không còn khả năng cung cấp đào tạo

Trong trường hợp hợp đồng chấm dứt theo điểm a, khoản 2 điều 6, người học có nghĩa vụ phải bồi thường một phần hoặc toàn bộ chi phí đào tạo cho DN

Điều 7: Giải quyết tranh chấp

Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ nghiêm túc các điều khoản trong Hợp đồng, nếu có vướng mắc thì hai bên sẽ cùng nhau bàn bạc để giải quyết bằng đàm phán trên tinh thần hợp tác đảm bảo quyền lợi của hai bên. Nếu không tự giải quyết được thì một trong hai bên có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện ra cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp theo quy định của pháp luật.

Điều 8: Hiệu lực của Hợp đồng

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày ký đến ngày ... tháng ... năm. Hợp đồng được làm thành bản có giá trị pháp lý như nhau, Bên A giữ bản, Bên B giữ bản./.

ĐẠI DIỆN BÊN B

ĐẠI DIỆN BÊN A

Lưu ý: Tùy vào điều kiện, yêu cầu thực tế và thỏa thuận thống nhất giữa các bên, hợp đồng có thể bổ sung thêm các bên liên quan như CSGDNN và/hoặc Phụ huynh/Người có trách nhiệm giám hộ người học

⁽¹⁰⁾ 2 Bên có thể nghiên cứu quy định quyền lợi cao hơn với DN như: "Kết thúc khóa học DN sẽ ưu tiên ký hợp đồng lao động với học viên ưu tú từ 1 năm trở lên".

Công cụ 10 | **SỔ NHẬT KÝ THỰC TẬP¹¹**
SỔ NHẬT KÝ THỰC TẬP

1. Tên HS-SV:
2. Thời gian thực tập: Tuần từ thứ, từ ngàyđến ngày.....
3. Ngày tham gia thực tập và nội dung thực tập: (đánh đánh X vào ô phù hợp)

	Có mặt	Vắng mặt	Ghi chú (lý do nghỉ....)	Nội dung thực tập chính
Thứ 2				
Thứ 3				
Thứ 4				
Thứ 5				
Thứ 6				
Thứ 7				
Chủ nhật				
Tổng số				

4. Tổng kết những gì bạn đã học trong tuần vừa qua

Ghi chú (ghi những nội dung về lý do nghỉ....)

Những thắc mắc liên quan đến bài học hoặc bất kỳ vấn đề khác?

Ý tưởng để cải tiến các công việc tại DN?

Chữ ký của sinh viên

Chữ ký của người dạy tại DN

¹¹ HS-SV tự điền và gửi người dạy tại DN xác nhận

Công cụ 11 | **PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC TẬP**
PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ THỰC TẬP

I. Họ và tên HS-SV:

II. Thời gian thực tập:

III. Họ và tên người dạy tại DN:

STT	Mục tiêu đợt thực tập/Chuẩn đầu ra đợt thực tập	Kết quả đánh giá				
		1	2	3	4	5
	Kiến thức					
	(liệt kê các mục tiêu tại công cụ 6)					
	Kỹ năng					
	(liệt kê các mục tiêu tại công cụ 6)					
	Mức độ tự chủ, trách nhiệm/Thái độ					
	(liệt kê các mục tiêu tại công cụ 6)					

Thang đánh giá đối với kiến thức và Mức độ tự chủ, trách nhiệm/Thái độ

1: Kém, 2: Trung bình; 3: Khá; 4: Tốt; 5: Xuất sắc

Thang đánh giá đối với kỹ năng:

Thang đánh giá đối với kỹ năng	
1	Sinh viên thực tập chưa thực hiện được nhiệm vụ
2	Sinh viên thực tập có thể thực hiện nhiệm vụ có sự giám sát
3	Sinh viên thực tập có thể phối hợp với những người khác tham gia triển khai nhiệm vụ
4	Sinh viên thực tập có thể tự triển khai nhiệm vụ với kết quả thỏa đáng
5	Sinh viên thực tập hoàn toàn quen với việc lập kế hoạch và triển khai nhiệm vụ một cách độc lập

Đánh giá của người dạy tại DN (được phân công theo dõi trực tiếp):

--

Chữ ký của người dạy tại DN

Xác nhận của DN

Công cụ 12 | MẪU THỎA THUẬN BỐN BÊN VỀ HỖ TRỢ ĐÀO TẠO VÀ TUYỂN DỤNG NGƯỜI HỌC SAU TỐT NGHIỆP

THỎA THUẬN BỐN BÊN

Về việc hỗ trợ đào tạo và tuyển dụng người học sau tốt nghiệp

Căn cứ

Hôm nay, ngày.....tháng.....năm tại, chúng tôi gồm:

BÊN A: (Bên doanh nghiệp hỗ trợ)

Người đại diện:

Chức vụ:

Địa chỉ:

Điện thoại:.....

Mã số thuế:

Tài khoản: tại:

BÊN B : (Bên nhận hỗ trợ)

Ngày tháng năm sinh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Căn cước công dân (CMTND) số:

Chỗ ở hiện nay:

Số điện thoại:.....

BÊN C : (Bên bảo lãnh - Gia đình người học)

Họ và tên Ông:

Ngày tháng năm sinh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:

Căn cước công dân (CMTND) số:

Chỗ ở hiện nay:

Số điện thoại:.....

Họ và tên Bà:

Ngày tháng năm sinh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú:
Căn cước công dân (CMTND) số:
Chỗ ở hiện nay:
Số điện thoại:.....

BÊN D: (Nhà trường)

Người đại diện:
Chức vụ:
Địa chỉ:
Điện thoại:.....
Mã số thuế:
Tài khoản: tại:

Sau khi bàn bạc, các bên cùng nhau thống nhất ký kết, thực hiện đúng Thỏa thuận bốn bên về việc hỗ trợ người học và tuyển dụng người học sau tốt nghiệp, nội dung cụ thể như sau:

ĐIỀU 1: NỘI DUNG THỎA THUẬN

Hai Bên cùng ký kết Thỏa thuận về việc hợp tác hỗ trợ sinh viên của Bên B trong quá trình đào tạo và sau khi ra trường với các nội dung hợp tác như sau:

1.1 Bên A đồng ý cấp và Bên B đồng ý nhận học bổng/hỗ trợ Nội dung chi tiết quy định tại Điều 2 của Thỏa thuận bốn bên này.

1.2 Bên C và Bên D đồng ý giám sát việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của Bên A, Bên B theo Thỏa thuận 4 bên này với tư cách sau: Bên C là người bảo lãnh của Bên B và Bên D là người có quyền và nghĩa vụ liên quan. Bên C, Bên D đồng ý thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình với tư cách của Bên bảo lãnh và Người có quyền và nghĩa vụ liên quan theo Thỏa thuận bốn bên này.

1.3 Thời hạn thực hiện thỏa thuận bốn bên: Thỏa thuận bốn bên có hiệu lực kể từ ngày ký đến khi Bên B thực hiện xong thời hạn Bên B cam kết làm việc cho Bên A quy định tại Thỏa thuận này và/hoặc Hợp đồng lao động ký kết giữa Bên A và Bên B (gọi tắt là “thời hạn”);

ĐIỀU 2. CHƯƠNG TRÌNH HỖ TRỢ/HỌC BỔNG/CHI PHÍ

2.1 Tên chương trình: (ghi cụ thể loại hỗ trợ)

– Thời gian và kinh phí hỗ trợ:

+ Năm 1:

+ Năm 2:

+ Năm 3:

Kinh phí này không bao gồm các khoản phí khác ngoài các khoản phí quy định chi tiết tại chương trình hỗ trợ tại Phụ lục số 01 kèm theo thỏa thuận Bốn bên và không chuyển đổi thành tiền mặt.

2.2 Chương trình hỗ trợ này là một phần thống nhất của Thỏa thuận Bốn bên này; Chương trình hỗ trợ này có thể được thay đổi theo chính sách do Bên A quy định tại từng thời kỳ và Bên A sẽ gửi thông báo tới Bên D trước 15 ngày trước khi áp dụng chính sách mới.

2.3 Điều kiện được nhận hỗ trợ

- Bên B chỉ được nhận kinh phí hỗ trợ/học bổng khi không bị nợ môn. Nếu Bên B bị nợ môn thì Bên A sẽ cắt hỗ trợ của giai đoạn sau, nếu giai đoạn tiếp theo sinh viên trả nợ được môn học và không bị nợ môn khác thì được nhận của giai đoạn tiếp theo sau:

- Số tiền hỗ trợ hàng tháng bên A cấp cho sinh viên được ghi rõ trong phụ lục Thỏa thuận, và bên A chi trả đúng mức quy định với điều kiện sinh viên tham gia đủ số buổi thực tập. Trường hợp sinh viên tham gia thực tập không đủ số buổi quy định thì chỉ được nhận hỗ trợ tương ứng với số buổi thực tập. Sinh viên tham gia thực tập đạt từ 1/3 trở xuống số buổi theo quy định sẽ không được nhận hỗ trợ của tháng đó.

2.4 Bên A cấp hỗ trợ cho Bên B: Theo Phụ lục số 01 đính kèm Thỏa thuận này.

Trường hợp nhà trường tăng học phí: Trong trường hợp sau khi ký thỏa thuận này mà Bên D tăng học phí, tăng các khoản đóng góp, phát sinh khoản đóng góp mới của Bên B thì không làm thay đổi nghĩa vụ của Bên A, trong trường hợp này Bên B phải tự trang trải các khoản phát sinh, vượt trội.

ĐIỀU 3. QUYỀN LỢI VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN B

Theo quy định tại thỏa thuận này, Bên B có các quyền và trách nhiệm cụ thể như sau:

3.1. Có trách nhiệm tự trang bị giáo trình, tài liệu phục vụ cho việc học tập;

3.2. Phải tuân thủ quy định của Nhà trường về các nội quy, quy định của người học theo quy định của Nhà trường và các quy định khác quy định tại Thỏa thuận này;

3.3. Bên B phải hoàn thành nghĩa vụ học tập đúng thời hạn, không bị nợ môn;

3.4. Nhận hỗ trợ: Bên B được cấp hỗ trợ theo Chương trình hỗ trợ theo các điều kiện ghi trong Thỏa thuận bốn bên này

3.5. Thực tập: trong thời gian thực tập, Bên B được nhà trường sắp xếp thực tập tại doanh nghiệp của Bên A và trong thời gian này Bên B có trách nhiệm tuân thủ đầy đủ nội quy làm việc và nội quy Công ty của bên A;

3.6. Bên B phải có bằng tốt nghiệp đúng thời gian quy định của Bên D;

3.7. Nếu Bên B vi phạm kỷ luật ở mức kỷ luật cấp trường sẽ bị xem xét cắt hoặc giảm hỗ trợ không tùy theo mức độ vi phạm;

3.8. Nếu Bên B vi phạm quy định tại Thỏa Thuận này sẽ phải bồi hoàn cho Bên A toàn bộ các chi phí đào tạo học phí hỗ trợ tương ứng mà Bên A đã cấp cho Bên B theo Chương trình hỗ trợ;

3.9. Có trách nhiệm thông báo cho Bên A và Bên D kịp thời về việc thay đổi về thông tin liên lạc, chỗ ở hoặc địa chỉ thường trú của Bên B;

3.10. Tuyển dụng: Bên B được Bên A tuyển thẳng vào làm việc sau khi Bên B kết thúc thi tốt nghiệp và Bên B sẽ được ký Hợp đồng lao động và được hưởng mọi chính sách lao động chung theo quy định của Bên A. Trong trường hợp Bên A và Bên B ký hợp đồng lao động trước khi Bên B thi tốt nghiệp thì các bên thỏa thuận các nội dung liên quan và ký Phụ lục để ghi nhận;

3.11. Bên B cam kết trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc thi tốt nghiệp thì Bên B sẽ ký Hợp đồng Lao Động và làm việc tại cơ sở của Bên A với thời hạn 2 năm, Bên B tuyệt đối tuân thủ sự phân công công tác của Ban lãnh đạo Bên A và có nghĩa vụ làm việc cho Bên A trong thời hạn 02 năm. Trong mọi trường hợp, nếu Bên B đơn phương chấm dứt Hợp đồng Lao động nêu tại Điều này thì Bên B phải hoàn trả cho Bên A 100% số tiền hỗ trợ (Số tiền:)

3.12 Bên B tự nguyện gửi Bên A giữ Bằng tốt nghiệp (bản gốc) trong thời gian hạn 02 năm kể từ ngày kết thúc thi tốt nghiệp. Nếu Bên B chấm dứt Thỏa thuận và hoặc Hợp đồng lao động trước thời hạn, Bên B phải hoàn trả cho Bên A 100% số tiền hỗ trợ;

3.13. Nếu Bên B thực hiện nghĩa vụ quân sự theo quy định pháp luật thì Bên B sẽ được tạm dừng thực hiện nghĩa vụ tại Thỏa thuận. Sau khi Bên B xuất ngũ, thì ngay lập tức Bên B thông báo với Ban lãnh đạo Bên A (để Bên A sắp xếp công việc cho Bên B) và Bên B phải đi làm tại cơ sở của Bên A theo đúng cam kết tại thỏa thuận này,

3.14. Các nghĩa vụ và trách nhiệm khác theo quy định pháp luật hiện hành.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN A

Theo quy định tại thỏa thuận này, Bên A có các quyền và trách nhiệm cụ thể như sau:

4.1 Cấp hỗ trợ: Bên A có trách nhiệm cấp hỗ trợ cho Bên B như quy định tại Thỏa thuận này;

4.2 Thực tập: Bên A và Bên D có trách nhiệm sắp xếp lịch thực tập và hướng dẫn công việc cho Bên B trong thời gian Bên B thực tập tại Bên A, Bên A có quyền thụ hưởng mọi kết quả bên B làm ra trong quá trình Bên B thực tập tại bên A;

4.3. Tuyển dụng: Sau khi Bên B thi tốt nghiệp thì A có trách nhiệm tuyển dụng bên B vào làm việc tại một trong các địa điểm sản xuất/kinh doanh/dịch vụ của Bên A và dành cho bên B mọi chính sách tương tự như người lao động của Bên A, Bên A tạo điều kiện cho Bên B vừa học vừa làm để nâng cao trình độ kỹ năng nghề nghiệp theo quy định của Bên A;

4.4. Phối hợp với Bên C, Bên D giám sát quá trình theo học tại trường của Bên B;

4.5. Trong mọi trường hợp, nghĩa vụ của Bên A không vượt quá giá trị khoản hỗ trợ được quy định tại Điều 2 Thỏa thuận này;

4.6. Được quyền gửi thông báo nhắc về trách nhiệm đã cam kết tới Bên B và Người bảo lãnh, gửi thông tin tại địa phương và cơ quan công tác; thông tin qua các phương tiện thông tin đại chúng nếu Bên B và Người bảo lãnh vi phạm Thỏa thuận này;

4.7. Có quyền yêu cầu Bên B làm việc cho Bên A trong thời hạn 02 năm kể từ ngày kết thúc thi tốt nghiệp; Yêu cầu Bên B thực hiện nghĩa vụ hoàn trả cho Bên A 100% số tiền hỗ trợ đã

nhận và chấm dứt Thỏa thuận trong các trường hợp sau:

- a) Bên B không hoàn thành chương trình học theo đúng tiến độ quy định của trường học;
- b) Bên B vi phạm kỷ luật ở Trường đến mức tạm đình chỉ, đình chỉ, buộc thôi học,
- c) Bên B vi phạm pháp luật dẫn đến chịu trách nhiệm hình sự;
- d) Bên B vi phạm kỷ luật lao động trong thời gian thực tập tại bên A hoặc trong quá trình làm việc;
- đ) Bên B vi phạm kỷ luật lao động dẫn đến bị kỷ luật ở hình thức sa thải;
- e) Bên B không làm việc đủ thời gian cho bên A theo cam kết;
- f) Các trường hợp khác theo quy định pháp luật.

4.8. Bên A có quyền thay đổi người đại diện pháp luật và/hoặc Ban lãnh đạo mà không cần thông báo cho các bên B, C, D,

4.9 Trong trường hợp Bên D tăng học phí, tăng các khoản đóng góp, phát sinh khoản đóng góp mới của Bên B thì không làm thay đổi nghĩa vụ của Bên A, trong trường hợp này Bên B phải tự trang trải các khoản phát sinh, vượt trội này.

4.10 Nếu Bên B và Bên C không thực hiện nghĩa vụ hoàn trả theo yêu cầu của Bên A thì Bên A có toàn quyền thực hiện các biện pháp theo quy định của Thỏa thuận này hoặc quy định của pháp luật để buộc Bên B hoặc Bên C hoàn trả

4.11. Bên A không được đơn phương chấm dứt Thỏa thuận trước thời hạn theo quy định của Thỏa thuận này, ngoại trừ các quy định tại Điều 4.8 Thỏa thuận này.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN C

Theo quy định tại thỏa thuận này, Bên C có các quyền và trách nhiệm cụ thể như sau:

5.1. Là người bảo lãnh, Bên C có quyền yêu cầu Bên A, Bên B thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tại Thỏa thuận này,

5.2 Có quyền đề nghị Bên D thông báo về kết quả học tập, thực tập của Bên B;

5.3. Có quyền đề nghị Bên A, Bên D thông báo về tình trạng thực hiện quyền và nghĩa vụ của Bên B theo Thỏa thuận này,

5.4. Có quyền yêu cầu Bên A thực hiện nghĩa vụ cấp hỗ trợ cho Bên B để thanh toán học phí cho Bên B theo Thỏa thuận này với điều kiện Bên B không bị nợ môn trọng khi học, không bị kỷ luật;

5.5 Chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc hoàn trả thay cho Bên B số tiền hỗ trợ đã được nhận từ Bên A trong trường hợp:

- a) Bên B không có khả năng hoàn lại số tiền hỗ trợ đã được tài trợ do vi phạm cam kết không hoàn thành chương trình học tập theo thời hạn do Bên D quy định;
- b) Bên B không có khả năng hoàn lại số tiền hỗ trợ đã được tài trợ do vi phạm cam kết không làm việc đủ thời gian cho Bên A theo Thỏa thuận này;
- c) Bên B không có khả năng hoàn lại số tiền hỗ trợ đã được tài trợ do vi phạm pháp luật

hoặc vi phạm kỷ luật lao động dẫn đến bị kỷ luật ở hình thức sa thải;

d) Bên B vi phạm kỷ luật ở Trường dẫn đến mức tạm đình chỉ, đình chỉ, buộc thôi học;

5.6. Bên C không được hủy bỏ hoặc đơn phương chấm dứt thỏa thuận trước thời hạn nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

ĐIỀU 6. QUYỀN VÀ TRÁCH NHIỆM CỦA BÊN D

Theo quy định tại thỏa thuận này, Bên D có các quyền và trách nhiệm cụ thể như sau:

6.1. Có quyền tổ chức đào tạo theo kế hoạch, chương trình đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt;

6.2. Có quyền gửi Thông báo bằng văn bản yêu cầu Bên A, Bên B thực hiện quyền và nghĩa vụ theo Thỏa thuận này;

6.3 Có trách nhiệm gửi cho Bên A các hóa đơn, biên lai thu các khoản tiền mà Bên A thanh toán cho Bên B theo Thỏa thuận ngày; có trách nhiệm thông báo kết quả học tập của Bên B cho Bên A kỳ 6 tháng/lần;

6.4. Có trách nhiệm thông báo cho Bên A, Bên C biết ngay khi Bên B có bất kỳ vi phạm nội quy nhà trường hoặc vi phạm pháp luật mà Bên D nắm được trong quá trình quản lý sinh viên của mình;

6.5 Có nghĩa vụ bồi thường cho Bên A trong trường hợp không thông báo về việc vi phạm nội quy nhà trường hoặc vi phạm pháp luật của Bên B mà Bên D nắm được trong quá trình quản lý Bên B của mình mà gây thiệt hại cho Bên A;

6.6. Bên D được đơn phương chấm dứt Thỏa thuận này trước thời hạn nếu được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A;

6.7. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

ĐIỀU 7. CAM KẾT CỦA BÊN B VÀ BÊN C

Bên B, Bên C đã hiểu rõ các trách nhiệm của mình khi được nhận hỗ trợ từ Bên A và cam kết:

7.1. Bên B, Bên C nghiêm túc tuân thủ các quy định của Thỏa thuận này và các văn bản, tài liệu kèm theo Thỏa thuận này;

7.2. Bên B nghiêm túc tuân thủ các quy định của Bên D trong suốt qui trình học và cam kết sẽ đạt được kết quả cao trong học tập tại trường.

7.3. Bên B nghiêm túc tuân thủ các quy định của Bên A trong suốt quá trình làm việc. Nếu Bên B đơn phương chấm dứt Thỏa Thuận này hoặc Hợp đồng lao động trước thời hạn thì Bên B vẫn sẽ phải hoàn trả khoản 100% giá trị khoản hỗ trợ đã nhận trước khi Hai Bên ký kết biên bản thanh lý hợp đồng lao động đó. Bên B cam kết làm việc tại cơ sở của Bên A trong thời hạn 2 năm liên tục) tính kể từ ngày các Bên ký kết Hợp đồng Lao Động.

7.4. Bên B không đơn phương hủy bỏ chấm dứt Thỏa Thuận này khi chưa có sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

7.5. Khi Bên A hoặc Bên D có yêu cầu, Bên C có trách nhiệm gửi văn bản cho Bên A thông báo về sức khỏe và địa chỉ cư trú của Bên B,

ĐIỀU 8. VI PHẠM THỎA THUẬN VÀ MỨC XỬ LÝ

8.1. Xử lý vi phạm thỏa thuận

Bên B và Bên C phải hoàn trả cho bên A 100% số tiền hỗ trợ trong các trường hợp sau:

- Bên B không hoàn thành chương trình học theo đúng tiến độ của Bên D;
- Bên B vi phạm kỷ luật ở trường đến mức tạm đình chỉ; đình chỉ, buộc thôi học;
- Bên B vi phạm pháp luật ở mức hình sự;
- Bên B không làm việc đủ thời gian cho Bên A (02 năm tính ngày kết thúc thi tốt nghiệp);
- Bên B đơn phương chấm dứt thỏa thuận này trước thời hạn mà không có lý do;
- Sau khi tốt nghiệp Bên B không đi làm việc cho Bên A;
- Bên B đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không có lý do chính đáng;

ĐIỀU 9. CÁC TRƯỜNG HỢP CHẤM DỨT THỎA THUẬN

9.1. Thỏa thuận hết thời gian thực hiện;

9.2. Các bên thỏa thuận chấm dứt trước thời hạn Thỏa thuận này;

9.3. Một trong các bên vi phạm Thỏa thuận dẫn đến chấm dứt Thỏa thuận trước thời hạn.

9.4. Thỏa thuận chấm dứt do các trường hợp bất khả kháng: Trong trường hợp này Bên A có toàn quyền lựa chọn hoặc tạm dừng Thỏa thuận hoặc chấm dứt trước thời hạn, trong trường hợp chấm dứt trước thời hạn thì các bên cùng nhau thảo luận và thống nhất phương án thanh lý Thỏa thuận trên cơ sở đảm bảo quyền lợi của các Bên;

ĐIỀU 10. CÁC THỎA THUẬN CHUNG

10.1 Thỏa thuận này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.

10.2 Các Bên đã hiểu rõ quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp và hậu quả pháp lý của việc ký kết Thỏa thuận này,

10.3 Các Bên cam kết không đơn phương chấm dứt Thỏa thuận này trước thời hạn, trừ trường hợp chấm dứt trước thời hạn do việc vi phạm quyền và nghĩa vụ của một bên hoặc theo quy định tại Điều 9 Thỏa thuận này;

10.4 Thông tin liên hệ:

Mọi thông báo và thư từ giao dịch giữa các Bên được gửi theo địa chỉ tiêu trong phần đầu của Thỏa thuận này (trừ trường hợp đã có thông báo thay đổi địa chỉ khác bằng văn bản) và được lập thành văn bản và có chữ ký của người có thẩm quyền. Nếu được chuyển bằng bưu điện thì ngày gửi đi được coi là ngày theo dấu xác nhận của bưu điện cơ sở nơi chuyển; Bên nhận coi như đã nhận được nếu được chuyển tới địa chỉ nơi nhận trong thời gian từ

8h00 đến 17h00 trong những ngày làm việc Nếu chuyển trực tiếp thì việc nhận coi như được thực hiện khi ký nhận với bộ phận hành chính văn thư và/hoặc đại diện của tên nhận.

10.5. Sửa đổi, bổ sung Thỏa thuận:

Việc sửa đổi, bổ sung các điều khoản của Thỏa thuận này phải được tất cả các bên thoả thuận bằng văn bản (Phụ lục bổ sung, sửa đổi Thỏa thuận) do đại diện có thẩm quyền của các bên ký và đóng dấu (nếu có), những sửa đổi, bổ sung đó có hiệu lực thay thế, bổ sung điều khoản tương ứng trong Thỏa thuận.

10.6. Giải quyết tranh chấp: Mọi bất đồng, tranh chấp phát sinh trong quá trình thực hiện được giải quyết trên cơ sở thương lượng bình đẳng giữa các Bên. Trường hợp không tự thương lượng được thì một trong các Bên có quyền khởi kiện Tòa án nơi Bên A có trụ sở chính để giải quyết. Quyết định của Tòa án có hiệu lực bắt buộc đối với các bên.

ĐIỀU 11. HIỆU LỰC

11.1. Thỏa thuận này có hiệu lực kể từ ngày ký và kết thúc khi các bên liên quan thực hiện các cam kết trong Thỏa thuận này hoặc theo Biên bản thanh lý Thỏa thuận.

11.2. Văn bản tài liệu liên quan đến Thỏa thuận này là bộ phận không tách rời và có giá trị pháp lý theo Thỏa thuận.

11.3. Thỏa thuận gồm 11 (mười một) Điều được lập thành 04 (bốn) bản chính, có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 01 bản, Bên D giữ 01 bản, Bên B giữ 01 bản, Bên C giữ 01 bản để cùng thực hiện.

ĐẠI DIỆN BÊN A
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN B
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN C
(Ký và ghi rõ họ tên)

ĐẠI DIỆN BÊN D
(Ký và ghi rõ họ tên)

Công cụ 13 | PHIẾU KHẢO SÁT DN

Ngày khảo sát / / [ngày/tháng/năm] **Phiếu số** :

Tên người thực hiện khảo sát DN:

CSGDNN:

Bảng hỏi dành cho DN

Để hỗ trợ những nỗ lực cải thiện chất lượng đào tạo nghề của các CSGDNN và để cung cấp cho các DN những học viên ra trường có trình độ tốt hơn, bảng câu hỏi này được thiết kế nhằm thu thập ý kiến của người sử dụng lao động về trình độ và năng lực (kiến thức chuyên môn, kỹ năng thực hành và thái độ) của học viên tốt nghiệp học nghề. Để có một bức tranh tổng thể về tình hình việc làm và khả năng làm việc của các học viên tốt nghiệp của (Tên CSGDNN), kính đề nghị DN trả lời thẳng thắn và chân thực nhất mọi câu hỏi liên quan tới học viên tốt nghiệp từ (Tên CSGDNN). Mọi thông tin mà DN cung cấp sẽ được giữ bí mật và không sử dụng vào mục đích nào khác.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của DN!

I – THÔNG TIN CHUNG

1. Địa chỉ:

Tên DN:

Số nhà/Đường/Phố (Thôn/xóm):

Xã/Phường/Thị trấn:

Huyện/Quận/Thị xã/TP thuộc tỉnh:

Xã/Phường/Thị trấn:

Số nhà/Đường/Phố (Thôn/xóm):

Tỉnh/thành phố:

Tên người trả lời phỏng vấn:

Địa chỉ e-mail:Điện thoại:

2. Loại hình DN (đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)

☐ DN Nhà nước

☐ DN ngoài Nhà nước

☐ DN có vốn đầu tư nước ngoài

3. Cơ sở này có phải là đơn vị con của một tập đoàn/tổng công ty không? (đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)

☐ Có

☐ Không -> Chuyển sang Câu 5

4. Tổng số lao động làm việc tại cơ sở này tính tại thời điểm hiện nay?

..... người

5. Tổng số lao động làm việc trong toàn bộ DN/tổng công ty hiện nay?

..... người

6. Ngành nghề sản xuất/kinh doanh chính của DN là gì?

- | | |
|---|--|
| ☐ Nông - Lâm - Ngư nghiệp | ☐ Thương mại & Dịch vụ (Bán buôn/lẻ) |
| ☐ Công nghiệp khai thác | ☐ Khách sạn, Nhà hàng và Lữ hành |
| ☐ Công nghiệp chế biến | ☐ Thông tin liên lạc, Công nghệ thông tin |
| ☐ Xây dựng | ☐ Giao thông vận tải |
| ☐ Sản xuất, phân phối điện, ga, nước | ☐ Giáo dục/đào tạo |
| ☐ Ngành nghề khác, ghi cụ thể | |

7. Công việc sản xuất/kinh doanh của DN hoạt động trên thị trường nào? (đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)

- | | | |
|--|---|---------------------------------|
| ☐ Thị trường trong nước | ☐ Thị trường xuất khẩu | ☐ Cả hai |
|--|---|---------------------------------|

8. DN có sản xuất/lắp ráp hàng hóa không? (đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)

- | | | |
|-----------------------------------|--|----------------------------------|
| ☐ Không | ☐ Có -> DN sử dụng công nghệ sản xuất/lắp ráp nào là chính? | |
| ☐ Thủ công | ☐ Bán tự động | ☐ Tự động |

9. DN có sử dụng những biện pháp để bảo vệ môi trường không?

- | | |
|--------------------------------|--|
| ☐ Không | ☐ Có -> Để nghị nêu rõ: |
|--------------------------------|--|

II – TUYỂN DỤNG**10. DN có kế hoạch tuyển dụng lao động trong 12 tháng tới?**

- | |
|--|
| ☐ Không -> Chuyển sang Câu 12 |
| ☐ Có -> DN tuyển dụng bao nhiêu lao động theo loại lao động dưới đây? (Đv: người) |
| Lao động không có trình độ nghề/chuyên môn kỹ thuật |
| Lao động có trình độ nghề/chuyên môn kỹ thuật |

11. DN có kế hoạch tuyển dụng phần lớn lao động trong vòng 12 tháng tới ở những nghề nào dưới đây? (CSGDNN liệt kê các ngành, nghề đào tạo của CSGDNN ở bảng dưới đây)

Tên nghề Mã nghề	Số lao động tuyển dụng (người)
Nghề số 1:	
Nghề số 2:	
Nghề số 3:	
Nghề số 4:	
Nghề số 5:	
.....	

12. DN đã tuyển dụng người lao động bị khuyết tật trong thời gian trước đây?

Không

Có -> Đề nghị nêu rõ bao nhiêu người:

13. Người lao động bị khuyết tật có thể đảm nhận những công việc giống như công việc của những lao động khác trong DN của Ông/Bà không?

Có

Không -> Đề nghị nêu rõ lý do:

14. Ông/Bà có nhìn thấy tiềm năng việc làm ở trong DN của Ông/Bà dành cho người lao động bị khuyết tật?

Không

Có -> Xin nêu rõ là ở trong lĩnh vực nào:

15. DN của Ông/Bà có triển khai các biện pháp để người khuyết tật có thể hòa nhập vào công việc khi làm việc tại DN không?

Không

Có -> Xin nêu rõ các biện pháp nào?:.....

III – VIỆC LÀM VÀ ĐÀO TẠO

16. Hãy chọn tối đa 5 nghề mà DN đã tuyển dụng số lượng học viên tốt nghiệp nhiều nhất (những học viên mới tốt nghiệp ra trường) từ (tên CSGDNN) trong vòng 12 tháng qua. (CS-GDNN chủ động lựa chọn nghề mà trường muốn nhận được đánh giá của DN đối với HV TN từ nghề này và đang làm việc tại DN).

Tên nghề	Mã nghề	Số lượng người lao động được tuyển dụng	Mức thu nhập tính bằng triệu VNĐ	Khó khăn trong tuyển dụng (đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)
Nghề số 1				☐
Nghề số 2				☐
Nghề số 3				☐
Nghề số 4				☐
Nghề số 5				☐

-> Nếu DN **không gặp khó khăn** trong việc tuyển dụng lao động lành nghề/có trình độ ở nghề nêu trên. -> Chuyển sang **Câu 18**

17. DN gặp khó khăn trong việc tuyển dụng lao động có trình độ, vậy những khó khăn này là gì? (đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)

Thiếu lao động đáp ứng yêu cầu về chuyên môn kỹ thuật, tay nghề ở khu vực địa phương

Các ứng cử xin việc có trình độ thấp

Đề nghị mức thu nhập không được chấp nhận

Khác (nếu có): _____

18. Đề cập đến nghề được nêu ở Câu 16. Trung bình mỗi học viên sau khi tốt nghiệp từ (tên CSGDNN) cần đào tạo bao nhiêu ngày trước khi bắt đầu công việc sản xuất?

Tên nghề (nghề ở Câu 16)	Mã nghề	Không cần đào tạo (đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)	Số ngày đào tạo lại/bổ sung đối với mỗi lao động mới được tuyển dụng
Nghề số 1		☐	
Nghề số 2		☐	
Nghề số 3		☐	
Nghề số 4		☐	
Nghề số 5		☐	

IV – TRÌNH ĐỘ VÀ NĂNG LỰC

19. Ông/Bà cho biết, mức độ hài lòng của DN đối với học viên tốt nghiệp từ (tên CSGDNN) mới được tuyển dụng?

Tên nghề (nghề ở Câu 16)	Mã nghề	Mức độ hài lòng về trình độ của học viên tốt nghiệp (đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)				
		5	4	3	2	1
		Hoàn toàn hài lòng	Phần lớn hài lòng	Hài lòng	Phần lớn không hài lòng	Hoàn toàn không hài lòng
Nghề số 1		☐	☐	☐	☐	☐
Nghề số 2		☐	☐	☐	☐	☐
Nghề số 3		☐	☐	☐	☐	☐
Nghề số 4		☐	☐	☐	☐	☐
Nghề số 5		☐	☐	☐	☐	☐

20. DN có tuyển dụng học viên tốt nghiệp ở nghề nêu trên từ các CSGDNN khác trong 12 tháng qua không? (đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)

☐ Có

☐ Không -> Chuyển sang **Câu 22**

21. Ông/Bà cho biết, mức độ hài lòng của DN đối với học viên tốt nghiệp từ (tên CSGDNN khác) mới được tuyển dụng?

Tên nghề (nghề ở Câu 16)	Mã nghề	Mức độ hài lòng về trình độ của học viên tốt nghiệp (đánh dấu "X" vào ô vuông tương ứng)				
		5	4	3	2	1
		Hoàn toàn hài lòng	Phần lớn hài lòng	Hài lòng	Phần lớn không hài lòng	Hoàn toàn không hài lòng
Nghề số 1		☐	☐	☐	☐	☐
Nghề số 2		☐	☐	☐	☐	☐
Nghề số 3		☐	☐	☐	☐	☐
Nghề số 4		☐	☐	☐	☐	☐
Nghề số 5		☐	☐	☐	☐	☐

22. Xin Ông/Bà đánh giá về năng lực một cách chi tiết?

(Cột A): Đánh giá mức độ quan trọng của năng lực đối với công việc trong DN của Ông/Bà?

(Cột B): Đánh giá mức độ thiếu năng lực của học viên tốt nghiệp từ (tên CSGDNN) đối với công việc trong DN của Ông/Bà?

Năng lực	(A): Mức độ quan trọng của năng lực					(B): Mức độ thiếu năng lực						
	5 Rất quan trọng	4 Quan trọng	3 Bình thường	2 Không quan trọng	1 Hoàn toàn không quan trọng	Tôi không biết	5 Hoàn toàn không thiếu	4 Thiếu ít	3 Thiếu trung bình	2 Thiếu nhiều	1 Thiếu rất nhiều	Tôi không biết
Kiến thức lý thuyết về nghề												
Khoa học ứng dụng (vd: toán học, vật lý, hóa học)												
Ngoại ngữ (vd: tiếng Anh)												
Công nghệ kỹ thuật và sản xuất												
Chế tạo và chế biến												
Máy tính và viễn thông												
Quản trị và điều hành/quản lý												
Các điều lệ và tiêu chuẩn chất lượng												
Vận chuyển và sắp xếp lưu kho												
Sức khỏe và an toàn lao động												
Bảo vệ môi trường và công nghệ xanh												
Đạo đức nghề nghiệp												
Quản lý nguồn lực: sử dụng năng lượng,vật liệu thừa một cách hiệu quả, tái chế/tái sử dụng vật liệu nhằm hạn chế việc sử dụng nguồn tài nguyên												
Khác (ghi rõ)												
Các kỹ năng thực hành nghề												
Kỹ năng cứng												
Thao tác và vận chuyển nguyên vật liệu, công cụ, linh kiện, thiết bị và máy móc.												
Sử dụng thiết bị đo đạc, kiểm tra và căn chỉnh theo tiêu chuẩn												

Cài đặt và vận hành máy móc, thiết bị và dụng cụ cho sản xuất																			
Thực hiện các công việc vận hành trong một dây chuyền sản xuất theo qui cách																			
Lắp ráp, lắp đặt, kiểm tra các bộ phận, thiết bị, máy móc, hệ thống, etc.																			
Bảo trì, bảo dưỡng và sửa chữa/thay thế các bộ phận, thiết bị/máy móc																			
Sử dụng bản đồ, bản thiết kế, bản vẽ và các chỉ dẫn kỹ thuật																			
Sử dụng năng lượng và vật liệu thừa hiệu quả/ sử dụng hệ thống tái chế																			
Khác (nêu rõ)																			
Kỹ năng mềm																			
Thu thập, xử lý, quản lý thông tin																			
Làm việc với người khác theo nhóm																			
Sử dụng các khái niệm và kỹ thuật toán học																			
Đưa ra các quyết định và giải quyết các vấn đề																			
Tổ chức, lên kế hoạch và sắp xếp thứ tự ưu tiên công việc																			
Sử dụng công nghệ máy tính, thiết bị điều khiển và phần mềm điều khiển																			
Hỗ trợ triển khai đào tạo trong chỗ làm																			
Áp dụng các điều lệ, quy định về an toàn và sức khỏe nghề nghiệp																			
Thúc đẩy và áp dụng các biện pháp bảo vệ môi trường và tiết kiệm năng lượng																			
Cung cấp các dịch vụ chăm sóc khách hàng																			
Khác (nêu rõ):																			

Thái độ làm việc													
Đáng tin cậy, có trách nhiệm													
Chính trực, tôn trọng													
Tận tâm, trung thành, cống hiến													
Chính xác, cẩn thận, tập trung													
Kỷ luật, ngăn nắp, đúng giờ													
Hợp tác, giúp đỡ													
Linh hoạt, dễ thích nghi													
Sẵn sàng học hỏi, định hướng nghề nghiệp, có tham vọng, có động lực													
Tinh sáng tạo, đổi mới													
Chịu khó, chịu được áp lực													
Các nghi thức cử chỉ xã giao công việc													
Khác (nếu rõ):													

PHỤ LỤC 3: CHƯƠNG TRÌNH BỒI DƯỠNG KỸ NĂNG QUẢN LÝ CHO NHÂN VIÊN ĐÀO TẠO TẠI DOANH NGHIỆP

(Trích theo Quyết định số 766/QĐ-TCGDNN ngày 28 /10 /2020 của Tổng cục trưởng Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp)

I. MỤC TIÊU

Mục tiêu chung

Sau khi hoàn thành chương trình này, người học có năng lực thực hiện chức năng quản lý, điều phối đào tạo tại doanh nghiệp và kết nối với cơ sở giáo dục đào tạo.

Mục tiêu cụ thể

Học xong chương trình này, người học có khả năng:

- Điều phối quá trình đào tạo tại doanh nghiệp;
- Áp dụng các quy định pháp lý và nghiệp vụ về giáo dục nghề nghiệp liên quan trong môi trường doanh nghiệp;
- Tổ chức thực hiện xác định, đánh giá nhu cầu đào tạo tại doanh nghiệp;
- Tổ chức đánh giá năng lực liên kết đào tạo của doanh nghiệp;
- Xây dựng hồ sơ quản lý đào tạo;
- Lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và đánh giá đào tạo;
- Kết nối và phát triển mạng lưới đối tác đào tạo;
- Nhận thức được các vấn đề đảm bảo an toàn lao động, bảo vệ môi trường, bình đẳng giới và tiếp cận công bằng trong môi trường lao động để có thể tích hợp hiệu quả vào quá trình đào tạo.

II. ĐỐI TƯỢNG NGƯỜI HỌC

- Cán bộ quản lý đào tạo, quản lý nhân sự của doanh nghiệp;
- Cán bộ quản lý các bộ phận sản xuất kinh doanh;
- Đào tạo viên nội bộ và đào tạo viên doanh nghiệp.

III. NỘI DUNG CHƯƠNG TRÌNH

Chương trình đào tạo gồm 08 bài học với thời lượng tối thiểu phân bổ như sau:

Bảng 1: Phân bổ thời lượng chương trình bồi dưỡng kỹ năng theo bài học

STT	Bài học	Thời gian học tập tối thiểu/giờ		
		Tổng số	Kiến thức	Kỹ năng
BH01	Những vấn đề chung của giáo dục nghề nghiệp và đào tạo tại doanh nghiệp	4	3	1
BH02	Tổ chức thực hiện xác định nhu cầu đào tạo nội bộ	4	1	3
BH03	Tổ chức thực hiện đánh giá năng lực liên kết đào tạo	4	1	3
BH04	Đánh giá nhu cầu đào tạo và phát triển nhân lực của doanh nghiệp	4	1	3
BH05	Lập kế hoạch đào tạo	4	1	3
BH06	Giám sát và đánh giá đào tạo	4	1	3
BH07	Thỏa thuận và kí kết hợp đồng đào tạo	2	1	1
BH08	Phát triển mạng lưới đối tác đào tạo	2	0.5	1.5
	Đánh giá khóa học	2		
	Tổng cộng	30	9.5	18.5

Nội dung chi tiết từng bài học được trình bày tại phụ lục của Chương trình này.

IV. HỜI GIAN ĐÀO TẠO:

Tổng thời gian đào tạo tối thiểu: 30 giờ.

Đơn vị thời gian của giờ học: một giờ học kiến thức là 45 phút; một giờ học kỹ năng là 60 phút; một giờ học tích hợp là 60 phút; một giờ thi/kiểm tra là 60 phút.

Một ngày học không quá 08 giờ.

V. THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH VÀ ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

Tổ chức thực hiện đào tạo

Chương trình có thể thực hiện tập trung, bán tập trung, từ xa liên tục một đợt hoặc nhiều đợt theo các bài học.

Cơ sở bồi dưỡng và cấp chứng chỉ là đơn vị được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ giao thực hiện các chương trình bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn cho cán bộ quản lý giáo dục nghề nghiệp theo thẩm quyền hoặc các tổ chức, cơ sở có năng lực đào tạo nghiệp vụ quản lý đào tạo được Tổng cục Giáo dục nghề nghiệp cho phép tổ chức bồi dưỡng và cấp chứng chỉ.

Phương pháp đào tạo

Chương trình được thực hiện theo phương thức dạy học định hướng hành động kết hợp với các phương pháp dạy học tích cực khác, như thuyết trình, đàm thoại, giải quyết vấn đề nhằm giúp người học hình thành năng lực toàn diện trên nền kiến thức, kỹ năng, tự chủ và trách nhiệm bao gồm năng lực chuyên môn, năng lực phương pháp, năng lực xã hội và năng lực cá nhân. Dạy học định hướng hành động dựa trên mô hình hoạt động đầy đủ gồm thông tin, kế hoạch, quyết định, thực hiện, kiểm tra và đánh giá với các chủ đề sự phạm được dẫn xuất từ các tình huống hoạt động nghề định hướng kết quả đầu ra.

Điều kiện thực hiện chung cho chương trình là phòng học có máy tính, máy chiếu và phương tiện dạy học phụ trợ; Điều kiện thực hiện chuyên biệt cho từng bài học được nêu trong chương trình chi tiết của bài.

Phương pháp và thang điểm đánh giá

Đánh giá kết quả học tập theo bài và cuối khóa, áp dụng phương pháp đánh giá năng lực dựa trên tiêu chí thực hiện của năng lực. Đánh giá năng lực theo hai mức: Đạt và Không đạt. Đánh giá kết thúc khóa học được thực hiện qua bài kiểm tra tổng hợp thể hiện khả năng vận dụng, liên kết các năng lực đã đạt được.

Điều kiện hoàn thành khóa học

Người học được công nhận hoàn thành khóa học khi đạt được tất cả các năng lực quy định trong chương trình và thực hiện đầy đủ quy chế đào tạo. Người hoàn thành khóa học được cấp Chứng chỉ kỹ năng quản lý cho Nhân viên đào tạo tại doanh nghiệp.

Địa điểm đào tạo

Ưu tiên tổ chức đào tạo tại doanh nghiệp có gắn với thực tế sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

